

BỘ TÀI CHÍNH

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **7991**/BTC-CST

Hà Nội, ngày **30** tháng **7** năm **2024**

V/v xin ý kiến thẩm định hồ sơ lập đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ, căn cứ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã hoàn chỉnh hồ sơ lập đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp và có công văn số 6560/BTC-CST ngày 25/6/2024 gửi xin ý kiến các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, cơ quan liên quan và lấy ý kiến rộng rãi các tổ chức, cá nhân trên Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ, của Bộ Tài chính.

Trên cơ sở ý kiến tham gia của các Bộ, ngành, địa phương, Bộ Tài chính đã hoàn thiện hồ sơ lập đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết; gửi xin ý kiến thẩm định của quý Bộ theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đề trình Chính phủ xem xét, quyết định (*hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết gửi kèm*).

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp công tác của quý Bộ. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Vụ PC, TCT;
- Lưu: VT, CST (4b). *Ch*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**

Cao Anh Tuấn



Nghị quyết số... /2024/QH15

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐỀ CƯƠNG DỰ THẢO
NGHỊ QUYẾT**

Về kéo dài thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp được quy định tại Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 của Quốc hội về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Quốc hội và Nghị quyết số 107/2020/QH14 ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội

QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 63/2020/QH14;

Căn cứ Luật thuế sử dụng đất nông nghiệp số 23-L/CTN;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Kéo dài thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp được quy định tại Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 của Quốc hội về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Quốc hội và Nghị quyết số 107/2020/QH14 ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Nghị quyết này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2025.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Số: 187/TTr-BTC

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2024

TỜ TRÌNH

**Về đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội
về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp**

Kính gửi: Chính phủ
(Tài liệu phục vụ gửi Bộ Tư pháp thẩm định)

Căn cứ Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15 ngày 05/11/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH) triển khai thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị và Đề án định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, Chính phủ đã có Báo cáo số 71/BC-CP ngày 16/3/2023 gửi UBTVQH về Kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15, trong đó có báo cáo về kết quả nghiên cứu, rà soát Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (SDĐPNN) và Luật Thuế sử dụng đất nông nghiệp (SDĐNN).

Theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, thực hiện chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ, Bộ Tài chính đã tiến hành rà soát, tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện các chính sách thuế hiện hành liên quan đến bất động sản (BDS) (báo cáo trình kèm), thu thập kinh nghiệm quốc tế; chuẩn bị hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế SDĐNN; gửi xin ý kiến các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gọi chung là UBND cấp tỉnh), lấy ý kiến rộng rãi các tổ chức, cá nhân có liên quan trên Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ, của Bộ Tài chính và tổng hợp giải trình ý kiến tham gia; gửi lấy ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp và tổng hợp, giải trình ý kiến thẩm định để trình Chính phủ xem xét, quyết định.

Bộ Tài chính xin trình Chính phủ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế SDĐNN như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

Chính sách thuế SDĐNN được thực hiện theo quy định của Luật Thuế SDĐNN năm 1993, Pháp lệnh số 31-L/CTN ngày 29/3/1994 của UBTVQH về thuế bổ sung đối với hộ gia đình SDĐNN vượt quá hạn mức diện tích đất.

Theo quy định của Luật Thuế SDĐNN thì tổ chức, cá nhân sử dụng đất vào sản xuất nông nghiệp phải nộp thuế SDĐNN. Đối tượng chịu thuế SDĐNN là đất dùng vào sản xuất nông nghiệp bao gồm đất trồng trọt; đất có mặt nước nuôi trồng

thuỷ sản; đất rừng trồng. Căn cứ tính thuế SDĐNN được xác định theo diện tích đất, hạng đất và định suất thuế tính bằng kg thóc trên một đơn vị diện tích của từng hạng đất (Trong đó, hạng đất căn cứ vào các yếu tố: Chất đất, vị trí, địa hình, điều kiện khí hậu và thời tiết, điều kiện tưới tiêu; Định suất thuế tính bằng kg thóc/ha quy định riêng đối với từng loại đất: Đất trồng cây hàng năm và đất có mặt nước nuôi trồng thuỷ sản từ 50 kg đến 550 kg thóc/ha; Đất trồng cây lâu năm từ 80 kg đến 650 kg thóc/ha; Cây ăn quả lâu năm trồng trên đất trồng cây hàng năm bằng 1,3 lần thuế đối với đất trồng cây hàng năm cùng hạng 1, 2, 3 và bằng thuế đất trồng cây hàng năm cùng hạng 4, 5, 6; riêng đối với cây lấy gỗ và các loại cây lâu năm thu hoạch một lần: thuế SDĐNN tính bằng 4% giá trị sản lượng khai thác. Giá thóc thu thuế do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định sát giá thị trường và không được thấp hơn 10% so với giá thị trường tại địa phương).

Luật Thuế SDĐNN quy định việc miễn, giảm thuế SDĐNN như sau: (i) Miễn thuế đối với đất đồi, núi trọc dùng vào sản xuất nông, lâm nghiệp, đất trồng rừng phòng hộ và rừng đặc dụng; đối với các hộ nông dân là người tàn tật, già yếu không nơi nương tựa; đối với hộ nộp thuế có thương binh hạng 1/4 và 2/4, bệnh binh hạng 1/3 và 2/3; (ii) Miễn thuế có thời hạn đối với đất khai hoang dùng vào sản xuất; đất trồng cây lâu năm chuyển sang trồng lại mới và đất trồng cây hàng năm chuyển sang trồng cây lâu năm, cây ăn quả; hộ di chuyển đến vùng kinh tế mới khai hoang để sản xuất nông nghiệp; (iii) Giảm thuế trong trường hợp thiên tai, dịch hoạ làm thiệt hại mùa màng; đối với hộ nộp thuế có thương binh, bệnh binh không thuộc diện miễn thuế mà đời sống có nhiều khó khăn; (iv) Miễn thuế hoặc giảm thuế cho các hộ nông dân sản xuất ở vùng cao, miền núi, biên giới và hải đảo và đối với các hộ nông dân là dân tộc thiểu số mà sản xuất và đời sống còn nhiều khó khăn; đối với hộ nộp thuế là gia đình liệt sỹ.

Thực hiện chủ trương xóa đói, giảm nghèo của Đảng và Nhà nước, đồng thời hỗ trợ đối với nông dân, khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp, chính sách miễn, giảm thuế SDĐNN được thực hiện từ năm 2001 đến nay. Theo quy định hiện hành thì chính sách thuế SDĐNN đang được miễn đến hết ngày 31/12/2025 theo Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24/11/2010, Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11/11/2016 và Nghị quyết số 107/2020/QH14 ngày 10/6/2020 của Quốc hội, trừ diện tích đất nông nghiệp mà Nhà nước giao cho tổ chức quản lý nhưng không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp.

Tổng kết, đánh giá 20 năm thực hiện chính sách miễn, giảm thuế SDĐNN cho thấy, tổng số thuế SDĐNN miễn, giảm giai đoạn 2003-2010 trung bình khoảng 3.268,5 tỷ đồng/năm; giai đoạn từ 2011-2016 trung bình khoảng 6.308,3 tỷ đồng/năm; giai đoạn 2017-2018 và đến hết năm 2020 khoảng 7.438,5 tỷ đồng/năm; giai đoạn 2021-2023 trung bình khoảng 7.500 tỷ đồng/năm. Chính sách miễn, giảm thuế SDĐNN là giải pháp có tác động lớn, quan trọng góp phần thực hiện chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong từng thời kỳ; Góp phần hỗ trợ trực tiếp người nông dân, khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Khuyến khích tập trung đất đai để sản xuất nông nghiệp với quy mô lớn, góp phần chuyển

dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng hiện đại hóa, góp phần cải thiện, nâng cao đời sống nông dân, tạo việc làm cho khu vực nông thôn, khuyến khích người nông dân gắn bó hơn với đất, yên tâm đầu tư sản xuất nông nghiệp; Góp phần nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp trên thị trường trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

Trong thời gian tới, việc tiếp tục thực hiện miễn thuế SDDNN như quy định hiện hành là cần thiết xuất phát từ các lý do sau:

1. Tiếp tục thể chế hóa quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn

Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là cơ sở và lực lượng quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) bền vững, giữ vững ổn định chính trị.

Hiến pháp năm 2013 đã hiến định: *“Đất đai... là tài sản công thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý”*. *“Đất đai là tài nguyên đặc biệt của quốc gia, nguồn lực quan trọng phát triển đất nước, được quản lý theo pháp luật”*. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai, Nhà nước đã ban hành các chính sách tài chính đối với đất đai, trong đó chính sách thuế SDDNN được xây dựng nhằm khuyến khích SDDNN có hiệu quả, thực hiện công bằng, hợp lý sự đóng góp của tổ chức, cá nhân SDDNN vào ngân sách nhà nước (NSNN), tạo nguồn lực mới để phát triển KT-XH, góp phần thực hiện chiến lược phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã luôn quan tâm đến việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách thuế đồng bộ, thống nhất, công bằng, hiệu quả, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; phù hợp với thông lệ quốc tế. Các văn kiện, Nghị quyết của Đảng và Nhà nước gần đây đã tiếp tục đề ra nhiều chủ trương, định hướng quan trọng cho việc hoàn thiện chính sách thuế nói chung và chính sách thuế SDDNN nói riêng. Cụ thể như sau;

- Tại Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn có nêu: *“Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược lâu dài và là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu trong sự nghiệp phát triển KT-XH của đất nước ta”*; và đưa ra giải pháp: *“Đẩy mạnh chủ trương tích tụ, tập trung đất đai phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, có sức cạnh tranh cao...”*; *“Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách, trước hết là cơ chế, chính sách có liên quan đến đất đai, thuế...”*.

- Tại Kết luận số 36-KL/TW ngày 06/9/2018 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 khóa XI về tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, đã nêu giải pháp: *“Hoàn thiện chính sách thuế đối với đất nông nghiệp nhằm khuyến khích, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, khắc phục tình trạng đất bỏ hoang, sử dụng sai mục đích”*.

- Tại Kết luận số 81-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030 đưa ra nhiệm vụ, giải pháp: “*Tiếp tục cơ cấu lại để phát triển sản xuất, chế biến, tiêu thụ lương thực, thực phẩm theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn, hợp tác liên kết theo chuỗi giá trị*”; “*rà soát, sửa đổi, hoàn thiện cơ chế, chính sách đất đai, tài chính, bảo hiểm, tín dụng, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp theo hướng bền vững*”.

- Tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao: “*...Rà soát chính sách pháp luật về thuế SDDPNN và thuế SDDNN, xây dựng chính sách, pháp luật về thuế sử dụng đất theo thông lệ quốc tế, phù hợp với trình độ phát triển, điều kiện cụ thể và lộ trình thích hợp...*”.

- Tại Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 có nêu nhiệm vụ, giải pháp: “*...Hoàn thiện chính sách, pháp luật về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật đất đai bảo đảm quản lý, sử dụng bền vững, hiệu quả đất nông nghiệp, thúc đẩy tích tụ, tập trung, sử dụng linh hoạt, hiệu quả đất lúa... Hoàn thiện chính sách phát triển trang trại, kinh tế hộ, kinh tế tập thể, liên kết...*”.

- Tại Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới đưa ra nhiệm vụ, giải pháp: “*Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các tổ chức kinh tế tập thể tích tụ đất đai cho sản xuất kinh doanh, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp để hình thành chuỗi sản xuất, cung cấp dịch vụ chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông, lâm, ngư nghiệp quy mô lớn*”.

- Tại Luật Đất đai số 31/2024/QH15 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2024) đã quy định về khuyến khích đầu tư sử dụng đất đai: “*Tập trung đất đai để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp quy mô lớn*” (Điều 8); “*Nhà nước có chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân thực hiện tập trung đất để sản xuất nông nghiệp*” (Khoản 3 Điều 192).

- Tại Quyết định số 124/QĐ-TTg ngày 02/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030 nêu giải pháp: “*Tạo điều kiện cho kinh tế hộ gia đình phát triển sản xuất hàng hóa theo hướng mở rộng quy mô trang trại*”.

- Tại Quyết định số 537/QĐ-TTg ngày 10/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị giao Bộ Tài chính: “*Chủ trì rà soát, sửa đổi, bổ sung chính sách thuế, phí theo hướng tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của ngành nông nghiệp, thu hút các thành phần kinh tế đầu tư vào khu vực nông nghiệp, nông thôn*”.

Thực hiện các chủ trương nêu trên, để khuyến khích hơn nữa tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; khuyến khích phát triển kinh tế trang trại; khuyến khích phát triển xây dựng cánh đồng lớn; góp phần chuyển dịch

cơ cấu nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, đẩy nhanh ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ trong sản xuất nông nghiệp đạt năng suất, chất lượng cao thì cần thiết phải tiếp tục thực hiện chính sách miễn thuế SĐĐNN trong giai đoạn tới.

2. Tiếp tục khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, góp phần tái cơ cấu ngành nông nghiệp

Nông nghiệp, nông dân, nông thôn là ba thành tố không thể tách rời, có vai trò, vị trí trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là cơ sở, lực lượng to lớn trong phát triển KT-XH. Nông nghiệp là lợi thế quốc gia, nguồn lực của đất nước phải tiếp tục ưu tiên đầu tư cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Trong đó, tổ chức, doanh nghiệp đóng vai trò trung tâm, đặc biệt quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển ngành nông nghiệp.

Đối với tổ chức, doanh nghiệp đầu tư sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp thì vốn và đất đai là hai nguồn lực quan trọng nhất. Nhận thức được tầm quan trọng của việc tiếp cận đất đai, trong thời gian qua Quốc hội và Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp¹, trong đó có chính sách miễn thuế SĐĐNN. Các chính sách này được đánh giá là có tác động tích cực, góp phần giảm chi phí đầu vào của doanh nghiệp, thúc đẩy các doanh nghiệp quan tâm, đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp. Tuy nhiên, việc khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp còn nhiều hạn chế, đặc biệt là quỹ đất nông nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu sản xuất của doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, tổ chức, doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp hiện nay còn nhiều tồn tại. Tổ chức kinh tế tập thể², đặc biệt là hoạt động phát triển của hợp tác xã nông nghiệp đa số có quy mô nhỏ³, chủ yếu phát triển theo chiều rộng, không đồng đều giữa các địa phương, hiệu quả thấp và sức cạnh tranh chưa cao⁴, chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế. Số lượng doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp còn khá khiêm tốn. Thống kê của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho thấy hiện cả nước có khoảng trên 50.000 doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, một con số rất khiêm tốn so với tổng số trên 900.000 doanh nghiệp đang hoạt động ở nước ta. Số doanh nghiệp đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp chỉ chiếm khoảng 5,5% tổng số doanh nghiệp trên cả nước, trong đó có khoảng 96% là doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ. So với tiềm năng và tỷ trọng ngành nông nghiệp trong nền kinh tế, số lượng doanh nghiệp như hiện nay còn khá ít, quy mô của các doanh nghiệp nông nghiệp còn hạn chế, sự phát triển của các doanh nghiệp trong

¹ Nghị quyết số 26-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Nghị quyết số 19-NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045; Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Nghị quyết số 53/NQ-CP ngày 17/7/2019 của Chính phủ về giải pháp khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp hiệu quả, an toàn và bền vững...

² Kinh tế tập thể với nhiều hình thức tổ chức kinh tế hợp tác đa dạng, phát triển từ thấp đến cao: tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã... trong đó hợp tác xã là nòng cốt.

³ Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t. II, tr. 62

⁴ Theo báo cáo của Liên minh hợp tác xã Việt Nam, tính đến năm 2023, cả nước có 20.500 hợp tác xã nông nghiệp, chiếm 66,7% tổng số hợp tác xã hoạt động với hai mô hình chủ yếu là hợp tác xã kinh doanh tổng hợp và hợp tác xã chuyên ngành.

lĩnh vực nông nghiệp còn rất khiêm tốn so với tiềm năng, lợi thế phát triển, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển nông nghiệp trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế. Theo đó, để góp phần đạt mục tiêu về số lượng doanh nghiệp hoạt động đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp đến năm 2030 và tăng tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản đạt khoảng 3%/năm, việc tiếp tục thực hiện chính sách miễn thuế SDDNN đối với các tổ chức trực tiếp SDDNN để sản xuất nông nghiệp là một trong những giải pháp hỗ trợ hiệu quả.

Đối với hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông nghiệp cũng cần phải tiếp tục có chính sách ưu đãi miễn thuế SDDNN cho giai đoạn tiếp theo nhằm hỗ trợ, khuyến khích tích tụ, tập trung đất đai để đầu tư sản xuất nông nghiệp. Việc thực hiện chính sách miễn thuế SDDNN đối với hộ gia đình, cá nhân cùng với các chính sách khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp sẽ tạo ra thể chế chính sách ưu đãi thống nhất, hợp lý để khuyến khích các nguồn lực đầu tư của xã hội vào lĩnh vực nông nghiệp.

3. Tiếp tục góp phần bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia và ổn định KT-XH

An ninh lương thực quốc gia là vấn đề quan trọng, thiết yếu của đất nước cả trước mắt và lâu dài, đặc biệt nguồn cung và khả năng tiếp cận lương thực đang chịu tác động lớn từ tình hình thương mại toàn cầu biến động, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, quá trình công nghiệp hóa. Một trong các mục tiêu đến năm 2030⁵ để đảm bảo an ninh lương thực quốc gia là nâng cao hiệu quả SDDNN, giữ ổn định 3,5 triệu ha đất lúa.

Lý luận và thực tiễn đều khẳng định tập trung đất đai trong nông nghiệp là một xu thế tất yếu để đưa sản xuất nông nghiệp lên sản xuất hàng hóa, tập trung có quy mô lớn, có liên kết chặt chẽ, có kế hoạch và phân phối lợi ích hài hòa giữa sản xuất và tiêu thụ nông sản hàng hóa. Kinh nghiệm đối với tập trung đất nông nghiệp để phát triển sản xuất hàng hóa tại các nước trên thế giới⁶ cho thấy các quốc gia đều có đặc điểm chung là quản lý thông qua tác động chính sách tới SDDNN cho phát triển kinh tế trang trại, kinh tế hộ. Cùng với sự phát triển của kinh tế thị trường, các hỗ trợ chính sách tài chính của Nhà nước là phổ biến, thực tiễn và có hiệu quả.

Sản xuất nông nghiệp của Việt Nam đang dần được cải thiện về quy mô và chất lượng nhưng hiệu quả vẫn chưa cao. Một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên là do việc đất sử dụng trong sản xuất nông nghiệp hiện còn manh mún, phân tán nhỏ lẻ, đất đai phục vụ sản xuất nông nghiệp trên diện rộng không nhiều, gây trở ngại lớn cho việc phát triển sản xuất trên quy mô lớn và khó khăn trong việc áp dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến. Trong những năm qua, việc hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách bảo đảm an ninh lương thực quốc gia tập trung vào chính sách đất đai, tài chính, bảo hiểm, tín dụng nhằm thúc đẩy sản xuất nông

⁵ Kết luận số 81-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030.

⁶ Nhà nước có chính sách đất đai để tạo điều kiện cho quá trình tập trung ruộng đất nhằm hình thành các mô hình trang trại có quy mô lớn (Mỹ, Hà Lan); Nhà nước có chính sách hỗ trợ về tín dụng, tài chính đối với các mô hình sử dụng đất tập trung, quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp (Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản).

ngành theo hướng bền vững. Pháp luật về đất đai và các pháp luật có liên quan đã tạo hành lang pháp lý tương đối thuận lợi cho quá trình tập trung đất đai, đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn. Đặc biệt, chính sách pháp luật đất đai⁷ quy định về “tập trung, tích tụ đất nông nghiệp” được kỳ vọng sẽ góp phần thúc đẩy lĩnh vực nông nghiệp phát triển nhanh, bền vững và hiệu quả hơn, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, từng bước khắc phục tình trạng sản xuất nhỏ lẻ, manh mún trong lĩnh vực nông nghiệp.

Việc tiếp tục miễn thuế SĐĐNN trong thời gian tới sẽ là một trong các chính sách tài chính hữu hiệu của Nhà nước trong việc khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư vào sản xuất nông nghiệp, đẩy mạnh tích tụ, tập trung đất đai để đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp, phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại hóa, chuyên canh hóa tập trung, quy mô lớn, từ đó cụ thể hóa các mục tiêu phát triển nông nghiệp, nông dân và nông thôn nước ta những năm tới.

4. Tiếp tục góp phần nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp trên thị trường trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế

Xác định nông nghiệp là lợi thế quốc gia, mục tiêu đến năm 2045 của Việt Nam⁸ là nông nghiệp phát triển nhanh, bền vững, hiệu quả, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia, quy mô sản xuất hàng hóa nông sản ngày càng lớn, có giá trị gia tăng, gắn kết chặt chẽ với thị trường trong và ngoài nước, xuất khẩu nhiều loại nông sản đứng hàng đầu thế giới.

Hiện nay, hội nhập kinh tế quốc tế đã giúp ngành nông nghiệp Việt Nam tham gia thành công vào chuỗi giá trị toàn cầu. Việt Nam trở thành mắt xích quan trọng trong chuỗi giá trị nông sản toàn cầu, nằm trong nhóm 15 quốc gia xuất khẩu nông sản lớn nhất thế giới và đứng thứ 2 trong khu vực Đông Nam Á⁹. Chính sách miễn, giảm thuế SĐĐNN là một trong những chính sách hỗ trợ tài chính của Nhà nước cho lĩnh vực sản xuất nông nghiệp. Trong giai đoạn vừa qua, Quốc hội đã liên tiếp mở rộng diện miễn, giảm thuế SĐĐNN nhằm đáp ứng mục tiêu, yêu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp, góp phần tạo nguồn lực cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư nâng cao giá trị gia tăng của các ngành sản xuất nông nghiệp, góp phần đưa Việt Nam dẫn đầu trong xuất khẩu nhiều mặt hàng nông sản (gỗ, thủy sản, điều, tiêu...), khẳng định năng lực cạnh tranh của Việt Nam trong hoạt động sản xuất sản phẩm nông nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

Theo số liệu tổng hợp từ Tổng cục Thống kê, Bộ Công thương, Bộ Tài chính cho thấy: Giai đoạn 2001-2010, giai đoạn đầu thực hiện miễn, giảm thuế SĐĐNN, kim ngạch xuất khẩu nông sản của Việt Nam từ 1 con số đã tăng lên 2

⁷ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2024) đã hoàn thiện cơ chế, chính sách về quản lý, SĐĐNN theo hướng mở rộng hạn mức nhận chuyển quyền SĐĐNN lên không quá 15 lần hạn mức giao đất tại địa phương. Mở rộng đối tượng được nhận chuyển nhượng đất nông nghiệp cho tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân không trực tiếp sản xuất nông nghiệp. Bổ sung quy định về các hình thức tập trung, tích tụ đất đai cho sản xuất nông nghiệp, cơ chế góp quyền sử dụng đất, điều chỉnh lại quyền sử dụng đất đối với các dự án tập trung đất nông nghiệp.

⁸ Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

⁹ Nghị quyết số 53/NQ-CP ngày 17/7/2019 về giải pháp khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp hiệu quả, an toàn và bền vững.

con số: Năm 2001, kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản chỉ đạt 4,7 tỷ USD; năm 2005, đã tăng lên 8,5 tỷ USD, gấp 2,1 lần năm 2001; năm 2007 đạt 10,9 tỷ USD và đến năm 2010 đạt 19,15 tỷ USD (tăng gần 5 lần so với năm 2001).

Giai đoạn 2011-2018 (giai đoạn tiếp tục mở rộng đối tượng được miễn, giảm thuế SDĐNN và tiến tới miễn thuế SDĐNN), kim ngạch xuất khẩu tăng trưởng vượt bậc, góp phần quan trọng vào thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đưa Việt Nam lọt vào top 15 nước xuất khẩu nông sản lớn nhất trên thế giới. Năm 2011, kim ngạch xuất khẩu nông sản đạt 25 tỷ USD. Đến năm 2018, kim ngạch xuất khẩu nông sản đã đạt khoảng 40,5 tỷ USD (tăng 10 lần so với năm 2001). Trong giai đoạn khó khăn do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam năm 2019, 2020 vẫn đạt con số ấn tượng 41,2 tỷ USD.

Giai đoạn 2021-2023 (giai đoạn kéo dài thời hạn miễn thuế SDĐNN theo Nghị quyết số 107/2020/QH14): Kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản tăng từ 48,70 tỷ USD (năm 2021) đến 53,22 tỷ USD (năm 2022, 2023).

Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam chuyển sang giai đoạn mới gắn kết chặt chẽ với nền kinh tế khu vực và toàn cầu. Trong những năm qua, Việt Nam đã và đang thực hiện nhiều Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA) với phạm vi và cam kết sâu rộng. Các Hiệp định thương mại tự do là cơ hội lớn đẩy mạnh xuất khẩu của Việt Nam trong lĩnh vực nông sản, tạo động lực cho tăng trưởng kinh tế, tăng cường cơ hội thu hút dòng vốn FDI, nâng cao giá trị gia tăng của các ngành sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, hàng nông sản của các nước đối tác cũng được hưởng những thuận lợi tương tự khi vào thị trường Việt Nam, do đó sức ép cạnh tranh ngay tại thị trường trong nước cũng rất lớn đối với hàng nông sản của Việt Nam. Ngoài ra, trong những năm gần đây, với xu hướng bảo hộ mậu dịch¹⁰ của các nước trên thế giới và những thách thức nội tại của ngành nông nghiệp (như biến đổi khí hậu, liên kết giá trị nông sản, biến động giá thị trường...) đã khiến cạnh tranh xuất khẩu nông sản trở nên khốc liệt hơn. Điều này đòi hỏi nông nghiệp Việt Nam phải được phát triển toàn diện, theo hướng bền vững, sản xuất hàng hóa quy mô lớn có năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh.

Vì vậy, để đẩy nhanh quá trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp, tăng cường cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, phấn đấu đến năm 2030 đưa nông nghiệp Việt Nam đứng trong số 15 nước phát triển nhất thế giới thì việc tiếp tục miễn thuế SDĐNN là một giải pháp khuyến nông cần thiết để nâng cao giá trị gia tăng và kết nối chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp, hướng tới phát triển nông nghiệp bền vững.

¹⁰ Bảo hộ mậu dịch là một thuật ngữ kinh tế học, chỉ việc áp dụng các biện pháp để bảo vệ ngành sản xuất hàng hóa (hay dịch vụ) của quốc gia bằng cách nâng cao tiêu chuẩn như chất lượng, vệ sinh, môi trường, xuất xứ... hoặc áp đặt thuế nhập khẩu cao đối với một số mặt hàng; được sử dụng trong quan hệ thương mại giữa các nước. Các biện pháp này hiện được các nước gia tăng sử dụng như giải pháp ứng phó với tác động suy thoái sau dịch Covid-19 và các rủi ro tiềm tàng từ các yếu tố biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh.

5. Tiếp tục hỗ trợ tạo công ăn việc làm cho khu vực nông thôn, nâng cao thu nhập của người nông dân, góp phần giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới

Nông dân là chủ thể, là trung tâm của quá trình phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới. Mục tiêu cao nhất trong phát triển nông nghiệp, nông thôn là nâng cao toàn diện đời sống vật chất, tinh thần của người nông dân và cư dân nông thôn¹¹.

Giải quyết việc làm cho nông dân là nhiệm vụ ưu tiên xuyên suốt trong mọi chương trình phát triển KT-XH của cả nước. Đặc biệt, trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, vấn đề lao động có vai trò quan trọng, mang tính cấp thiết, lâu dài đối với sự phát triển bền vững nền kinh tế. Một trong những mục tiêu quan trọng của chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là giải quyết việc làm và chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động nông thôn. Mặc dù trong những năm qua, xu hướng đô thị hóa đang gia tăng, nhưng khoảng hơn 60% lực lượng lao động nước ta tập trung ở nông thôn¹², năng suất lao động nông nghiệp thấp, tỷ suất lợi nhuận trong lĩnh vực nông nghiệp không cao nên sản phẩm thặng dư do ngành nông nghiệp tạo ra là ít.

Xét về mặt kinh tế thì việc tiếp tục miễn thuế SDDNN là biện pháp khuyến nông thông qua thuế, tạo cơ sở cho tập trung đất nông nghiệp để phát triển nông nghiệp hiện đại theo hướng ứng dụng khoa học kỹ thuật, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tỷ trọng lao động nông nghiệp ở nông thôn. Hiệu ứng về mặt xã hội của chính sách miễn thuế SDDNN là thông qua chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, phát triển hình thức kinh tế trang trại và ứng dụng khoa học công nghệ đã tạo ra nhiều việc làm hơn trong khu vực nông thôn, giảm áp lực lao động di làm tại các địa phương khác hoặc xuất khẩu lao động, từ đó giúp tăng thu nhập cho lực lượng lao động nông thôn, góp phần xây dựng nông thôn mới.

Theo đó, bên cạnh các chính sách nâng cao năng lực, đào tạo lao động ngành nông nghiệp của Nhà nước để tăng năng suất lao động, tạo nguồn lực phát triển nông nghiệp thì việc tiếp tục miễn thuế SDDNN là một trong các giải pháp phù hợp nhằm tạo thêm việc làm trong lĩnh vực nông nghiệp tại khu vực nông thôn, góp phần xóa đói giảm nghèo.

6. Đảm bảo phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam và thông lệ quốc tế

Thông lệ quốc tế cho thấy, phần lớn các nước có quy định về thuế SDDNN. Một số quốc gia (*Albani, Armenia, Ai Cập*) có sắc thuế riêng đánh vào đất nông nghiệp, trong khi một số quốc gia đưa đất nông nghiệp vào đối tượng đánh thuế BĐS (*như: Canada, Argentina, Chi lê, México, Ấn Độ*). Một số ít nước ban hành Luật Thuế riêng về SDDNN tương tự Việt Nam (*như: Albania, Bulgari, Georgia, Ba Lan, Trung Quốc...*).

¹¹ Nghị quyết số 19-NQ-TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

¹² Theo số liệu của Tổng cục thống kê năm 2023, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên năm 2023 đạt 52,4 triệu người, trong đó, lực lượng lao động ở khu vực thành thị là 19,5 triệu người, chiếm 37,3%, khu vực nông thôn là 32,9 triệu người, chiếm 62,7%.

Mặc dù việc SDĐNN bị đánh thuế là phổ biến, tuy nhiên, các quốc gia đều có hình thức hỗ trợ lĩnh vực nông nghiệp nói chung, người nông dân nói riêng. Tùy vào mục tiêu khác nhau như mục tiêu chính trị, mục tiêu khuyến khích đầu tư sản xuất nông nghiệp hoặc mục tiêu giảm chi phí quản lý thuế mà các nước có các chính sách ưu đãi thuế đối với việc SDĐNN khác nhau như: áp dụng mức thuế suất đối với đất nông nghiệp thấp hơn mức thuế suất đối với đất ở, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp (*Nga, Canada, Thái Lan, Hàn Quốc...*); quy định miễn thuế SDĐNN (*như: Cộng hòa Ai-len, Anh*). Ngay cả ở những quốc gia mà đất nông nghiệp thuộc đối tượng chịu thuế BĐS thường có hình thức miễn, giảm nào đó cho đất nông nghiệp hoặc công trình trên đất nông nghiệp¹³. Một số quốc gia OECD không đưa BĐS nông nghiệp vào cơ sở tính thuế BĐS¹⁴. Ở Canada và Hoa Kỳ, đất nông nghiệp không được miễn thuế, tuy nhiên, BĐS nông nghiệp thường nhận được hình thức ưu đãi khác¹⁵. Bên cạnh các chính sách hỗ trợ, khuyến khích dành cho lĩnh vực nông nghiệp¹⁶, trợ cấp nông nghiệp¹⁷ thì miễn thuế SDĐNN được các nước sử dụng như một kênh hỗ trợ người nông dân và khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, hướng tới phát triển nông nghiệp bền vững, đảm bảo an ninh lương thực.

Việc miễn thuế SDĐNN không trái với các quy định về trợ cấp tại các Hiệp định thương mại mà Việt Nam đã đàm phán, ký kết¹⁸, trong đó có Hiệp định EVFTA và CPTTP.

Như vậy, việc tiếp tục miễn thuế SDĐNN là phù hợp với thông lệ quốc tế trong việc sử dụng chính sách thuế như công cụ tài chính để góp phần khuyến khích phát triển nền sản xuất nông nghiệp.

Từ những phân tích nêu trên, để tiếp tục thực hiện kết quả đạt được của việc miễn thuế SDĐNN, phù hợp với định hướng của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; tiếp tục khuyến khích tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; khuyến khích kinh tế trang trại; góp phần chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa; góp phần nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp trên thị trường trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế; tiếp tục hỗ trợ, tạo công ăn việc làm cho khu vực nông thôn, nâng cao thu nhập và đời sống người nông dân, góp phần xây dựng nông thôn mới và vẫn đảm bảo phù hợp với thông lệ quốc tế thì cần thiết tiếp tục miễn thuế SDĐNN cho giai đoạn tiếp theo. Theo đó, Bộ Tài chính đề xuất bỏ

¹³ Ví dụ như Kosovo quy định mức thuế suất thấp hơn cho BĐS sử dụng cho nông và lâm nghiệp. Nhật Bản áp dụng hệ số tính thuế 45% giá trị thị trường cho đất nông nghiệp.

¹⁴ Phần Lan, Đức, Hungary, Ai-len, Hà Lan, Na Uy, Ba Lan, Slovenia, Thụy Điển, Anh.

¹⁵ Ví dụ như tại Canada, một trong những phương thức mà chính quyền bang hỗ trợ cho nông dân là thông qua "Chương trình thuế trang trại", nếu chủ sở hữu trang trại đáp ứng điều kiện của chương trình thì phần đất trang trại chỉ chịu thuế không quá 25% mức thuế suất mà chính quyền nơi đó quy định.

¹⁶ Như không đánh thuế thu nhập từ hoạt động sản xuất nông nghiệp (Ấn Độ); ưu đãi thuế VAT đối với các sản phẩm nông nghiệp (Mỹ, Hà Lan), miễn thuế chuyển nhượng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân (Úc).

¹⁷ Ví dụ như nông dân các nước khu vực Châu Âu đều được hưởng chương trình trợ cấp nông nghiệp (EU's Common Agricultural Policy) vì họ sở hữu hoặc quản lý đất đai.

¹⁸ Theo Bộ Ngoại giao, biện pháp miễn thuế SDĐNN thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định nông nghiệp của WTO, tuy nhiên, biện pháp này được đánh giá đáp ứng các tiêu chí và điều kiện quy định của "hộp xanh lá cây". Đối với Hiệp định CPTPP (có hiệu lực từ ngày 14/1/2019) và EVFTA (có hiệu lực vào ngày 01/8/2020) thì các cam kết của Việt Nam không đề cập tới việc miễn, giảm thuế SDĐNN.

sung dự án Nghị quyết về miễn thuế SDĐNN vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025 nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV.

II. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục tiêu

- Thể chế hoá chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông dân, nông thôn, góp phần thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nâng cao hơn nữa giá trị sản phẩm nông nghiệp, từ đó nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

- Tiếp tục phát huy kết quả đạt được của chính sách miễn thuế SDĐNN.

- Đảm bảo phù hợp thông lệ quốc tế.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

Pháp luật về đất đai quy định nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất là một biện pháp được sử dụng phổ biến nhằm duy trì được sinh kế lâu dài; khuyến khích việc cải tạo, bảo vệ đất, khai thác, sử dụng đất đai bền vững và hiệu quả, đồng thời tạo nguồn thu cho NSNN, là công cụ để Nhà nước quản lý đất đai, điều tiết thị trường quyền sử dụng đất, thị trường BĐS.

Theo đó, quan điểm chỉ đạo xây dựng Nghị quyết theo các nguyên tắc sau:

a) Việc xây dựng dự án Nghị quyết phù hợp với Hiến pháp năm 2013; thực hiện đúng các chủ trương của Đảng, Nhà nước đã nêu tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Luật Đất đai số 31/2024/QH15; Kết luận số 81-KL/TW của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030; Quyết định số 124/QĐ-TTg ngày 02/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030; Quyết định số 537/QĐ-TTg ngày 10/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

b) Kế thừa và phát huy những quy định đã được thực hiện ổn định, mang lại tác động tích cực đến KT-XH.

c) Đảm bảo tiếp thu những kinh nghiệm quốc tế có giá trị phù hợp với thực tiễn Việt Nam.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

Căn cứ Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15 ngày 05/11/2021 của UBTVQH triển khai thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị và Đề án định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, Chính phủ đã có Báo cáo số 71/BC-CP ngày 16/3/2023 gửi UBTVQH về Kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15.

Tại Báo cáo số 71/BC-CP, Chính phủ đã báo cáo kết quả rà soát, nghiên cứu đối với Luật Thuế SDĐPNN và Luật Thuế SDĐNN và dự kiến đề xuất xây dựng dự án Luật Thuế BĐS, đề nghị bổ sung vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024, trình Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ 8 (tháng 10/2024) và thông qua tại kỳ họp thứ 9 (tháng 5/2025).

Thực hiện Báo cáo số 71/BC-CP, Bộ Tài chính đã nghiên cứu lập hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật Thuế BĐS, thay cho Luật Thuế SDĐPNN, Luật Thuế SDĐNN để kịp trình Chính phủ, trình UBTVQH. Tuy nhiên, căn cứ tình hình bối cảnh KT-XH giai đoạn 2021-2023; nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển KT-XH năm 2024, năm 2025 và dự báo những năm tới, Bộ Tài chính đã có Tờ trình Chính phủ về đề nghị xây dựng dự án Luật Thuế BĐS vào thời điểm thích hợp và được đồng ý; đồng thời Lãnh đạo Chính phủ đã giao Bộ Tài chính nghiên cứu, báo cáo Chính phủ về việc tiếp tục miễn thuế SDĐNN cho giai đoạn 2026-2030 theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Ngoài ra, Bộ Tài chính cũng đã phối hợp với Bộ Tư pháp cập nhật, điều chỉnh tiến độ dự kiến xây dựng dự án Luật Thuế BĐS vào Báo cáo của Chính phủ về kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15 ngày 05/11/2021 của UBTVQH.

Dự án Nghị quyết đã được gửi lấy ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức có liên quan và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, của Bộ Tài chính để lấy ý kiến rộng rãi của tổ chức, cá nhân theo quy định (công văn số 6560/BTC-CST ngày 25/6/2024 của Bộ Tài chính).

Tổng hợp, giải trình tiếp thu ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, Bộ Tài chính đã hoàn thiện hồ sơ dự án và gửi Bộ Tư pháp thẩm định.

IV. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định việc: (i) kéo dài thời gian miễn thuế SDĐNN theo quy định tại Nghị quyết số 55/2010/QH12, Nghị quyết số 28/2016/QH14 và Nghị quyết số 107/2020/QH14; (ii) hiệu lực thi hành của chính sách.

2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng của chính sách là:

- Người nộp thuế là tổ chức, cá nhân, hộ gia đình SDĐNN;
- Cơ quan quản lý, cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

V. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CHÍNH CỦA CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

- Đề cương dự thảo Nghị quyết được xây dựng tập trung giải quyết 2 nhóm vấn đề, gồm: (i) Quy định về miễn thuế SDĐNN, (ii) Thời hạn miễn thuế SDĐNN.

- Các mục tiêu, nội dung của chính sách và giải pháp thực hiện chính sách trong dự án Nghị quyết như sau:

1. Chính sách 1: Nghiên cứu quy định về miễn thuế SDĐNN

1.1. Mục tiêu của chính sách

- Phù hợp với quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Tiếp tục thực hiện các kết quả đạt được của việc miễn thuế SDĐNN thời gian qua.

- Phù hợp với thông lệ quốc tế và tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

1.2. Nội dung của chính sách

Quy định về miễn thuế SDĐNN đảm bảo phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước và phù hợp với tình hình phát triển KT-XH.

1.3. Giải pháp thực hiện chính sách và lý do lựa chọn giải pháp

- **Giải pháp 1:** Quy định tiếp tục thực hiện chính sách miễn thuế SDĐNN.

Lý do lựa chọn giải pháp:

Chính sách thuế SDĐNN đã thực hiện được hơn 30 năm và hiện đang miễn thuế đến hết ngày 31/12/2025 theo Nghị quyết số 55/2010/QH12, Nghị quyết số 28/2016/QH14 và Nghị quyết số 107/2020/QH14 của Quốc hội, trừ diện tích đất nông nghiệp mà Nhà nước giao cho tổ chức quản lý nhưng không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp.

Đánh giá chính sách thuế SDĐNN qua hơn 30 năm thực hiện cho thấy đến nay có những quy định không còn phù hợp với điều kiện KT-XH hiện nay như cách xác định thuế lạc hậu, giá trị thu được thấp (thuế được tính bằng thóc, thu bằng tiền) và phần lớn các nội dung hiện không còn được áp dụng trên thực tế do thi hành chính sách miễn thuế SDĐNN cho toàn bộ diện tích đến hết ngày 31/12/2025. Chính sách thuế SDĐNN mặc dù được ban hành từ năm 1993 nhưng thực tế, từ năm 2001 đến nay, chính sách thuế SDĐNN chỉ thay đổi về quy định ưu đãi thuế (miễn, giảm) nhằm thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước trong việc khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

Nguồn thu từ thuế SDĐNN rất nhỏ, chỉ mang tính chất bù đắp một phần nhỏ để hỗ trợ chính quyền thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với đất nông nghiệp (số thu chỉ chiếm khoảng 0,00057% tổng thu NSNN năm 2023). Việc miễn thuế SDĐNN trong thời gian qua mặc dù làm giảm thu NSNN (tổng số thuế miễn, giảm giai đoạn 2003-2010 trung bình khoảng 3.268,5 tỷ đồng/năm; giai đoạn từ

2011-2016 trung bình khoảng 6.308,3 tỷ đồng/năm; giai đoạn 2017-2018 và đến hết năm 2020 khoảng 7.438,5 tỷ đồng/năm); giai đoạn 2021-2023 trung bình khoảng 7.500 tỷ đồng/năm nhưng đây là giải pháp góp phần thực hiện chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn theo hướng hiện đại hóa, giảm bớt khó khăn cho người nông dân, khuyến khích đầu tư, thúc đẩy kinh tế nông nghiệp phát triển bền vững; và phù hợp với bối cảnh hội nhập quốc tế. Đồng thời, việc quy định miễn thuế SDĐNN không gây xung đột, vướng mắc trong quan hệ thương mại với các nước, không vi phạm các cam kết quốc tế của Việt Nam khi gia nhập WTO. Việc miễn thuế SDĐNN thời gian qua chưa gặp vướng mắc phát sinh. Các địa phương đều cho rằng việc tiếp tục miễn thuế SDĐNN như quy định hiện hành cho giai đoạn tiếp theo là cần thiết.

Do đó, để tiếp tục thực hiện kết quả đạt được của việc miễn thuế SDĐNN, phù hợp với định hướng của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân và nông thôn; tiếp tục khuyến khích tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; khuyến khích kinh tế trang trại; góp phần chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa; góp phần nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp trên thị trường trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế; tiếp tục hỗ trợ tạo công ăn việc làm cho khu vực nông thôn, nâng cao thu nhập và đời sống người nông dân, góp phần xây dựng nông thôn mới và vẫn đảm bảo phù hợp với thông lệ quốc tế, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật¹⁹, đề nghị nghiên cứu quy định về miễn thuế SDĐNN theo hướng: kéo dài thời gian thực hiện miễn thuế SDĐNN theo quy định tại Nghị quyết số 55/2010/QH12, Nghị quyết số 28/2016/QH14 và Nghị quyết số 107/2020/QH15.

Với đề xuất kéo dài thời gian miễn thuế SDĐNN như quy định hiện hành sẽ tiếp tục là hình thức hỗ trợ trực tiếp tới người nông dân, là nguồn đầu tư tài chính trực tiếp cho khu vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn để đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, qua đó giúp tạo công ăn việc làm cho người nông dân, cải thiện cuộc sống, gắn bó với hoạt động sản xuất nông nghiệp.

- **Giải pháp 2:** Không quy định tiếp tục thực hiện chính sách miễn thuế SDĐNN (việc miễn, giảm thuế SDĐNN thực hiện theo quy định tại Luật Thuế SDĐNN).

Lý do lựa chọn giải pháp:

Việc tiếp tục ban hành Nghị quyết của Quốc hội để thực hiện chính sách miễn, giảm thuế là chưa thực sự phù hợp, vì đây là Nghị quyết quy định ngoài phạm vi của Luật Thuế SDĐNN, đã được thực hiện trong giai đoạn 2011-2020 và kéo dài đến năm 2025. Để cân nhắc tiếp tục thực hiện chính sách cần nghiên cứu, trình Quốc hội xem xét sửa đổi, bổ sung Luật Thuế SDĐNN. Để tăng cường quản lý việc SDĐNN, mở rộng cơ sở thuế, có thể nghiên cứu tiếp tục cải cách

¹⁹ Quốc hội ban hành Nghị quyết để kéo dài thời gian áp dụng toàn bộ hoặc một phần Luật, Nghị quyết của Quốc hội, đáp ứng yêu cầu cấp bách về phát triển KT-XH, đảm bảo quyền con người, quyền công dân.

chính sách thuế SDĐNN theo hướng định giá giá trị tính thuế phù hợp với giá trị thị trường, rà soát và hạn chế các trường hợp miễn, giảm thuế để tăng cường hiệu quả nguồn thu của chính sách, điều chỉnh mức thuế suất thuế SDĐNN phù hợp với điều kiện KT-XH hiện nay.

Theo thông lệ quốc tế, hầu hết các quốc gia đều có xu hướng áp dụng chính sách ưu đãi thuế đối với đất sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp dưới nhiều hình thức, trong đó rất ít quốc gia áp dụng miễn, giảm thuế SDĐNN trên quy mô rộng như Việt Nam²⁰. Tuy nhiên, qua đánh giá, việc đánh thuế đối với đất nông nghiệp trong thời gian tới là rất khó khăn, chưa phù hợp với chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông thôn và không phù hợp với thông lệ quốc tế²¹. Cụ thể:

- Luật Thuế SDĐNN có hiệu lực thi hành hơn 30 năm, đến nay đã có những quy định không còn phù hợp với tình hình phát triển KT-XH Việt Nam, như cách xác định thuế lạc hậu, giá trị thu được thấp (thuế SDĐNN được tính bằng thóc, thu bằng tiền, trong một vài trường hợp đặc biệt, thuế có thể thu bằng thóc), và phần lớn nội dung hiện đã không còn được áp dụng trên thực tế do thi hành chính sách miễn thuế SDĐNN cho toàn bộ diện tích đất nông nghiệp đến hết ngày 31/12/2025, trừ diện tích đất nông nghiệp mà Nhà nước giao cho tổ chức quản lý nhưng không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp.

Bên cạnh đó, do thực hiện chính sách ưu đãi thuế SDĐNN nên số thu NSNN từ thuế SDĐNN chỉ chiếm một phần nhỏ, không đáng kể trong tổng thu NSNN. Số thu thuế SDĐNN chỉ còn 10 tỷ đồng (năm 2023), chiếm trung bình khoảng 0,00057% tổng thu NSNN. Trong khi đó, thuế SDĐNN là nguồn thu địa phương được hưởng 100% nhưng chỉ mang tính chất bù đắp một phần nhỏ để hỗ trợ chính quyền thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với đất nông nghiệp. Thực tế, mặc dù thuế SDĐNN được miễn nhưng để thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với đất nông nghiệp, các địa phương vẫn phải theo dõi chi tiết đến từng thửa ruộng, hạng đất và việc lập sổ theo dõi hàng năm tốn nhiều thời gian, công sức, chi phí lớn.

Đồng thời, chính sách ưu đãi thuế SDĐNN đã được triển khai thực hiện bắt đầu từ năm 2001 và sẽ hết hiệu lực vào ngày 31/12/2025. Do đó, cần có đánh giá cụ thể và cần thiết Luật hóa các quy định miễn thuế để tạo sự minh bạch, đồng bộ và nâng cao cơ sở pháp lý trong quá trình triển khai thực hiện.

- Việc tiếp tục đánh thuế đối với đất nông nghiệp sẽ gây ảnh hưởng, tác động trực tiếp tới người dân, đặc biệt là người dân sống ở nông thôn với sinh kế chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp.

²⁰ Ở một số quốc gia đang phát triển, do hạn chế về năng lực hoặc thiếu cơ chế quản lý phù hợp nên các BDS khu vực nông thôn không bị đánh thuế.

²¹ Hầu hết các nước đều có xu hướng áp dụng chính sách ưu đãi thuế đối với đất sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp dưới các hình thức như áp dụng mức thuế suất thấp hơn, miễn một phần hoặc miễn toàn bộ số thuế phải nộp hoặc không đưa đất nông nghiệp vào diện chịu thuế BDS. Một số quốc gia đưa đất nông nghiệp vào đối tượng miễn thuế (Bungari, Anh, Estonia,...), một số quốc gia không đánh thuế BDS đối với đất nông nghiệp hoặc đưa vào đối tượng không chịu thuế như: Indonesia, Đài Loan, Thái Lan, hầu hết các quốc gia Châu Phi...

Để đảm bảo mục tiêu phù hợp với quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và thông lệ quốc tế, Bộ Tài chính đề nghị thực hiện theo Giải pháp 1.

2. Chính sách 2: Nghiên cứu quy định về thời hạn miễn thuế

2.1. Mục tiêu của chính sách

- Phù hợp với quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Phù hợp với điều kiện, tình hình phát triển KT-XH từng thời kỳ.

2.2. Nội dung của chính sách

- Quy định cụ thể về thời hạn miễn thuế SDĐNN.

2.3. Giải pháp thực hiện chính sách và lý do lựa chọn giải pháp

- **Giải pháp 1:** Quy định thời gian miễn thuế SDĐNN là 5 năm (tiếp tục miễn thuế SDĐNN từ 01/01/2026 đến hết ngày 31/12/2030).

Lý do lựa chọn giải pháp:

Việt Nam đang trong quá trình thực hiện kế hoạch phát triển KT-XH 5 năm 2021-2025 trong bối cảnh tình hình thế giới diễn biến phức tạp, có nhiều thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen nhau. Do tác động nặng nề của dịch bệnh và biến động địa chính trị toàn cầu, tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong nửa đầu của kế hoạch 5 năm 2021-2025 đã chậm lại đáng kể. Theo báo cáo kinh tế giữa kỳ 2021-2025 của Quốc hội²², việc đảm bảo phần đầu đạt chỉ tiêu GDP bình quân 5 năm khoảng 6,5-7% là rất khó khăn.

Nền kinh tế Việt Nam đang trong giai đoạn phục hồi và được đánh giá có triển vọng sáng cho năm 2024, năm 2025²³. Các kỳ vọng này được nhận định lạc quan dựa trên việc Chính phủ Việt Nam sẽ tiếp tục thực hiện các chính sách hỗ trợ tăng trưởng và ổn định kinh tế vĩ mô. Bối cảnh phát triển KT-XH giai đoạn 2026-2030 dự kiến đan xen cả những thuận lợi và khó khăn xuất phát từ nội tại nền kinh tế. Bên cạnh những kỳ vọng, dự báo thời gian tới, các rủi ro tiềm ẩn từ môi trường kinh tế thế giới vẫn còn hiện hữu và tiếp tục tác động tiêu cực lên triển vọng phục hồi tăng trưởng kinh tế của Việt Nam giai đoạn 2026-2030.

Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam hiện nay chuyển sang giai đoạn mới, gắn kết chặt chẽ với nền kinh tế khu vực và toàn cầu. Việc tham gia ký kết và thực hiện các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, đặc biệt là hiệp định CPTTP và EVFTA đã và đang tác động sâu, rộng tới nền kinh tế Việt Nam. Trong đó, giai đoạn 2026-2030 giữ vai trò là giai đoạn cuối của Chiến lược phát triển KT-XH 10 năm 2021-2030. Tăng trưởng và phát triển kinh tế của giai đoạn này có ý nghĩa quan trọng, tạo nền tảng cho phát triển kinh tế của cả giai đoạn 2021-2030 trong

²² Báo cáo giữa nhiệm kỳ tình hình thực hiện Nghị quyết số 16/2021/QH15 về Kế hoạch phát triển KT-XH 5 năm 2021-2025, Nghị quyết số 31/2021/QH15 về kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021-2025.

²³ Fitch Ratings dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam sẽ đạt 6,3% vào năm 2024 và 7,0% vào năm 2025. ADB dự báo tăng trưởng kinh tế năm 2024 của Việt Nam sẽ được duy trì ở mức 6%. Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) cũng dự báo Việt Nam đứng thứ 20 thế giới với mức tăng trưởng năm 2024 đạt 5,8%.

bối cảnh Việt Nam đang nỗ lực chuyển đổi mô hình tăng trưởng và thoát bẫy thu nhập trung bình²⁴.

Trước những diễn biến đa chiều của kinh tế thế giới, với tốc độ tăng trưởng như thời gian qua, hướng tới triển vọng tăng trưởng bền vững trong dài hạn, việc tiếp tục thực hiện chính sách miễn thuế SĐĐNN trong giai đoạn 2026-2030 là cần thiết nhằm hỗ trợ phát triển nông nghiệp bền vững, tạo đà cho tăng trưởng kinh tế hậu khủng hoảng, góp phần động viên người nông dân yên tâm đầu tư sản xuất, tạo điều kiện tăng năng suất lao động, cải thiện đời sống, đồng thời cũng đảm bảo phù hợp với quan điểm về nông nghiệp, nông thôn theo chiến lược phát triển KT-XH 10 năm²⁵.

- **Giải pháp 2:** Quy định thời gian miễn thuế SĐĐNN là 10 năm (tiếp tục miễn thuế SĐĐNN từ 01/01/2026 đến hết ngày 31/12/2035).

Lý do lựa chọn giải pháp:

Việc đề xuất miễn thuế trong vòng 10 năm do:

Theo đánh giá của Tổng cục Thống kê²⁶, trước ảnh hưởng của tình hình KT-XH nhiều khó khăn, đời sống của một bộ phận người dân còn khó khăn, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo. Phần lớn hộ nghèo, hộ cận nghèo thiếu sinh kế, việc làm, thu nhập thấp, không ổn định, bất bình đẳng trong xã hội vẫn tồn tại giữa các khu vực thành thị, nông thôn, các vùng và giữa các nhóm người thu nhập thấp và nhóm người thu nhập cao. Trước những diễn biến đa chiều của kinh tế thế giới, mặc dù tốc độ tăng trưởng GDP ngành nông nghiệp trong những năm qua bình quân khoảng 3%/năm nhưng thu nhập bình quân của người nông dân nông thôn vẫn chưa có nhiều cải thiện so với mặt bằng chung của xã hội.

Do đó, thời hạn miễn thuế 10 năm có ý nghĩa về mặt chính trị, góp phần động viên người nông dân yên tâm sản xuất, hỗ trợ người nông dân đầu tư mở rộng sản xuất, tăng cường năng lực ứng phó với những cú sốc thị trường và quản trị rủi ro về thiên tai, dịch bệnh, thể hiện chủ trương nhất quán của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn cũng như chu kỳ sản xuất nông nghiệp, đặc biệt với cây lâu năm. Ngoài ra, miễn thuế trong giai đoạn 10 năm cũng tương ứng và phù hợp với các điều kiện cam kết về hợp tác, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, góp phần hỗ trợ cho người nông dân trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Tuy nhiên, thời hạn miễn thuế 10 năm là khoảng thời gian tương đối dài trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới biến động khó

²⁴ Theo dự báo của Trung tâm Thông tin và Dự báo KT-XH quốc gia (NCIF), Bộ Kế hoạch và Đầu tư thì tăng trưởng GDP Việt Nam có thể đạt khoảng 6,5%/năm trong giai đoạn 2021- 2025; thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam đến năm 2025 đạt khoảng 4.700 USD – 5.000 USD, đưa Việt Nam ra nhập nhóm nước có thu nhập trung bình cao; Standard Chartered cũng dự báo thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam dự kiến đạt 10.400 USD vào năm 2030.

²⁵ Tại Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn có nêu: *Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược lâu dài và là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu trong sự nghiệp phát triển KT-XH của đất nước ta.*

²⁶ Kết quả khảo sát mức sống dân cư năm 2022, kết quả khảo sát sơ bộ mức sống dân cư năm 2023 của Tổng cục Thống kê: thu nhập bình quân đầu người năm 2023 ước đạt 4,95 triệu đồng/người/tháng, tăng gần 280 nghìn đồng/người/tháng, tương ứng với tăng 5,9% so với thu nhập bình quân năm 2022.

lượng và chiến lược phát triển KT-XH của Việt Nam giai đoạn sau năm 2030 chưa được định hướng cụ thể.

Để đảm bảo mục tiêu phù hợp với quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và tình hình KT-XH thực tiễn, Bộ Tài chính đề nghị thực hiện theo Giải pháp 1.

VI. TÍNH TƯƠNG THÍCH, SỰ PHÙ HỢP CỦA NỘI DUNG CHÍNH SÁCH ĐƯỢC ĐỀ XUẤT VỚI CÁC CAM KẾT QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM

Qua rà soát về các Điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên, Bộ Tài chính thấy rằng các nội dung chính sách được đề xuất tại Đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết đều đảm bảo phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam và không trái với các cam kết tại các Điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia và là thành viên.

Theo Bộ Ngoại giao, biện pháp miễn thuế SDĐNN thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định nông nghiệp của WTO, tuy nhiên, biện pháp này được đánh giá đáp ứng các tiêu chí và điều kiện quy định của “hộp xanh lá cây”. Đối với Hiệp định CPTPP (có hiệu lực từ ngày 14/1/2019) và EVFTA (có hiệu lực vào ngày 01/8/2020) thì các cam kết của Việt Nam không đề cập tới việc miễn, giảm thuế SDĐNN.

VII. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

1. Dự kiến nguồn lực

Dự kiến nguồn lực để thi hành Nghị quyết như sau:

- Từ nguồn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương.
- Từ các nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.

2. Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị quyết

Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị quyết bao gồm các nội dung được xác định như sau:

- Ban hành văn bản quy định chi tiết và chỉ đạo, đôn đốc thi hành: Các cơ quan có thẩm quyền ban hành kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Nghị quyết phù hợp với quy định của Nghị quyết và quy định của pháp luật khác có liên quan.

- Tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết: Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ thực hiện phổ biến, giáo dục Nghị quyết và các quy định liên quan; Bộ Tài chính xây dựng nội dung thông tin, tuyên truyền phổ biến những yêu cầu, nội dung và các quy định của Nghị quyết kịp thời đến các cơ quan, tổ chức và người dân, giúp hiểu biết, nắm bắt pháp luật kịp thời để thực hiện.

- Bảo đảm nguồn lực thực hiện:

+ Bộ Tài chính có chỉ đạo, hướng dẫn cụ thể đề Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

+ Được bố trí nguồn kinh phí để thực hiện các quy định trong Nghị quyết, ngoài nguồn kinh phí do NSNN cấp, huy động nguồn lực từ cơ quan, đơn vị và địa phương, hỗ trợ của các tổ chức xã hội, tổ chức quốc tế hoặc lồng ghép vào các chương trình, dự án khác để có nguồn kinh phí bảo đảm cho việc thực hiện Nghị quyết.

- Kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình thực hiện:

Thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình thi hành Nghị quyết và các văn bản pháp quy phạm pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết.

VIII. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH UBTVQH, QUỐC HỘI

Bộ Tài chính trình Chính phủ dự kiến tiến độ của dự án Nghị quyết như sau:

(i) Chính phủ lập đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết, trình UBTVQH xem xét thông qua đề nghị bổ sung dự án Nghị quyết vào Chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh năm 2025 vào tháng 9/2024.

(ii) Chính phủ trình Quốc hội cho ý kiến và thông qua Nghị quyết tại kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa XV (tháng 5/2025).


Trên đây là nội dung đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế SDDNN. Bộ Tài chính kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

(Tài liệu trình kèm: Đề cương dự thảo Nghị quyết; Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện chính sách thuế liên quan đến BDS; Báo cáo đánh giá tác động chính sách; Báo cáo rà soát chính sách thuế SDDNN với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia góp ý của các Bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân; Bản chụp ý kiến góp ý của các cơ quan).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái (để báo cáo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Lưu: VT, CST (7 b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Cao Anh Tuấn

Số: 196/BC-BTC

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2024

BÁO CÁO

**Tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện các
chính sách thuế liên quan đến bất động sản**

Kính gửi: Chính phủ

(Tài liệu phục vụ gửi Bộ Tư pháp thẩm định)

Chính sách về nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất đối với Nhà nước là tổng thể các quan điểm, giải pháp và các công cụ mà Nhà nước sử dụng để xác định nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và thực hiện giao dịch về đất nhằm thực hiện những mục tiêu nhất định trong việc tạo lập quỹ ngân sách nhà nước (NSNN) và quản lý đất đai. Hiện nay, chính sách nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất đối với Nhà nước bao gồm: chính sách về tiền sử dụng đất và tiền thuê đất; chính sách về thuế sử dụng đất, thuế đối với thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất; chính sách về phí, lệ phí trong sử dụng đất; chính sách về thu tiền phạt vi phạm, tiền bồi thường thiệt hại cho Nhà nước trong sử dụng đất đai.

Theo Hiến pháp năm 2013: "Đất đai... là tài sản công thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý". "Đất đai là tài nguyên đặc biệt của quốc gia, nguồn lực quan trọng phát triển đất nước, được quản lý theo pháp luật". Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai, Nhà nước đã ban hành các chính sách tài chính đối với đất đai, trong đó có chính sách thuế, phí và lệ phí (gọi chung là chính sách thuế). Các chính sách thuế liên quan đến bất động sản (BDS) trong những năm vừa qua đã được xây dựng, hoàn thiện, kịp thời tháo gỡ những vướng mắc trong công tác quản lý sử dụng đất, điều tiết hợp lý, đảm bảo hài hòa các lợi ích của Nhà nước, người dân và nhà đầu tư, tạo nguồn lực mới để phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH).

Hiện hành, các chính sách thuế liên quan đến BDS về cơ bản đã bao quát các hoạt động liên quan đến việc xác lập quyền sở hữu, quyền sử dụng, trong quá trình sử dụng và khi chuyển nhượng BDS, cụ thể:

- Khoản thu khi xác lập quyền sở hữu, quyền sử dụng và thu khi đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng BDS: Lệ phí trước bạ (LPTB).

- Các khoản thu trong quá trình sử dụng BDS: Thuế sử dụng đất nông nghiệp (SDĐNN); Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (SDĐPNN).

- Các khoản thu khi chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng BĐS: Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) (người chuyển quyền là cơ sở kinh doanh); Thuế thu nhập cá nhân (TNCN) (người chuyển quyền là hộ gia đình, cá nhân); Thuế giá trị gia tăng (GTGT) đối với tổ chức chuyển nhượng BĐS.

Dưới đây là đánh giá cụ thể tình hình thực hiện các chính sách thuế liên quan đến BĐS:

I. THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP

Luật Thuế SDĐPNN được Quốc hội khoá XII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 17/9/2010. Sau khi Luật Thuế SDĐPNN được ban hành, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 53/2011/NĐ-CP ngày 01/7/2011 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế SDĐPNN; Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 153/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 hướng dẫn về thuế SDĐPNN và Thông tư số 130/2016/TT-BTC hướng dẫn việc miễn thuế SDĐPNN đối với những hộ gia đình, cá nhân.

Nhìn chung, để triển khai thực thi Luật Thuế SDĐPNN, nhiều văn bản hướng dẫn đã được ban hành tạo cơ sở pháp lý cho việc tăng cường quản lý nhà nước về đất đai, khuyến khích tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất tiết kiệm, có hiệu quả, góp phần động viên sự đóng góp của người sử dụng đất vào NSNN và ổn định nguồn thu cho ngân sách địa phương (NSĐP).

1. Kết quả đạt được

Chính sách thuế SDĐPNN được ban hành trên cơ sở tổng kết, đánh giá và kế thừa chính sách thuế nhà, đất trước đây (Pháp lệnh thuế nhà, đất), tuy nhiên, chính sách thuế SDĐPNN thay đổi cơ bản về căn cứ tính thuế để phù hợp với quy định của Luật Đất đai và tên gọi cũng thay đổi để đảm bảo đúng phạm vi điều chỉnh của Luật, do đó, chính sách thuế SDĐPNN cũng được coi là một chính sách thuế mới trong hệ thống chính sách thuế hiện nay. Qua hơn 10 năm triển khai thực hiện, chính sách thuế SDĐPNN đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận:

a) Khắc phục những nhược điểm của chính sách thuế đối với đất

- Về đối tượng chịu thuế:

Trước năm 2012, chính sách thuế đối với nhà, đất thực hiện theo Pháp lệnh thuế nhà, đất số 69-LCT/HĐNN8 ngày 31/7/1992 và Pháp lệnh số 34-L/CTN ngày 19/5/1994 sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh thuế nhà, đất. Theo quy định của Pháp lệnh thuế nhà, đất thì đối tượng chịu thuế là đất ở, đất xây dựng công trình; tạm thời chưa có quy định về thuế nhà và chưa thu thuế nhà. Do đó, đối tượng nộp thuế là các tổ chức, cá nhân có quyền sử dụng đất ở, đất xây dựng công trình.

Ngày 26/11/2003, Quốc hội đã ban hành Luật Đất đai số 13/2003/QH11, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2004, theo đó quy định cụ thể về phân loại đất theo mục đích sử dụng, trong đó nhóm đất phi nông nghiệp bao gồm các loại

đất: đất ở; đất xây dựng trụ sở cơ quan, xây dựng công trình sự nghiệp; đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp; đất sử dụng vào mục đích công cộng; đất do các cơ sở tôn giáo sử dụng; đất có công trình là đình, đền, miếu, am, từ đường, nhà thờ họ; đất làm nghĩa trang, nghĩa địa; đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối và mặt nước chuyên dùng; đất phi nông nghiệp khác theo quy định của Chính phủ.

Theo đó, tại Luật Thuế SDDPNN quy định đối tượng chịu thuế là đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị; đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp (bao gồm: đất xây dựng khu công nghiệp; đất làm mặt bằng xây dựng cơ sở sản xuất, kinh doanh; đất khai thác, chế biến khoáng sản; đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm) và đất phi nông nghiệp sử dụng vào mục đích kinh doanh. Quy định này đảm bảo phù hợp với phân loại đất đai theo Luật Đất đai năm 2003.

- Về căn cứ tính thuế:

Pháp lệnh thuế nhà, đất quy định căn cứ tính thuế dựa trên cơ sở thuế SDĐNN là diện tích đất, hạng đất và mức thuế. Hạng đất tính thuế được xác định căn cứ vào các yếu tố chất đất, vị trí, địa hình, khí hậu, thời tiết... Quy định này phù hợp với việc phân loại để thu thuế SDĐNN nhưng không phù hợp với đất ở, đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp và không phù hợp với căn cứ tính thuế sử dụng đất là giá đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2003.

Căn cứ tính thuế SDDPNN đã chuyển từ tính theo thuế SDĐNN (tính bằng thóc) sang tính thuế dựa trên giá trị (giá tính thuế và thuế suất). Giá tính thuế đối với đất được xác định bằng diện tích đất tính thuế nhân với giá của 1m² đất. Diện tích đất tính thuế là diện tích đất thực tế sử dụng; trường hợp có quyền sử dụng nhiều thửa đất ở thì diện tích đất tính thuế là tổng diện tích các thửa đất tính thuế. Giá của 1m² đất là giá đất theo mục đích sử dụng do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gọi chung là UBND cấp tỉnh) quy định và được ổn định theo chu kỳ 05 năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành. Việc quy định căn cứ tính thuế theo giá đất đã góp phần đảm bảo công bằng giữa các vùng, các đô thị, giữa thành thị với nông thôn, giữa đồng bằng trung du và miền núi, phù hợp với thông lệ quốc tế.

- Về thuế suất:

Theo quy định tại Pháp lệnh thuế nhà, đất thì về mức thuế được tính bằng kilogam thóc trên 1 ha của từng hạng đất căn cứ vào mục đích sử dụng và khả năng thu hoa lợi trên đất. Mức thuế cụ thể là bằng từ 1 đến 32 lần mức thuế SDĐNN cao nhất trong vùng và chia theo từng loại đất đô thị, đất nông thôn, đất ven đô theo hướng mức thuế đối với đất đô thị cao hơn đất nông thôn từ 3 đến 32 lần. Quy định tại Pháp lệnh thuế nhà, đất chưa có sự điều tiết cao đối với những đối tượng có quyền sử dụng đất với diện tích lớn để khuyến khích sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả và hạn chế đầu cơ về đất.

Thuế suất thuế SDDPNN đối với đất ở áp dụng theo biểu thuế lũy tiến từng phần (mức thuế suất là 0,03%, 0,07% và 0,15%); đối với đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp là 0,03%; đất sử dụng không đúng mục đích, đất chưa sử

dụng theo đúng quy định là 0,15%; đất lấn, chiếm là 0,2%. Biểu thuế suất lũy tiến phản ánh mức độ điều tiết mạnh đối với việc sử dụng đất ngoài hạn mức.

- Về miễn, giảm thuế:

Pháp lệnh thuế nhà, đất quy định miễn thuế đối với gia đình thương binh loại 1/4, loại 2/4; gia đình liệt sĩ được hưởng chế độ trợ cấp của Nhà nước nhưng không miễn, giảm đối với các đối tượng là người có công với cách mạng như: Người hoạt động cách mạng trước ngày 19/8/1945; thương binh hạng 3/4, 4/4; bệnh binh hạng 2/3, 3/3 dẫn đến chưa công bằng trong quá trình sử dụng đất.

Luật Thuế SDĐPNN quy định bổ sung một số đối tượng thuộc diện miễn, giảm thuế như đất ở trong hạn mức của thương binh hạng 3/4, 4/4; người hưởng chính sách như thương binh hạng 3/4, 4/4; bệnh binh hạng 2/3, 3/3; con của liệt sĩ không được hưởng trợ cấp hàng tháng... Điều này thể hiện chính sách ưu đãi của Nhà nước đối với người có công với cách mạng và đảm bảo tính công bằng đối với các đối tượng khác như thương binh hạng 1/4, thân nhân liệt sĩ được hưởng trợ cấp hàng tháng. Ngoài ra, các trường hợp miễn, giảm theo quy định của Luật là phù hợp với pháp luật hiện hành về thuế có liên quan và pháp luật về đầu tư.

- Về đăng ký kê khai, nộp thuế:

Do căn cứ tính thuế thay đổi cơ bản so với Pháp lệnh thuế nhà, đất nên việc quy định cụ thể về đăng ký kê khai, nộp thuế đã tạo điều kiện kê khai, tính thuế, đặc biệt đối với trường hợp người nộp thuế có quyền sử dụng nhiều thửa đất. Theo quy định thì người có nhiều thửa đất ngoài việc đăng ký, kê khai, tính và nộp thuế đối với từng thửa đất có quyền sở hữu tại địa phương thì người nộp thuế còn phải lập tờ khai tổng hợp tất cả các thửa đất có quyền sử dụng tại nơi người nộp thuế lựa chọn để xác định hạn mức đất ở tính thuế. Sau khi trừ đi số thuế đã nộp tại các địa phương nơi có quyền sử dụng đất, phần chênh lệch còn lại sẽ được nộp tại địa phương nơi người nộp thuế đã lựa chọn. Quy định này trong thực tiễn đã góp phần quản lý nhà nước về đất đai, hạn chế đầu cơ về đất.

b) Góp phần tăng cường quản lý nhà nước đối với đất đai, khuyến khích tổ chức, cá nhân sử dụng đất tiết kiệm, có hiệu quả, góp phần hạn chế đầu cơ về đất

Do căn cứ tính thuế SDĐPNN đã chuyển từ tính theo thuế SDĐNN (tính bằng thóc) sang tính thuế dựa trên giá trị (giá tính thuế và thuế suất) đòi hỏi phải thống kê lại việc sử dụng đất của tổ chức, cá nhân, hộ gia đình đang có quyền sở hữu, quyền sử dụng. Qua đó, góp phần quản lý sử dụng đất đai, điều tiết cao với người sở hữu, sử dụng nhiều đất góp phần chống đầu cơ cũng như khuyến khích sử dụng đất đai hiệu quả, tiết kiệm.

Ngoài ra, việc thực hiện Luật cũng nâng cao hơn trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về đất đai, nâng cao trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế trong việc nâng cấp dữ liệu về đất đai để nắm bắt các thông tin về đất, theo dõi tình hình dịch chuyển về

nhà, đất thuộc diện đăng ký nhằm phục vụ cho yêu cầu quản lý thu thuế SDĐPNN.

Để đảm bảo việc thu thuế SDĐPNN đạt hiệu quả, khi Luật Thuế SDĐPNN được ban hành, cơ quan thuế đã thực hiện việc rà soát, kê khai lại toàn bộ người nộp thuế và số lượng thửa đất trên phạm vi toàn quốc. Với phạm vi triển khai rộng (gần 700 quận, huyện), số lượng người nộp thuế đến hơn 17 triệu người và số lượng thửa đất phải quản lý lên đến gần 18 triệu thửa, tương ứng với tổng diện tích hơn 46,2 tỷ m² do cá nhân có quyền sử dụng và gần 80.000 thửa đất ứng với hơn 1,2 tỷ m² đất do tổ chức kinh tế có quyền sử dụng. Sau khi thực hiện kê khai, tổng hợp người nộp thuế, số thửa đất, cơ quan thuế đã thực hiện cập nhật dữ liệu lên sổ thuế. Định kỳ hàng năm theo yêu cầu của công tác lập sổ thuế, ngoài việc tổ chức, hộ gia đình và cá nhân tự khai thuế SDĐPNN cho cơ quan thuế khi phát sinh nghĩa vụ thuế, cơ quan thuế các tỉnh luôn có chi đạo hàng tháng rà soát lập danh sách người nộp thuế phát sinh nghĩa vụ thuế liên quan đến công tác lập sổ thuế SDĐPNN theo địa bàn xã/phường/thị trấn chuyển bộ phận kê khai kế toán thuế theo dõi tình hình khai thuế SDĐPNN và chuyển đội thuế/UBND xã/phường/thị trấn nhắc nhở, hướng dẫn người nộp thuế thực hiện thủ tục khai, nộp thuế đúng theo quy định.

c) Động viên sự đóng góp của người sử dụng đất vào NSNN, góp phần tăng thu cho NSDP để thực hiện các nhiệm vụ chi của địa phương

Do được xây dựng trên cơ sở của chính sách thuế nhà, đất trước đây nên mức thu thuế SDĐPNN không cao với mức thuế suất cơ bản là 0,03% và có điều tiết cao hơn đối với trường hợp sử dụng đất với diện tích lớn, trường hợp có quyền sử dụng nhiều thửa đất ở và trường hợp sử dụng đất không đúng mục đích, đất chưa sử dụng theo đúng quy định, đất lấn, chiếm, cụ thể: Thuế suất thuế SDĐPNN đối với đất ở áp dụng theo biểu thuế lũy tiến từng phần (mức thuế suất là 0,03%, 0,07% và 0,15%); đối với đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp là 0,03%; đất sử dụng không đúng mục đích, đất chưa sử dụng theo đúng quy định là 0,15%; đất lấn, chiếm là 0,2%. Biểu thuế suất lũy tiến phần ảnh mức độ điều tiết mạnh đối với việc sử dụng đất ngoài hạn mức.

Thuế SDĐPNN có số thu bình quân khoảng 1.800 tỷ đồng mỗi năm và tốc độ tăng bình quân hàng năm 11,2%. Số thu thuế SDĐPNN trong những năm qua là nguồn thu ổn định, góp phần động viên đóng góp của người sử dụng đất vào NSNN, tạo nguồn thu cho NSDP để thực hiện các nhiệm vụ chi của NSDP. Nguồn thu từ thuế SDĐPNN giai đoạn 2016-2021 chiếm trung bình khoảng 0,13% tổng thu NSNN. Đây là số thu không lớn nhưng là nguồn thu ổn định, tạo được nguồn thu thường xuyên, phục vụ tốt yêu cầu quản lý và góp phần điều tiết vĩ mô nền kinh tế, tăng thêm nguồn kinh phí giúp Nhà nước đầu tư vào lĩnh vực quản lý đất đai, từng bước thực hiện chính sách động viên công bằng giữa các tầng lớp dân cư, góp phần thực hiện các nhiệm vụ chi của địa phương.

2. Những tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả tích cực nêu trên, qua đánh giá tình hình thực

hiện chính sách thuế SDĐPNN đã bộc lộ những hạn chế, bất cập cụ thể như sau:

a) Về đối tượng chịu thuế và đối tượng không chịu thuế

Thứ nhất, về đối tượng chịu thuế và đối tượng không chịu thuế đối với đất phi nông nghiệp:

- Đối tượng chịu thuế SDĐPNN, bao gồm: (i) Đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị; (ii) Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, bao gồm: đất xây dựng khu công nghiệp; đất làm mặt bằng xây dựng cơ sở sản xuất, kinh doanh; đất khai thác, chế biến khoáng sản; đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm; (iii) Đất phi nông nghiệp thuộc đối tượng không chịu thuế nhưng sử dụng vào mục đích kinh doanh.

- Đối tượng không chịu thuế SDĐPNN, bao gồm: (i) Đất sử dụng vào mục đích công cộng, bao gồm: đất giao thông, thủy lợi; đất xây dựng công trình văn hóa, y tế, giáo dục và đào tạo, thể dục thể thao phục vụ lợi ích công cộng; đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; đất xây dựng công trình công cộng khác theo quy định của Chính phủ; (ii) Đất do cơ sở tôn giáo sử dụng; (iii) Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa; (iv) Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối và mặt nước chuyên dùng; (v) Đất có công trình là đình, đền, miếu, am, từ đường, nhà thờ họ; (vi) Đất xây dựng trụ sở cơ quan, xây dựng công trình sự nghiệp, đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; (vii) Đất phi nông nghiệp khác theo quy định của pháp luật.

Nhìn chung, qua rà soát, đánh giá cho thấy quy định về đối tượng chịu thuế và đối tượng không chịu thuế tại Luật Thuế SDĐPNN đã bao quát tương đối đầy đủ các loại đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Tuy nhiên, qua đánh giá cho thấy cách phân loại đối tượng chịu thuế SDĐPNN còn chưa thống nhất với cách phân loại đất phi nông nghiệp theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 (ví dụ như: Luật Thuế SDĐPNN quy định đối tượng chịu thuế SDĐPNN đối với đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, bao gồm: đất xây dựng khu công nghiệp; đất làm mặt bằng xây dựng cơ sở sản xuất, kinh doanh; đất khai thác, chế biến khoáng sản; đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm. Trong khi đó, tại Luật Đất đai năm 2013 quy định đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp gồm đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất; đất thương mại, dịch vụ; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản; đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm...).

Tại Luật Đất đai số 31/2024/QH15 quy định nhóm đất phi nông nghiệp theo mục đích sử dụng: (i) Đất ở, gồm đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị; (ii) Đất xây dựng trụ sở cơ quan; (iii) Đất sử dụng cho mục đích quốc phòng, an ninh; (iv) Đất xây dựng công trình sự nghiệp; (v) Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp; (vi) Đất sử dụng vào mục đích công cộng; (v) Đất sử dụng cho hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng; (vi) Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng, bảo quản lưu trữ tro cốt; (vii) Đất có mặt nước chuyên dùng; (viii) Đất phi nông nghiệp khác. Qua rà soát thì Luật Đất đai số 31/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung về phân loại đất đối với nhóm đất sản xuất, kinh doanh phi

nông nghiệp gồm: đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp; đất thương mại, dịch vụ; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản.

Do đó, để phù hợp với pháp luật về đất đai hiện hành và Luật Đất đai số 31/2024/QH15, cần thiết nghiên cứu sửa đổi, bổ sung đối tượng chịu thuế và đối tượng không chịu thuế đối với đất cho phù hợp.

Thứ hai, chính sách thuế SDĐPNN hiện hành chưa có quy định đánh thuế hàng năm đối với nhà. Kinh nghiệm cải cách chính sách thuế liên quan đến BĐS tại các quốc gia cho thấy, cải cách chính sách thuế BĐS tại các quốc gia đều định hướng mở rộng cơ sở thuế BĐS bao gồm cả đất, nhà và công trình xây dựng. Để thực hiện tái cơ cấu nguồn thu, khai thác tốt nguồn thu từ thuế liên quan đến tài sản, khuyến khích sử dụng nhà, đất có hiệu quả, có thể nghiên cứu bổ sung đánh thuế đối với nhà.

b) Về thuế suất

Kể từ ngày Luật Thuế SDĐPNN có hiệu lực thi hành (01/01/2012), chính sách thuế đối với đất mặc dù đã có những thay đổi khá căn bản về phương pháp tính thuế nhưng số tiền thuế phải nộp theo Luật Thuế SDĐPNN còn thấp, mức thuế suất chưa đủ lớn để điều tiết mạnh đối với người sở hữu nhiều đất đai, chưa thúc đẩy các tổ chức, cá nhân trong xã hội sử dụng đất tiết kiệm, có hiệu quả. Đặc biệt, các mức thuế suất 0,07% và 0,15% tương ứng với diện tích đất vượt từ trên 1 lần đến 3 lần và trên 3 lần hạn mức sử dụng đất ở được đánh giá vẫn là thấp, dẫn đến chủ sử dụng đất không bị tác động nhiều từ thuế, đất không được sử dụng hết hiệu suất cho sản xuất, kinh doanh, thậm chí còn bị bỏ trống, gây lãng phí nguồn tài nguyên đất đai.

Thuế SDĐPNN có số thu bình quân chỉ khoảng 1.800 tỷ đồng/năm, chiếm khoảng 0,13% tổng thu NSNN. Mặc dù số thu thuế SDĐPNN tăng dần qua các năm, góp phần tăng thu thường xuyên cho NSDP do thuế SDĐPNN là nguồn thu 100% của NSDP, tuy nhiên, mức độ động viên các khoản thu thường xuyên từ đất còn thấp trong khi thu từ đất đai chủ yếu là khoản thu một lần, không mang tính bền vững.

Ngoài ra, theo quy định của Luật Thuế SDĐPNN thì mức thuế suất đối với đất ở được xác định theo biểu thuế lũy tiến từng phần theo hạn mức đất ở. Trong đó, hạn mức đất ở làm căn cứ tính thuế là hạn mức giao đất ở mới theo quy định của UBND cấp tỉnh, kể từ ngày Luật Thuế SDĐPNN có hiệu lực thi hành. Trường hợp đất ở đã có hạn mức theo quy định trước ngày Luật Thuế SDĐPNN có hiệu lực thi hành thấp hơn hạn mức giao đất ở mới thì áp dụng hạn mức giao đất ở mới để làm căn cứ tính thuế; trường hợp hạn mức đất ở theo quy định trước ngày Luật Thuế SDĐPNN có hiệu lực thi hành cao hơn hạn mức giao đất ở mới thì áp dụng hạn mức đất ở cũ để làm căn cứ tính thuế.

Quy định nêu trên sẽ rất khó khăn cho cơ quan thuế trong việc xác định hạn mức đất tính thuế của các năm trước đây do chưa có hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai hoàn chỉnh nên việc lưu trữ có nhiều khó khăn cho việc tra cứu. Vì vậy, cơ quan thuế thường lấy diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng làm hạn

mức đất để tính thuế, nhưng phần lớn diện tích đất trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có thể là diện tích vượt hạn mức do người sử dụng đất nộp tiền để được chuyển mục đích sử dụng đất và xin cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới, từ đó làm thất thu NSNN do xác định hạn mức không chính xác.

Theo đó, về thuế suất đối với đất ở, cần nghiên cứu quy định biểu thuế lũy tiến từng phần theo giá trị. Đồng thời, cần nhắc nghiên cứu điều chỉnh tăng mức thuế suất đối với đất ở cho phù hợp với điều kiện KT-XH hiện nay và thông lệ quốc tế.

c) Về quản lý thuế

Sau hơn 10 năm thực hiện Luật Thuế SDĐPNN, đến nay việc thu thuế dần đi vào ổn định, số bộ thuế thường xuyên được cập nhật, bổ sung cho phù hợp với thực trạng biến động của tình hình đất đai tại địa phương. Người dân dần nhận thấy trách nhiệm và nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước, nghiêm chỉnh chấp hành thực hiện chính sách của Nhà nước. Tuy nhiên, do nguồn thu từ thuế SDĐPNN thấp trong khi số lượng người nộp thuế lớn, một số quy định của Luật Thuế SDĐPNN chưa phù hợp nên công tác quản lý thu thuế SDĐPNN chưa được sự quan tâm đúng mức của chính quyền địa phương, từ đó, ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả thu thuế SDĐPNN, ảnh hưởng đến nguồn thu thuế SDĐPNN. Cụ thể các vấn đề phát sinh trong công tác quản lý thu thuế SDĐPNN như sau:

- Do chưa có kinh phí cho việc cập nhật các trường hợp phát sinh mới để đưa vào quản lý thu nên vẫn còn nhiều hộ gia đình, cá nhân chưa lập tờ khai thuế để đưa vào quản lý thu.

- Trên thực tế công tác thu thuế đối với phần diện tích vượt hạn mức gặp rất nhiều khó khăn do các hộ không nộp, nguyên nhân các hộ phần lớn là nông dân lao động thuần túy không đầu cơ đất để kinh doanh mà có 2 đến 3 thửa đất nhưng chưa làm thủ tục thừa kế cho các con dẫn đến có diện tích vượt hạn mức.

Ngoài ra, theo quy định của Luật Thuế SDĐPNN, có nhiều đối tượng được miễn, giảm gây khó khăn trong công tác quản lý của cơ quan thuế do chính sách chưa hướng dẫn chi tiết, quy định điều kiện hồ sơ miễn, giảm đối với đối tượng là con liệt sĩ không được hưởng trợ cấp hàng tháng, trường hợp hộ nghèo, hồ sơ miễn, giảm đối với tổ chức.

Theo đó, cần thiết có quy định cụ thể về hồ sơ thuế tại pháp luật về quản lý thuế.

d) Đánh giá hệ thống cơ sở dữ liệu về nhà đất phục vụ thu, nộp thuế; phương án quản lý hành chính

Dữ liệu phục vụ lập sổ thuế từ năm 2012 đã được cập nhật nhưng đến nay vẫn còn nhiều người nộp thuế chưa nộp tờ khai thuế SDĐPNN. Số liệu hộ gia đình, cá nhân thuộc diện nộp thuế SDĐPNN phải được cung cấp từ cơ quan tài nguyên và môi trường nhưng việc cung cấp cũng như yêu cầu người nộp thuế nộp tờ khai để đưa dữ liệu vào quản lý lập bộ rất khó khăn do công tác này không được hỗ trợ kinh phí thực hiện.

Thực hiện công tác luân chuyển hồ sơ địa chính theo quy định tại Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT-BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất; nội dung có quy định người nộp thuế nộp tờ khai thuế SDĐPNN cùng với hồ sơ thực hiện tài chính về đất đai. Tuy nhiên, nội dung này đến nay chưa được hỗ trợ từ phía cơ quan tài nguyên và môi trường (do không có nhân lực) nên việc thực hiện đưa các trường hợp mới phát sinh vào sổ thuế chưa đạt kết quả cao, cơ quan thuế phải tự rà soát trên hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, tổng hợp và chuyển về địa phương nhờ hỗ trợ yêu cầu người nộp thuế lập tờ khai thuế SDĐPNN.

Hiện nay, lực lượng công chức ngành thuế ngày càng giảm và không được bổ sung, việc cập nhật dữ liệu vào hệ thống để quản lý gặp rất nhiều khó khăn do thiếu nhân lực. Đồng thời nguồn thu này rất thấp nên chưa được sự hỗ trợ của chính quyền địa phương trong việc tổ chức thu đối với nguồn thu này.

Hệ thống ứng dụng quản lý tuy được triển khai thực hiện nhưng việc kết xuất số liệu phục vụ cho công tác quản lý thu chưa đáp ứng công tác thống kê báo cáo khác nhau. Do đó, cần nâng cấp phần mềm ứng dụng Hệ thống quản lý thuế tập trung (TMS) cho phù hợp với các mẫu biểu báo cáo của thuế SDĐPNN (như: *bổ sung số chi tiết miễn, giảm của từng loại miễn, giảm; bổ sung tra cứu danh sách các trường hợp khai mới theo tháng theo địa bàn; bổ sung việc tính thuế trên thông báo cho các trường hợp truy thu từ các năm trước*).

II. THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP

1. Chính sách thuế SDĐNN

Chính sách thuế SDĐNN được thực hiện theo quy định của Luật Thuế SDĐNN năm 1993, Pháp lệnh số 31-L/CTN ngày 29/3/1994 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thuế bổ sung đối với hộ gia đình SDĐNN vượt quá hạn mức.

Theo đó, chính sách thuế SDĐNN hiện hành quy định:

- Về đối tượng chịu thuế: tổ chức, cá nhân sử dụng đất vào sản xuất nông nghiệp phải nộp thuế SDĐNN. Đối tượng chịu thuế SDĐNN là đất dùng vào sản xuất nông nghiệp bao gồm đất trồng trọt; đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản; đất rừng trồng.

- Căn cứ tính thuế SDĐNN được xác định theo diện tích đất, hạng đất và định suất thuế tính bằng kg thóc trên một đơn vị diện tích của từng hạng đất. Trong đó:

+ Diện tích tính thuế SDĐNN là diện tích giao cho hộ sử dụng đất phù hợp với sổ địa chính do Nhà nước quản lý. Trường hợp chưa lập sổ địa chính thì diện tích tính thuế là diện tích ghi trên tờ khai của hộ sử dụng đất.

+ Hạng đất căn cứ vào các yếu tố: Chất đất, vị trí, địa hình, điều kiện khí hậu và thời tiết, điều kiện tưới tiêu. Chính phủ quy định tiêu chuẩn hạng đất tính thuế. Hạng đất tính thuế được ổn định 10 năm.

+ Định suất thuế (kg thóc/ha) đối với đất trồng cây hàng năm và đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản: Từ 50 kg đến 550 kg; đất trồng cây lâu năm: Từ 80 kg đến 650 kg; cây ăn quả lâu năm trồng trên đất trồng cây hàng năm: Bằng 1,3 lần thuế đất trồng cây hàng năm cùng hạng: 1, 2, 3; bằng thuế đất trồng cây hàng năm cùng hạng: 4, 5, 6; riêng đối với cây lấy gỗ và các loại cây lâu năm thu hoạch một lần: 4% giá trị sản lượng khai thác. Giá thóc thu thuế do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định sát giá thị trường và không được thấp hơn 10% so với giá trị thị trường địa phương.

Hộ sử dụng đất nông nghiệp vượt quá hạn mức diện tích theo quy định của Luật Đất đai, thì ngoài việc phải nộp thuế theo quy định của Luật còn phải nộp thuế bổ sung đối với phần diện tích trên hạn mức. Mức thuế bổ sung đối với phần diện tích trên hạn mức bằng 20% mức thuế SDĐNN. Mức thuế SDĐNN để tính thuế bổ sung là mức thuế ghi thu bình quân của hộ gia đình SDĐNN.

- Về thu thuế và nộp thuế:

Sở thuế được duyệt là căn cứ để thu thuế. Thuế nộp mỗi năm từ 1 đến 2 lần theo vụ thu hoạch chính của từng loại cây trồng ở từng địa phương. Thời gian nộp thuế do UBND cấp tỉnh quy định. Trước thời hạn nộp thuế ít nhất là 10 ngày, cơ quan trực tiếp thu thuế phải gửi thông báo quy định rõ địa điểm, thời gian và số thuế phải nộp cho từng hộ nộp thuế.

Thuế SDĐNN tính bằng thóc, thu bằng tiền. Giá thóc thu thuế do UBND cấp tỉnh quyết định được thấp hơn không quá 10% so với giá thị trường ở địa phương trong vụ thu thuế. Trong trường hợp đặc biệt, thuế có thể thu bằng thóc do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định.

- Về miễn, giảm thuế:

Tại Luật Thuế SDĐNN quy định việc miễn, giảm thuế như sau:

(i) Miễn thuế đối với đất đồi, núi trọc dùng vào sản xuất nông, lâm nghiệp, đất trồng rừng phòng hộ và rừng đặc dụng; đối với các hộ nông dân là người tàn tật, già yếu không nơi nương tựa; đối với hộ nộp thuế có thương binh hạng 1/4 và 2/4, bệnh binh hạng 1/3 và 2/3;

(ii) Miễn thuế có thời hạn đối với đất khai hoang dùng vào sản xuất; đất trồng cây lâu năm chuyển sang trồng lại mới và đất trồng cây hàng năm chuyển sang trồng cây lâu năm, cây ăn quả; hộ di chuyển đến vùng kinh tế mới khai hoang để sản xuất nông nghiệp;

(iii) Giảm thuế trong trường hợp thiên tai, dịch họa làm thiệt hại mùa màng; đối với hộ nộp thuế có thương binh, bệnh binh không thuộc diện miễn thuế mà đời sống có nhiều khó khăn;

(iv) Miễn thuế hoặc giảm thuế đối với các hộ nông dân sản xuất ở vùng cao, miền núi, biên giới và hải đảo và đối với các hộ nông dân là dân tộc thiểu số mà sản xuất và đời sống còn nhiều khó khăn; đối với hộ nộp thuế là gia đình liệt sĩ.

Đánh giá chính sách thuế SDĐNN cho thấy, Luật Thuế SDĐNN có hiệu lực thi hành hơn 30 năm, đến nay đã có những quy định không còn thống nhất với pháp luật có liên quan và không phù hợp với tình hình phát triển KT-XH Việt Nam, cụ thể:

1.1. Về đối tượng chịu thuế

Luật Thuế SDĐNN quy định tổ chức, cá nhân sử dụng đất vào sản xuất nông nghiệp phải nộp thuế SDĐNN. Đất chịu thuế SDĐNN là đất dùng vào sản xuất nông nghiệp gồm: Đất trồng trọt, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản, đất trồng rừng.

Quy định về phân loại đất chịu thuế SDĐNN được căn cứ theo Luật Đất đai năm 1993 của Quốc hội. Từ năm 1992 đến nay cứ sau 10 năm, Đảng và Nhà nước đã ban hành các chủ trương đổi mới về đất đai làm định hướng chính trị cho việc hoàn thiện các chủ trương, chính sách, pháp luật về đất đai. Luật Đất đai năm 1993 thể chế hóa các quan điểm, các định chế của Hiến pháp năm 1992 và Nghị quyết Hội nghị Trung ương 2 khóa VII (tháng 3/1992); Luật Đất đai năm 2003 được ban hành trên cơ sở Hội nghị Trung ương 7 khóa IX về tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; Luật Đất đai năm 2013 được ban hành trên cơ sở Nghị quyết số 19-NQ/TW Hội nghị Trung ương 5 khóa XI. Luật Đất đai năm 2024 được ban hành trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

Theo đó, việc phân loại nhóm đất nông nghiệp theo quy định pháp luật về đất đai từng thời kỳ đã có những sửa đổi, bổ sung nhằm đảm bảo phù hợp với thực tiễn và sự phát triển của nền kinh tế thị trường. Cụ thể:

Luật Đất đai số 45/2013/QH13 quy định nhóm đất nông nghiệp bao gồm các loại đất sau đây:

- Đất trồng cây hàng năm, gồm: đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác;
- Đất trồng cây lâu năm;
- Đất rừng sản xuất;
- Đất rừng phòng hộ;
- Đất rừng đặc dụng;
- Đất nuôi trồng thủy sản;
- Đất làm muối;

- Đất nông nghiệp khác gồm đất sử dụng để xây dựng nhà kính và các loại nhà khác phục vụ mục đích trồng trọt, kể cả các hình thức trồng trọt không trực tiếp trên đất; xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm và các loại động vật khác được pháp luật cho phép; đất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản cho mục đích học tập, nghiên cứu thí nghiệm; đất ươm tạo cây giống, con giống và đất trồng hoa, cây cảnh.

Luật Đất đai số 31/2024/QH15 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025) quy định nhóm đất nông nghiệp bao gồm các loại đất sau đây:

- Đất trồng cây hằng năm, gồm: đất trồng lúa và đất trồng cây hằng năm khác;
- Đất trồng cây lâu năm;
- Đất lâm nghiệp, gồm: đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất;
- Đất nuôi trồng thủy sản;
- Đất chăn nuôi tập trung;
- Đất làm muối;
- Đất nông nghiệp khác.

Theo đó, việc phân loại nhóm đất nông nghiệp qua các thời kỳ căn cứ vào mục đích sử dụng đất để phục vụ cho quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, đảm bảo tính thống nhất giữa pháp luật về quy hoạch, pháp luật về xây dựng, pháp luật về lâm nghiệp, pháp luật về chăn nuôi.

Như vậy, để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với các quy định pháp luật hiện hành, quy định về đất chịu thuế SDĐNN cần được rà soát, nghiên cứu quy định cho phù hợp.

1.2. Về căn cứ tính thuế

Căn cứ tính thuế SDĐNN được xác định theo diện tích đất, hạng đất và định suất thuế tính bằng kg thóc trên một đơn vị diện tích của từng hạng đất. Trong đó:

- Diện tích tính thuế SDĐNN là diện tích giao cho hộ sử dụng đất phù hợp với sổ địa chính của Nhà nước.

- Hạng đất căn cứ vào các yếu tố: Chất đất, vị trí, địa hình, điều kiện khí hậu và thời tiết, điều kiện tưới tiêu. Hạng đất tính thuế được ổn định 10 năm.

- Định suất thuế (kg thóc/ha) đối với đất trồng cây hằng năm và đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản: từ 50 kg đến 550 kg; đối với đất trồng cây lâu năm: từ 80 kg đến 650 kg; đối với cây ăn quả lâu năm trồng trên đất trồng cây hằng năm: bằng 1,3 lần thuế đất trồng cây hằng năm cùng hạng: 1, 2, 3, bằng thuế đất trồng cây hằng năm cùng hạng: 4, 5, 6; riêng đối với cây lấy gỗ và các loại cây lâu năm thu hoạch một lần: 4% giá trị sản lượng khai thác. Giá thóc thu

thuế do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định sát giá thị trường và không được thấp hơn 10% so với giá trị thị trường địa phương.

Theo quy định pháp luật về đất đai thì căn cứ tính thuế sử dụng đất là giá đất tại Bảng giá đất do UBND cấp tỉnh ban hành. Thông thường tại các quốc gia trên thế giới, số thuế phải nộp xác định theo công thức: Thuế phải nộp = Thuế suất nhân (x) Giá trị chịu thuế (giá tính thuế). So với quy định của Luật Thuế SĐĐNN hiện hành thì phương pháp xác định căn cứ tính thuế đã rất lạc hậu, không còn phù hợp với thực tế, không phản ánh được giá trị thực tế của đất nông nghiệp tính thuế. Để đảm bảo thống nhất quy định pháp luật về đất đai, phù hợp với thực tế và thông lệ quốc tế, đơn giản và minh bạch trong thực thi chính sách, cần thiết quy định căn cứ tính thuế SĐĐNN chuyển từ tính bằng thóc sang xác định dựa trên giá trị (giá tính thuế và thuế suất). Giá tính thuế đối với đất xác định bằng diện tích đất sử dụng thực tế và giá của 1m² đất là giá đất do UBND cấp tỉnh quy định.

1.2.1. Về diện tích tính thuế

Luật Thuế SĐĐNN quy định diện tích tính thuế SĐĐNN là diện tích giao cho hộ sử dụng đất phù hợp với sổ địa chính của Nhà nước.

Từ Luật Đất đai năm 2003 đến nay, quy định về sở hữu, SĐĐNN đã có sửa đổi, bổ sung nhằm khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia vào quá trình phát triển lĩnh vực nông nghiệp. Luật Đất đai năm 2003, Luật Đất đai năm 2013 đã mở rộng hình thức sở hữu, SĐĐNN (như giao đất không thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất, công nhận quyền SĐĐNN; nhận chuyển quyền SĐĐNN, nhận giao khoán), đối tượng sở hữu, SĐĐNN (hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối; Hộ nông dân, hộ nông trường viên, xã viên hợp tác xã, Đơn vị vũ trang nhân dân; Hợp tác xã nông nghiệp; Cộng đồng dân cư...).

Theo đó, diện tích đất nông nghiệp tính thuế cần được sửa đổi để đảm bảo phù hợp với hình thức sở hữu, SĐĐNN và chủ thể SĐĐNN theo quy định của pháp luật đất đai hiện hành.

1.2.2. Về hạng đất

Từ khi Luật Thuế SĐĐNN có hiệu lực thi hành (kể từ ngày 01/01/1994), hạng đất tính thuế SĐĐNN đã được quy định qua các thời kỳ như sau:

* Giai đoạn 1994 - 2003:

- Điều 6, Điều 7 Luật Thuế SĐĐNN quy định:

"Điều 6:

Căn cứ tính thuế sử dụng đất nông nghiệp:

- Diện tích;

- Hạng đất;

- Định suất thuế tính bằng kilôgam thóc trên một đơn vị diện tích của từng hạng đất.

Điều 7

....

3. Hạng đất tính thuế được ổn định 10 năm. Trong thời hạn ổn định hạng đất, đối với vùng mà Nhà nước đầu tư lớn, đem lại hiệu quả kinh tế cao, Chính phủ điều chỉnh lại hạng đất tính thuế”.

- Tại Điều 7 Nghị định số 73/CP ngày 25/10/1993 của Chính phủ quy định chi tiết việc phân hạng đất tính thuế SDĐNN quy định:

“Điều 7. Cục Thuế giúp UBND cấp tỉnh kiểm tra và xét duyệt tổng hợp kết quả phân hạng đất tính thuế của địa phương, báo cáo Bộ Tài chính để trình Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn.

Hạng đất tính thuế sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn là căn cứ tính thuế, lập sổ thuế.

Hạng đất tính thuế được ổn định 10 năm”.

- Tại khoản 2, khoản 3 Mục IV Thông tư liên bộ số 92/TTLB ngày 10/11/1993 của Liên bộ Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm - Bộ Tài chính - Tổng cục Quản lý ruộng đất hướng dẫn thi hành Nghị định số 73/CP quy định:

“2. Cục Thuế phối hợp với Hội đồng tư vấn thuế tỉnh (các ngành liên quan) giúp UBND tỉnh tổng hợp, xét duyệt hạng đất tính thuế sử dụng đất nông nghiệp của huyện và các đơn vị do Cục Thuế trực tiếp lập sổ thuế để trình UBND tỉnh xét duyệt, báo cáo với Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) trình Chính phủ.

3. Bộ Tài chính cùng với Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm và Tổng cục Quản lý ruộng đất kiểm tra việc tổng hợp, xét duyệt phân hạng đất tính thuế SDĐNN của các tỉnh, thành phố; chuẩn bị các tài liệu cần thiết để Bộ Tài chính trình Chính phủ phê duyệt hạng đất tính thuế cho các địa phương”.

Căn cứ Luật Thuế SDĐNN và thẩm quyền quy định tại Điều 7 Nghị định số 73/CP, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 326/TTg ngày 18/5/1996 về việc phê chuẩn hạng đất tính thuế SDĐNN, ổn định trong 10 năm kể từ năm 1994 đến hết năm 2003.

* Giai đoạn 2003 - 2010:

Ngày 15/6/2007, Bộ Tài chính có công văn số 7919/BTC-TCT gửi UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về phân hạng đất tính thuế SDĐNN, trong đó: đề nghị UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xem xét nếu thời gian vừa qua (từ năm 2003 đến nay) địa phương chưa có đầu tư lớn về giao thông, thủy lợi, cải tạo đất và các biện pháp khác đem lại tiềm năng kinh tế cao hơn mức bình quân của thời kỳ 10 năm (1993-2003) thì tạm thời sử dụng hạng

đất tính thuế sử dụng đất nông nghiệp theo quy định tại Quyết định số 326/TTg ngày 18/5/1996 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê chuẩn hạng đất tính thuế SDĐNN cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để tính thuế nông nghiệp và các khoản thu liên quan đến đất cho đến khi Luật Thuế SDĐNN được ban hành.

*** Giai đoạn 2011 - 2020:**

- Ngày 23/3/2011, Chính phủ ban hành Nghị định số 20/2011/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 55/2010/NQ12 ngày 24/11/2010 của Quốc hội về miễn, giảm thuế SDĐNN, trong đó quy định về hạng đất tính thuế như sau:

“Điều 5. Hạng đất tính thuế

Hạng đất tính thuế sử dụng đất nông nghiệp được tính ổn định 10 năm, bắt đầu từ ngày 01/01/2011 đến hết ngày 31/12/2020, trên cơ sở hạng đất đã được quy định và thực hiện trong giai đoạn từ năm 2003 đến hết năm 2010”.

- Ngày 16/8/2011, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 120/2011/TT-BTC hướng dẫn thực hiện Nghị định số 20/2011/NĐ-CP, trong đó có hướng dẫn về hạng đất tính thuế như sau:

“Điều 4. Hạng đất tính thuế SDĐNN được tính ổn định 10 năm, bắt đầu từ ngày 01/01/2011 đến hết ngày 31/12/2020, trên cơ sở hạng đất đã được quy định và thực hiện trong giai đoạn từ năm 2003 đến hết năm 2010.

Trường hợp địa phương đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh hạng đất tính thuế sử dụng đất nông nghiệp từ năm 2011 thì thực hiện theo quy định đó ổn định đến hết năm 2020”.

Như vậy, kể từ khi Luật Thuế SDĐNN có hiệu lực thi hành đến năm 2020, hạng đất tính thuế SDĐNN được áp dụng trên cơ sở Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 18/5/1996 của Thủ tướng Chính phủ. Trường hợp địa phương đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh hạng đất tính thuế SDĐNN thì thực hiện theo quy định đó ổn định đến hết năm 2020. Thực tế triển khai thực hiện cho thấy chỉ có 2 tỉnh thực hiện điều chỉnh lại hạng đất tính thuế là Trà Vinh (được Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh hạng đất cho giai đoạn 2008 - 2017) và Đắk Lắk (được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh hạng đất cho giai đoạn 2011 - 2020).

*** Giai đoạn 2021-2025**

Theo quy định tại Nghị quyết số 55/2010/QH12, Nghị quyết số 28/2016/QH14 và Nghị quyết số 107/2020/QH14 thì thuế SDĐNN được miễn đến hết ngày 31/12/2025, trừ trường hợp diện tích đất nông nghiệp được Nhà nước giao cho tổ chức quản lý nhưng không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp. Do đó, thực tế vẫn phải quy định về hạng đất để thực hiện tính thuế SDĐNN đối với trường hợp còn lại phải nộp thuế SDĐNN.

Tại Điều 5 Nghị định số 20/2011/NĐ-CP quy định về hạng đất tính thuế SDĐNN như sau:

“Điều 5. Hạng đất tính thuế

Hạng đất tính thuế SDĐNN được tính ổn định 10 năm, bắt đầu từ ngày 01/01/2011 đến hết ngày 31/12/2020, trên cơ sở hạng đất đã được quy định và thực hiện trong giai đoạn từ năm 2003 đến hết năm 2010”.

Căn cứ quy định nêu trên thì hạng đất tính thuế SDĐNN ổn định 10 năm, bắt đầu từ ngày 01/01/2011 đến hết ngày 31/12/2020. Theo đó, để có cơ sở tính và thu thuế SDĐNN đối với các đối tượng còn lại phải nộp thuế SDĐNN (tổ chức được nhà nước giao đất nông nghiệp nhưng không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp), phục vụ công tác quản lý thu thuế SDĐNN tại các địa phương từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/12/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 146/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 sửa đổi, bổ sung Điều 5 Nghị định số 20/2011/NĐ-CP như sau:

“Điều 5. Hạng đất tính thuế

Kéo dài thời hạn thực hiện hạng đất tính thuế SDĐNN đến hết ngày 31/12/2025 trên cơ sở hạng đất đã được quy định và thực hiện trong giai đoạn từ năm 2011 đến hết năm 2020.

Trường hợp địa phương được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh hạng đất tính thuế SDĐNN theo quy định thì thực hiện theo quy định đó đến hết ngày 31/12/2025”.

Như vậy, hạng đất tính thuế SDĐNN ổn định 10 năm. Sau 30 năm thực hiện chính sách thuế SDĐNN cho thấy công tác xác định hạng đất tính thuế tại các địa phương trên thực tế là công việc rất phức tạp, tốn chi phí, công sức, cần có sự phối hợp của nhiều cơ quan chức năng. Đồng thời, việc xác định hạng đất tính thuế cũng không hiệu quả do số thu thuế SDĐNN còn lại rất nhỏ. Mặt khác, từ năm 2003 đến nay, hạng đất tính thuế SDĐNN của các địa phương luôn được ổn định trên cơ sở hạng đất quy định tại Quyết định số 326/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, trừ Trà Vinh, Đắk Lắk. Hơn nữa, việc xây dựng trình ban hành phân hạng đất mới để tính thuế không có nhiều ý nghĩa trong trường hợp tiếp tục thực hiện miễn thuế SDĐNN đến năm 2030.

1.2.3. Về định suất thuế

Định suất thuế một năm tính bằng kg thóc trên 1ha của từng hạng đất căn cứ vào mục đích sử dụng và khả năng thu hoa lợi trên đất. Quy định này đến nay không còn phù hợp trong điều kiện chính sách tài chính liên quan đến đất đai thực hiện thống nhất theo quy định của pháp luật đất đai (sử dụng giá đất do UBND cấp tỉnh ban hành trong khung giá đất của Chính phủ làm căn cứ tính thuế sử dụng đất, thuế thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất...).

1.3. Về thu, nộp thuế

Luật Thuế SĐĐNN quy định thuế SĐĐNN tính bằng thóc, thu bằng tiền. Giá thóc do UBND cấp tỉnh quyết định nhưng được thấp hơn không quá 10% so với giá thị trường ở địa phương trong vụ thu thuế. Trong trường hợp đặc biệt, thuế có thể thu bằng thóc do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định.

Theo Nghị định 74/CP năm 1993, sổ thuế là căn cứ để làm thông báo thuế và thu, nộp thuế. Thuế SĐĐNN tính bằng thóc, thu bằng tiền; riêng đất trồng cây lâu năm thu hoạch một lần thuế tính theo sản lượng khai thác và theo giá bán thực tế.

- Giá thóc thu thuế do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định sát giá thị trường và không được thấp hơn 10% so với giá trị thị trường địa phương. Ở những tỉnh, thành phố, giá thóc giữa các vùng có sự chênh lệch lớn thì giá thóc thu thuế có thể quy định cho từng huyện, quận, thị xã.

- Giá trị sản lượng tính thuế của cây lâu năm thu hoạch một lần (gỗ, tre, nứa, song, mây...) tính theo giá bán thực tế của từng loại cây. Trong trường hợp hộ nộp thuế kê khai giá thấp hơn so với giá thực tế, thì tính thuế theo giá do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quy định.

- Sản lượng để xác định giá trị sản lượng tính thuế của các cây lâu năm thu hoạch một lần là sản lượng thu hoạch thực tế.

Quy định về thu, nộp thuế tại Luật Thuế SĐĐNN là chưa phù hợp với pháp luật về quản lý thuế hiện hành¹, chưa phù hợp trong bối cảnh KT-XH hiện nay. Thực tế, các địa phương² ban hành quy định về giá thóc thu thuế SĐĐNN tương đối sát với giá thóc trên thị trường. Tuy nhiên, việc xác định giá tính thuế theo giá thóc là phương pháp lạc hậu, có giá trị thu thấp. Số thu từ thuế SĐĐNN trong các năm qua chỉ chiếm một phần rất nhỏ, không đáng kể trong tổng thu NSNN. Số thu thuế SĐĐNN chỉ còn 10 tỷ đồng (năm 2023), chiếm trung bình khoảng 0,00057% tổng thu NSNN. Trong khi đó thuế SĐĐNN là nguồn thu địa phương được hưởng 100% nhưng chỉ mang tính bù đắp một phần nhỏ để hỗ trợ chính quyền thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với đất nông nghiệp. Thực tế, để thực hiện việc quản lý đất nông nghiệp, các địa phương vẫn phải theo dõi chi tiết đến từng thửa ruộng, hạng đất và việc lập sổ theo dõi hàng năm tốn nhiều thời gian, công sức, chi phí lớn.

1.4. Về miễn, giảm thuế

Luật Thuế SĐĐNN (Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 23) quy định cụ thể các trường hợp miễn, giảm thuế SĐĐNN:

¹ Luật Quản lý thuế số quy định đồng tiền khai thuế, nộp thuế là Đồng Việt Nam, trừ các trường hợp được phép khai thuế, nộp thuế bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi.

² Ví dụ như tỉnh Gia Lai quy định giá thóc thu thuế SĐĐNN 2024 trên địa bàn tỉnh là 6.900 đồng/kg thóc (theo Quyết định 48/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023); tỉnh Nghệ An quy định giá thóc để tính thuế sử dụng đất nông nghiệp năm 2024 trên địa bàn tỉnh là 6.200 đồng/kg (theo Quyết định 41/2023/QĐ-UBND ngày 28/12/2023); Thành phố Hồ Chí Minh ban hành giá thóc thu thuế SĐĐNN là 7.600 đồng/kg (theo Quyết định 14/2024/QĐ-UBND ngày 20/3/2024).

“Điều 19

1. Miễn thuế cho đất đồi, núi trọc dùng vào sản xuất nông, lâm nghiệp, đất trồng rừng phòng hộ và rừng đặc dụng.

2. Miễn thuế cho đất khai hoang không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này dùng vào sản xuất:

- Trồng cây hàng năm: 5 năm; riêng đối với đất khai hoang ở miền núi, đầm lầy và lán biển: 7 năm;

- Trồng cây lâu năm: miễn thuế trong thời gian xây dựng cơ bản và cộng thêm 3 năm từ khi có thu hoạch. Riêng đối với đất ở miền núi, đầm lầy và lán biển được cộng thêm 6 năm.

- Đối với cây lấy gỗ và các loại cây lâu năm thu hoạch một lần thì chi nộp thuế khi khai thác theo quy định tại khoản 4, Điều 9 của Luật này.

3. Miễn thuế cho đất trồng cây lâu năm chuyển sang trồng lại mới và đất trồng cây hàng năm chuyển sang trồng cây lâu năm, cây ăn quả: trong thời gian xây dựng cơ bản và cộng thêm 3 năm từ khi có thu hoạch.

4. Chính phủ quy định việc giảm thuế, miễn thuế đối với đất khai hoang được đầu tư bằng nguồn vốn NSNN.

Điều 20

Hộ di chuyển đến vùng kinh tế mới khai hoang để sản xuất nông nghiệp được miễn thuế trong thời hạn theo quy định tại Điều 19 của Luật này và cộng thêm 2 năm. Nếu đất được giao là đất đang sản xuất nông nghiệp, thì được miễn thuế trong thời hạn 3 năm kể từ ngày nhận đất.

Điều 21

Trong trường hợp thiên tai, dịch họa làm thiệt hại mùa màng, thuế sử dụng đất nông nghiệp được giảm hoặc miễn cho từng hộ nộp thuế theo từng vụ sản xuất như sau:

1. Thiệt hại từ 10% đến dưới 20%, giảm thuế tương ứng theo mức thiệt hại;

2. Thiệt hại từ 20% đến dưới 30%, giảm thuế 60%;

3. Thiệt hại từ 30% đến dưới 40%, giảm thuế 80%;

4. Thiệt hại từ 40% trở lên, miễn thuế 100%.

Điều 22

1. Miễn thuế hoặc giảm thuế cho các hộ nông dân sản xuất ở vùng cao, miền núi, biên giới và hải đảo mà sản xuất và đời sống còn nhiều khó khăn;

2. Miễn thuế hoặc giảm thuế cho các hộ nông dân là dân tộc thiểu số mà sản xuất và đời sống còn nhiều khó khăn;

3. Miễn thuế cho các hộ nông dân là người tàn tật, già yếu không nơi nương tựa.

Điều 23

1. Miễn thuế cho hộ nộp thuế có thương binh hạng 1/4 và 2/4, bệnh binh hạng 1/3 và 2/3;

2. Miễn thuế hoặc giảm thuế cho hộ nộp thuế là gia đình liệt sĩ;

3. Giảm thuế cho hộ nộp thuế có thương binh, bệnh binh không thuộc diện miễn thuế theo quy định tại khoản 1 Điều này mà đời sống có nhiều khó khăn”.

Kinh nghiệm các quốc gia trên thế giới hiện nay cũng cho thấy, mặc dù việc SDĐNN bị đánh thuế là phổ biến, tuy nhiên, các quốc gia đều có hình thức hỗ trợ lĩnh vực nông nghiệp nói chung, người nông dân nói riêng. Tùy vào mục tiêu khác nhau như mục tiêu chính trị, mục tiêu khuyến khích đầu tư sản xuất nông nghiệp hoặc mục tiêu giảm chi phí quản lý thuế mà các nước có các chính sách ưu đãi thuế đối với việc SDĐNN khác nhau như: áp dụng mức thuế suất đối với đất nông nghiệp thấp hơn mức thuế suất đối với đất ở, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp (Nga, Canada, Thái Lan, Hàn Quốc...); quy định miễn thuế SDĐNN (như Cộng Hòa Ai-len, Anh). Ngay cả ở những quốc gia mà đất nông nghiệp thuộc đối tượng chịu thuế BĐS thường có hình thức miễn, giảm nào đó cho đất nông nghiệp hoặc công trình trên đất nông nghiệp³.

Theo đó, việc quy định về miễn, giảm thuế SDĐNN là phù hợp với thông lệ quốc tế và đảm bảo thực hiện chính sách của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Qua đánh giá cho thấy, quy định về miễn, giảm thuế SDĐNN tại Luật là phù hợp điều kiện KT-XH tại thời điểm ban hành Luật. Đến nay, các quy định này cần được rà soát, quy định cho thống nhất với chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân và nông thôn và thống nhất pháp luật có liên quan⁴ (pháp luật về quản lý thuế, pháp luật về người có công, pháp luật về đất đai...) và thực tế tại các địa phương.

Ngoài ra, thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, thuế SDĐNN hiện đang được miễn cho toàn bộ diện tích đất nông nghiệp đến hết ngày 31/12/2025, trừ diện tích đất nông nghiệp mà Nhà nước giao cho tổ chức quản lý nhưng không trực tiếp sử dụng để sản xuất nông nghiệp mà giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp. Chính sách ưu đãi thuế SDĐNN đã được bắt đầu từ năm 2001 và hết hiệu lực vào ngày 31/12/2025. Do đó, cần có đánh giá cụ thể và cần thiết Luật hóa các quy định về miễn thuế để tạo sự minh bạch, đồng bộ và nâng cao cơ sở pháp lý trong quá trình triển khai thực hiện.

³ Ví dụ như Kosovo quy định mức thuế suất thấp hơn cho BĐS sử dụng cho nông và lâm nghiệp. Nhật Bản áp dụng hệ số tính thuế 45% giá trị thị trường cho đất nông nghiệp.

⁴ Pháp luật quản lý thuế quy định các trường hợp bất khả kháng; pháp luật về người có công quy định cụ thể về đối tượng hưởng chính sách ưu đãi của Nhà nước, pháp luật về đất đai quy định cụ thể về phân loại đất nông nghiệp.

1.5. Về kê khai, tính và lập sổ thuế, xử lý vi phạm, khiếu nại

Tại Luật Thuế SĐĐNN quy định cụ thể về kê khai, tính thuế, xử lý vi phạm, khiếu nại về thuế. Tuy nhiên, cần thiết rà soát các quy định này để đảm bảo phù hợp với pháp luật hiện hành có liên quan như Bộ luật Dân sự (*quy định về truy cứu trách nhiệm hình sự...*), pháp luật về quản lý thuế (*Pháp luật về quản lý thuế hiện hành đã có quy định về: Trách nhiệm của người nộp thuế; các hành vi vi phạm về thuế; các hình thức xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế; thẩm quyền xử lý vi phạm; kê khai, nộp thuế*); pháp luật về khiếu nại, tố cáo (*Thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo*).

2. Chính sách miễn, giảm thuế SĐĐNN theo các Nghị quyết của Quốc hội

Phát triển nông nghiệp, nông thôn là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Nhận thức được vai trò quan trọng của ngành nông nghiệp đối với sự phát triển KT-XH, trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã ban hành và triển khai nhiều chủ trương, chính sách nhằm hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp và cải thiện đời sống nông dân, trong đó có chính sách miễn, giảm thuế SĐĐNN.

Thực hiện chủ trương xóa đói, giảm nghèo của Đảng và Nhà nước, đồng thời hỗ trợ đối với nông dân, khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp, Đảng và Nhà nước đã có các quyết định mở rộng ưu đãi miễn, giảm thuế SĐĐNN qua các giai đoạn như sau:

*** Giai đoạn 2001 - 2010**

Năm 2001, thực hiện Nghị quyết số 24/1999/QH10 của Quốc hội, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 05/2001/NQ-CP ngày 24/5/2001 về việc bổ sung một số giải pháp điều hành kế hoạch kinh tế năm 2001, theo đó thực hiện miễn thuế SĐĐNN đối với hộ nghèo trong cả nước, hộ ở các xã đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135; giảm 50% thuế SĐĐNN đối với đất trồng lúa và cà phê.

Năm 2002, thực hiện Nghị quyết số 50/2001/QH10 của Quốc hội về dự toán NSNN năm 2002, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 199/2001/QĐ-TTg ngày 28/12/2001 tiếp tục thực hiện miễn thuế SĐĐNN đối với các xã đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa và các hộ nghèo trong cả nước, đồng thời giảm 50% số thuế SĐĐNN phải nộp đối với các hộ sản xuất nông nghiệp khác còn lại chưa được miễn thuế (hộ gia đình, cá nhân, hợp tác xã, doanh nghiệp và tổ chức kinh tế khác).

Năm 2003, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 15/2003/QH11 ngày 17/6/2003 về miễn, giảm thuế SĐĐNN đến hết năm 2010 gồm:

- Miễn thuế SĐĐNN trong hạn mức theo quy định của pháp luật cho từng vùng đối với hộ nông dân, hộ nông trường viên, xã viên hợp tác xã sản xuất

nông nghiệp nhận đất giao khoán của doanh nghiệp, hợp tác xã để sản xuất nông nghiệp.

- Miễn thuế SĐĐNN trong hạn mức đối với hộ xã viên góp ruộng đất để thành lập hợp tác xã sản xuất nông nghiệp theo quy định của Luật Hợp tác xã.

- Miễn thuế SĐĐNN đối với toàn bộ diện tích đất của hộ nghèo, hộ sản xuất nông nghiệp ở xã đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ.

- Giảm 50% số thuế SĐĐNN ghi thu hàng năm đối với diện tích đất sản xuất nông nghiệp của đối tượng không thuộc diện được miễn thuế nêu trên và diện tích đất sản xuất nông nghiệp vượt hạn mức theo quy định của pháp luật đối với hộ nông dân, hộ nông trường viên và hộ sản xuất nông nghiệp khác.

** Giai đoạn 2011 - 2020*

Năm 2010, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24/11/2010 về miễn, giảm thuế SĐĐNN đến hết năm 2020 gồm:

- Miễn thuế SĐĐNN đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp phục vụ nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm; diện tích đất trồng cây hàng năm có ít nhất một vụ lúa trong năm; diện tích đất làm muối; diện tích đất nông nghiệp được Nhà nước giao cho hộ nghèo.

- Miễn thuế SĐĐNN đối với diện tích đất nông nghiệp trong hạn mức giao đất nông nghiệp đối với: Hộ gia đình, cá nhân nông dân được Nhà nước giao đất để sản xuất nông nghiệp, bao gồm cả đất được thừa kế, cho tặng, nhận chuyển quyền sử dụng đất; hộ gia đình, cá nhân là xã viên hợp tác xã sản xuất nông nghiệp đã nhận đất giao khoán ổn định của hợp tác xã, nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh để sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật; hộ gia đình, cá nhân là nông trường viên, lâm trường viên đã nhận đất giao khoán ổn định của nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh để sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật; hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông nghiệp có quyền SĐĐNN góp đất của mình để thành lập hợp tác xã sản xuất nông nghiệp theo quy định của Luật Hợp tác xã.

- Giảm 50% số thuế SĐĐNN ghi thu hàng năm đối với diện tích đất nông nghiệp vượt hạn mức giao đất nông nghiệp nhưng không quá hạn mức nhận chuyển quyền SĐĐNN đối với hộ gia đình, cá nhân; diện tích đất nông nghiệp mà Nhà nước giao cho tổ chức và các đơn vị khác đang trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp; diện tích đất nông nghiệp mà Nhà nước giao cho đơn vị vũ trang nhân dân quản lý sử dụng.

Đối với diện tích đất nông nghiệp mà Nhà nước giao cho tổ chức và các đơn vị khác đang quản lý nhưng không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp thì thực hiện thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai; trong thời gian Nhà nước chưa thu hồi đất thì phải nộp 100% thuế SĐĐNN.

Năm 2016, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày

11/11/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 55/2010/QH12 về miễn, giảm thuế SĐĐNN đến hết năm 2020 cho các đối tượng còn lại đang phải nộp thuế SĐĐNN, gồm:

- Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất để sản xuất nông nghiệp, bao gồm cả đất được thừa kế, tặng cho, nhận chuyển quyền sử dụng đất.

- Hộ gia đình, cá nhân là thành viên hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, nông trường viên, lâm trường viên đã nhận đất giao khoán ổn định của hợp tác xã, nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh để sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật.

- Hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông nghiệp góp quyền SĐĐNN của mình để thành lập hợp tác xã sản xuất nông nghiệp theo quy định của Luật Hợp tác xã.

- Diện tích đất nông nghiệp được Nhà nước giao cho tổ chức đang trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp.

Đối với tổ chức được Nhà nước giao đất nông nghiệp nhưng không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp thì thực hiện thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai; trong thời gian Nhà nước chưa thu hồi đất thì phải nộp 100% thuế SĐĐNN.

** Giai đoạn 2021-2025*

Năm 2020, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 107/2020/QH14 ngày 10/6/2020 về kéo dài thời hạn miễn thuế SĐĐNN được quy định tại Nghị quyết số 55/2010/QH12. Theo đó, hiện hành, chính sách thuế SĐĐNN đang được miễn đến hết ngày 31/12/2025, trừ diện tích đất nông nghiệp mà Nhà nước giao cho tổ chức quản lý nhưng không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp.

Dưới đây là đánh giá tình hình thực hiện chính sách miễn, giảm thuế theo các Nghị quyết của Quốc hội trong những năm qua:

2.1. Kết quả đạt được

a) Thực hiện chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn

Những năm qua, kinh tế nông nghiệp và khu vực nông thôn đã có bước phát triển nhất định nhưng vẫn là khu vực có tốc độ phát triển chậm so với các khu vực khác của nền kinh tế. Sản xuất nông nghiệp nước ta vẫn mang tính chất của một nền sản xuất nhỏ, manh mún. Quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng, từ nhiều năm qua, Nhà nước đã ban hành các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp và cải thiện đời sống nông dân, trong đó chính sách ưu đãi miễn, giảm thuế SĐĐNN đã được triển khai thực hiện và đạt nhiều kết quả quan trọng.

Chính sách miễn, giảm thuế SĐĐNN đến hết ngày 31/12/2025 là giải

pháp để góp phần thực hiện chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; góp phần khuyến khích các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; mở rộng quy mô và nâng cao hiệu quả sử dụng đất trong sản xuất nông nghiệp, từ đó giúp người nông dân cải thiện đời sống, có thêm vốn tái đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp; đồng thời góp phần thúc đẩy quá trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo định hướng của Đảng và Nhà nước, nhất là trong việc thúc đẩy sản xuất hàng hóa quy mô lớn, hiệu quả, từ đó nâng cao khả năng cạnh tranh của các mặt hàng nông sản Việt Nam trên thị trường.

Việc mở rộng diện được miễn, giảm thuế SDĐNN tại Nghị quyết số 107/2020/QH14 đã góp phần thực hiện các chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, góp phần chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, đẩy nhanh ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ trong sản xuất đạt năng suất, chất lượng cao:

- Tại Kết luận số 36-KL/TW ngày 06/9/2018 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 khóa XI về tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, trong đó xác định: *“Hoàn thiện chính sách thuế đối với đất nông nghiệp nhằm khuyến khích, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, khắc phục tình trạng đất bỏ hoang, sử dụng sai mục đích”*.

- Tại Luật Đất đai năm 2013 có nêu: *“Nhà nước khuyến khích hình thức phát triển kinh tế trang trại của hộ gia đình, cá nhân nhằm khai thác có hiệu quả đất đai để phát triển sản xuất, mở rộng quy mô và nâng cao hiệu quả sử dụng đất trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối gắn với dịch vụ, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp”*.

- Tại Quyết định số 432/QĐ-TTg ngày 12/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011-2020 đã nêu rõ định hướng ưu tiên nhằm đảm bảo an ninh lương thực, phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững là *“chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp và nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, phát huy thế mạnh của từng vùng; phát triển sản xuất nông sản hàng hóa có chất lượng và hiệu quả; gắn sản xuất với thị trường trong nước và thị trường quốc tế nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên (đất đai, nước, rừng, lao động và nguồn vốn)...”*.

- Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao GTGT và phát triển bền vững; Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác xã, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn đã nêu rõ định hướng phát triển ngành nông nghiệp theo hướng: *“xây dựng và phát triển các vùng chuyên canh quy mô lớn theo hình thức trang trại, gia trại, khu nông nghiệp công nghệ cao...”*; *“tạo tiền đề triển khai tổ chức sản xuất trên cơ sở hợp tác,*

liên kết giữa người nông dân với doanh nghiệp, tổ chức đại diện của nông dân trong sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ nông sản trên cùng địa bàn, có quy mô ruộng đất lớn, với mục đích tạo ra sản lượng nông sản hàng hóa tập trung, chất lượng cao, tăng sức cạnh tranh của nông sản trên thị trường nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng thu nhập cho nông dân và các đối tác tham gia”.

Kết quả miễn, giảm thuế SDĐNN cụ thể qua các thời kỳ như sau:

Tổng kết, đánh giá 20 năm thực hiện chính sách miễn, giảm thuế SDĐNN cho thấy, tổng số thuế SDĐNN miễn, giảm giai đoạn 2003-2010 trung bình khoảng 3.268,5 tỷ đồng/năm; giai đoạn từ 2011-2016 trung bình khoảng 6.308,3 tỷ đồng/năm; giai đoạn 2017-2018 và đến hết năm 2020 khoảng 7.438,5 tỷ đồng/năm.

- Giai đoạn từ 2003-2010 (theo Nghị quyết số 15/2003/QH11): Đây là giai đoạn đầu tiên Quốc hội ban hành chính sách miễn, giảm thuế SDĐNN đối với phần diện tích trong hạn mức giao đất để sản xuất nông nghiệp của hộ nghèo, hộ sản xuất nông nghiệp ở các xã đặc biệt khó khăn. Chính sách này đã góp phần giúp người dân giảm bớt khó khăn về đời sống, nhất là những xã ở vùng cao, vùng sâu.

Bảng 1. Kết quả miễn, giảm thuế SDĐNN trong giai đoạn 2003-2010

Chỉ tiêu	Tổng diện tích đất nông nghiệp chịu thuế (ha)	Tổng diện tích đất nông nghiệp được miễn giảm (ha)	Tổng số đối tượng nộp thuế (NNT)	Số đối tượng được miễn (NNT)	Số thuế được miễn (tỷ đồng)	Tổng số thuế còn lại phải nộp (tỷ đồng)
2003	6.103.681	5.782.556	10.726.969	10.479.748	2.337	114
2004	6.502.736	6.178.928	11.090.099	10.813.439	2.564	116
2005	6.441.686	6.067.272	10.658.117	10.989.438	2.727	122
2006	6.481.581	6.108.266	11.267.288	10.729.568	2.951	158
2007	6.392.026	6.034.786	11.094.551	10.814.533	3.225	155
2008	6.574.931	5.874.675	11.430.503	10.585.080	3.760	165
2009	6.639.220	6.029.547	11.576.987	11.321.243	4.084	183
2010	6.571.777	6.316.863	11.534.848	11.227.071	4.500	196
Trung bình	6.463.455	6.049.112	11.172.420	10.870.015	3.269	151

(Nguồn: Tổng hợp trên cơ sở số liệu do địa phương cung cấp)

Theo Bảng 1 thì trong giai đoạn 2003-2010 tổng số đối tượng được miễn, giảm thuế SDĐNN trung bình là khoảng 10.870.015 NNT/năm, chiếm 97,3%

tổng số đối tượng nộp thuế (11.172.420 NNT). Tổng diện tích đất nông nghiệp được miễn, giảm thuế SDĐNN trung bình là 6.049.112 ha, chiếm 93,6% tổng diện tích đất nông nghiệp chịu thuế (6.463.455 ha). Tổng số thuế SDĐNN được miễn trung bình là khoảng 3.269 tỷ đồng/năm. Tổng số thu thuế SDĐNN còn lại là khoảng 151 tỷ đồng/năm.

- Giai đoạn từ 2011-2016 (theo Nghị quyết số 55/2010/QH12): So với Nghị quyết số 15/2003/QH11, Nghị quyết số 55/2010/QH12 đã mở rộng đối tượng miễn, giảm thuế SDĐNN. Theo đó, miễn thuế SDĐNN với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp phục vụ nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm; diện tích đất trồng cây hàng năm có ít nhất một vụ lúa trong năm; diện tích đất làm muối. Chính sách này bên cạnh những mục tiêu khuyến khích phát triển nông nghiệp như giai đoạn trước, đã góp phần thúc đẩy hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ hiện đại vào sản xuất nông nghiệp; tạo điều kiện cho người dân trồng lúa và làm muối; từ đó đảm bảo nguồn cung đối với hai sản phẩm nông nghiệp này. Về cơ bản, Nghị quyết số 55/2010/QH12 mang lại những kết quả như sau:

Bảng 2. Kết quả miễn, giảm thuế SDĐNN trong giai đoạn 2011-2016

Chi tiêu	Tổng diện tích đất nông nghiệp chịu thuế (ha)	Tổng diện tích đất nông nghiệp được miễn giảm (ha)	Tổng số đối tượng nộp thuế (NNT)	Số đối tượng được miễn (NNT)	Số thuế được miễn (tỷ đồng)	Tổng số thuế còn lại phải nộp (tỷ đồng)
2011	7.035.326	6.885.672	11.980.720	11.831.876	5.499	273
2012	7.541.366	7.396.428	12.151.362	12.045.228	6.031	284
2013	7.051.549	6.893.781	12.229.977	12.123.804	6.260	295
2014	7.194.863	7.051.294	12.023.132	11.901.019	6.581	317
2015	7.237.964	7.115.106	12.348.064	12.257.403	6.610	313
2016	7.240.557	7.119.082	12.342.703	12.255.094	6.869	330
Trung bình	7.216.937,5	7.076.893,8	12.179.326	12.069.071	6.308,3	302

(Nguồn: Tổng hợp trên cơ sở số liệu do địa phương cung cấp)

Theo Bảng 2 thì trong giai đoạn 2011-2016 tổng số đối tượng được miễn, giảm thuế SDĐNN trung bình là khoảng 12.069.071 NNT/năm, chiếm 99% tổng số đối tượng nộp thuế (12.179.326 NNT). Tổng diện tích đất nông nghiệp được miễn, giảm thuế SDĐNN trung bình là 7.076.894 ha, chiếm 98,1% tổng diện tích đất nông nghiệp chịu thuế (7.216.938 ha). Tổng số thuế SDĐNN được miễn trung bình là khoảng 6.308,3 tỷ đồng/năm. Tổng số thu thuế SDĐNN còn lại là khoảng 302 tỷ đồng/năm.

- Giai đoạn từ 2017-2018 (theo Nghị quyết số 55/2010/QH12 và Nghị quyết số 28/2016/QH14): Nghị quyết số 28/2016/QH14 đã mở rộng diện được miễn thuế SDĐNN đến hết năm 2020 cho các đối tượng còn lại đang phải nộp thuế SDĐNN.

Theo số liệu sơ bộ do các địa phương cung cấp, trong giai đoạn 2017-2018, tổng diện tích đất nông nghiệp chịu thuế bình quân là 8.115.943 ha/năm; tổng số đối tượng chịu thuế bình quân là 12.091.840 NNT/năm; tổng số thuế miễn, giảm bình quân là 7.438,5 tỷ đồng/năm.

b) Góp phần khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; mở rộng quy mô và nâng cao hiệu quả sử dụng đất trong sản xuất nông nghiệp; góp phần cải thiện cuộc sống người nông dân

Trong những năm gần đây, tốc độ tăng trưởng của nông - lâm - ngư nghiệp có xu hướng chậm lại, nông nghiệp vẫn chủ yếu phát triển theo chiều rộng, chưa bền vững, thu nhập và đời sống dân cư nông thôn nhìn chung còn thấp⁵. Tiếp tục chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông thôn, việc bổ sung nội dung miễn thuế SDĐNN góp phần hỗ trợ sản xuất nông nghiệp và nâng cao mức sống cho người nông dân.

Miễn thuế SDĐNN là hình thức hỗ trợ trực tiếp tới người nông dân. Do đó, số thuế SDĐNN được miễn sẽ là nguồn đầu tư tài chính quan trọng trực tiếp cho khu vực nông nghiệp, nông thôn để đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, qua đó giúp người nông dân cải thiện cuộc sống, giảm bớt khó khăn, gắn bó với hoạt động sản xuất nông nghiệp.

c) Góp phần thúc đẩy quá trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp; phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững trong quá trình hội nhập

Trong những năm qua, Việt Nam đã và đang thực hiện các Hiệp định thương mại tự do như Hiệp định thương mại hàng hóa trong ASEAN, Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN - Trung Quốc,... Ngoài ra, Việt Nam cũng vừa kết thúc đàm phán Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương và Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU. Các Hiệp định thương mại tự do sẽ tạo thuận lợi cho xuất khẩu một số hàng hóa có thế mạnh của Việt Nam, trong đó có các mặt hàng nông sản. Tuy nhiên, hàng nông sản của các nước đối tác cũng được hưởng những thuận lợi tương tự khi vào thị trường Việt Nam, do đó sức ép cạnh tranh ngay tại thị trường trong nước cũng rất lớn đối với hàng nông sản của Việt Nam. Điều này đòi hỏi nông nghiệp Việt Nam phải được phát triển toàn diện, theo hướng bền vững, sản xuất hàng hóa lớn có năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh.

Vì vậy, với việc triển khai có hiệu quả chính sách ưu đãi khác, cùng với thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu giảm nghèo... thì việc mở rộng diện miễn thuế SDĐNN sẽ tạo

⁵ Báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (Khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và Kết luận số 97/KL/TW ngày 09/5/2014 của Bộ Chính trị.

thành một hệ thống cơ chế khuyến khích đầu tư nông nghiệp, nông thôn đồng bộ; thu hút vốn đầu tư quốc tế, huy động các nguồn lực đầu tư ở trong nước vào phát triển sản xuất nông nghiệp; góp phần thực hiện chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, bền vững; phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với hình thành và phát triển các mô hình sản xuất hàng hóa quy mô lớn, hiệu quả cao như kinh tế trang trại, cánh đồng mẫu lớn... nhằm tạo ra sản phẩm có năng suất, chất lượng cao và sức cạnh tranh trên thị trường.

d) Khuyến khích tập trung và tích tụ đất nông nghiệp

Diện tích đất canh tác nông nghiệp ở Việt Nam vào loại thấp nhất thế giới, chỉ chiếm tỷ lệ khoảng 0,12%. Đất canh tác ở các vùng nông thôn Việt Nam ngày càng bị thu hẹp lại do quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa, phát triển kinh tế, bình quân mỗi năm, đất nông nghiệp giảm gần 100.000 ha⁶. Sản xuất nông nghiệp còn manh mún, đất đai phục vụ sản xuất trên diện rộng không nhiều, gây trở ngại lớn cho việc phát triển sản xuất trên quy mô lớn và áp dụng kỹ thuật tiên tiến.

Luật Đất đai năm 2013 đã mở rộng hạn mức giao đất và hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất⁷ cho phù hợp với điều kiện thực tế của từng vùng, để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tích tụ, tập trung đất hình thành sản xuất hàng hóa lớn trong nông nghiệp. Cùng với các chính sách ưu đãi phát triển nông nghiệp, chính sách miễn, giảm thuế SDĐNN là một trong những chính sách tài chính quan trọng, giúp người nông dân yên tâm đầu tư vốn, góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tích tụ, tập trung đất đai, hình thành những vùng sản xuất hàng hóa lớn trong nông nghiệp, giải phóng sức lao động.

Ngoài ra, mở rộng quy định về miễn thuế SDĐNN góp phần thực hiện chính sách của Nhà nước về việc khuyến khích hình thức phát triển kinh tế trang trại của hộ gia đình, cá nhân nhằm khai thác hiệu quả đất đai để phát triển sản xuất nông nghiệp⁸. Nhà nước khuyến khích phát triển và bảo hộ kinh tế trang trại là một trong những chính sách lâu dài của Nhà nước đối với kinh tế trang trại⁹. Thực tế cho thấy, kinh tế trang trại với quy mô sản xuất vượt trội, sản xuất hàng hóa quy mô lớn, mức độ tập trung hóa và chuyên môn hóa cao, sử dụng lao động hiệu quả, có khả năng tiếp nhận và áp dụng các công nghệ mới vào sản xuất.

e) Góp phần tăng cường quản lý nhà nước đối với việc SDĐNN

Theo quy định thì người nộp thuế SDĐNN nộp hồ sơ khai thuế cho Chi cục Thuế nơi có đất chịu thuế SDĐNN; trường hợp trong năm có phát sinh tăng, giảm diện tích chịu thuế SDĐNN thì người nộp thuế phải nộp hồ sơ khai thuế chậm nhất là mười ngày kể từ ngày phát sinh tăng, giảm diện tích đất; trường hợp được miễn thuế SDĐNN thì người nộp thuế vẫn phải nộp hồ sơ khai thuế

⁶ Theo số liệu thống kê của Cục Quản lý đất (Bộ Tài nguyên và Môi trường).

⁷ Điều 129, Điều 130 Luật Đất đai năm 2013.

⁸ Điều 142 Luật Đất đai năm 2013.

⁹ Nghị quyết số 03/2000/NQ-CP ngày 02/02/2000 của Chính phủ về kinh tế trang trại.

SDĐNN cùng giấy tờ liên quan đến việc xác định miễn thuế của năm đầu tiên của thời hạn miễn thuế.

Thông qua việc kê khai để xác định số thuế SDĐNN được miễn, chính quyền các cấp đã nắm bắt được hiện trạng đất đai, góp phần kiểm soát được quỹ đất hiện có, tạo điều kiện thực hiện quản lý nhà nước về đất đai, hạn chế tình trạng giảm diện tích đất nông nghiệp.

f) Phù hợp thông lệ quốc tế

Qua nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế cho thấy, hầu hết các nước đều có xu hướng áp dụng chính sách ưu đãi thuế đối với đất sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp dưới các hình thức như: áp dụng mức thuế suất thấp hơn; miễn một phần hoặc toàn bộ số tiền thuế phải nộp; hoặc không đưa đất sử dụng để sản xuất nông nghiệp vào diện chịu thuế. Như vậy, việc mở rộng diện được miễn thuế SDĐNN là phù hợp với thông lệ quốc tế trong việc tập trung nhiều nguồn lực cũng như các chính sách ưu đãi, trong đó có chính sách thuế nhằm khuyến khích phát triển nền sản xuất nông nghiệp.

2.2. Những khó khăn, vướng mắc

Luật Thuế SDĐNN có hiệu lực thi hành hơn 30 năm, đến nay đã có những quy định không còn phù hợp với tình hình phát triển KT-XH Việt Nam, như cách xác định thuế lạc hậu, giá trị thu được thấp (thuế SDĐNN được tính bằng thóc, thu bằng tiền), và phần lớn nội dung hiện đã không còn được áp dụng trên thực tế do thi hành chính sách miễn thuế SDĐNN cho toàn bộ diện tích đất nông nghiệp đến hết ngày 31/12/2025, trừ diện tích đất nông nghiệp mà Nhà nước giao cho tổ chức quản lý nhưng không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp.

Việc miễn, giảm thuế SDĐNN trong thời gian qua đã làm giảm thu NSNN, cụ thể: Tổng số thuế miễn, giảm giai đoạn 2003 - 2010 trung bình khoảng 3.263 tỷ đồng/năm; giai đoạn 2011 - 2016 trung bình khoảng 6.308,3 tỷ đồng/năm; giai đoạn 2016 - 2018 và đến hết năm 2020 khoảng 9.770 tỷ đồng/năm. Bên cạnh đó, do thực hiện chính sách ưu đãi thuế SDĐNN nên số thu NSNN từ thuế SDĐNN chỉ chiếm một phần nhỏ, không đáng kể trong tổng thu NSNN. Số thu thuế SDĐNN chỉ còn 10 tỷ đồng (năm 2023), chiếm trung bình khoảng 0,00057% tổng thu NSNN. Trong khi đó, thuế SDĐNN là nguồn thu địa phương được hưởng 100% nhưng chỉ mang tính chất bù đắp một phần nhỏ để hỗ trợ chính quyền thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với đất nông nghiệp. Thực tế, để thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với đất nông nghiệp, các địa phương vẫn phải theo dõi chi tiết đến từng thửa ruộng, hạng đất và việc lập sổ theo dõi hàng năm tốn nhiều thời gian, công sức, chi phí lớn.

Đồng thời, chính sách ưu đãi thuế SDĐNN đã được triển khai thực hiện bắt đầu từ năm 2001 và chính sách sẽ hết hiệu lực vào ngày 31/12/2025. Do đó, cần có đánh giá cụ thể và cần thiết Luật hóa các quy định miễn thuế, tạo sự minh bạch, đồng bộ và nâng cao cơ sở pháp lý trong quá trình triển khai thực hiện.

Qua đánh giá thì việc đánh thuế đối với đất nông nghiệp trong thời gian tới là rất khó khăn, chưa phù hợp với chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông thôn và không phù hợp với thông lệ quốc tế¹⁰. Đặc biệt, việc tiếp tục đánh thuế đối với đất nông nghiệp sẽ gây ảnh hưởng, tác động trực tiếp tới người dân, chủ yếu là chủ sở hữu đất nông nghiệp.

III. CHÍNH SÁCH THUẾ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CHUYỂN NHƯỢNG BĐS

Hệ thống thuế thu nhập đối với hoạt động chuyển nhượng quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản bao gồm thuế TNDN (người chuyển quyền là cơ sở kinh doanh), thuế TNCN (người chuyển quyền là hộ gia đình, cá nhân) và thuế GTGT đối với hoạt động chuyển nhượng BĐS.

Trong thời gian qua, việc sửa đổi, bổ sung các quy định về thuế thu nhập nhằm hoàn thiện hành lang pháp lý trong quản lý, sử dụng đất đai đã góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, ổn định thị trường BĐS, tăng thu NSNN. Trong đó, chính sách thuế TNDN đối với hoạt động chuyển nhượng BĐS có sự đổi mới đáng kể, bởi quy định trong chính sách thuế TNDN đối với hoạt động chuyển nhượng BĐS luôn là vấn đề phức tạp có tác động không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và sự phát triển thị trường BĐS.

1. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng BĐS đang được thực hiện theo quy định tại Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 32/2013/QH13 và Luật số 71/2014/QH13) và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Trong thời gian qua việc sửa đổi, bổ sung và đưa ra nhiều quy định mới nhằm hoàn thiện hành lang pháp lý trong quản lý, sử dụng đất đai đã góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, ổn định thị trường BĐS, tăng thu NSNN. Trong đó, chính sách thuế TNDN đối với hoạt động chuyển nhượng BĐS có sự đổi mới đáng kể, bởi quy định trong chính sách thuế TNDN đối với BĐS luôn là vấn đề phức tạp có tác động không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và sự phát triển thị trường BĐS.

Kể từ ngày 01/01/2014, Luật Thuế TNDN số 32/2013/QH13 đã cho phép doanh nghiệp được bù trừ lỗ từ hoạt động chuyển nhượng BĐS với lãi từ hoạt động sản xuất kinh doanh. Trường hợp hoạt động chuyển nhượng BĐS có lãi thì doanh nghiệp phải kê khai nộp thuế riêng (không được bù trừ với lỗ từ hoạt động sản xuất kinh doanh) và không được áp dụng ưu đãi thuế TNDN.

¹⁰ Hầu hết các nước đều có xu hướng áp dụng chính sách ưu đãi thuế đối với đất sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp dưới các hình thức như áp dụng mức thuế suất thấp hơn, miễn một phần hoặc miễn toàn bộ số thuế phải nộp hoặc không đưa đất nông nghiệp vào diện chịu thuế BĐS. Một số quốc gia đưa đất nông nghiệp vào đối tượng miễn thuế (Bungari, Anh, Estonia, Armenia,...), một số quốc gia không đánh thuế tài sản đối với đất nông nghiệp hoặc đưa vào đối tượng không chịu thuế như: Indonesia, Đài Loan (Trung Quốc), Thái Lan và hầu hết các quốc gia Châu Phi...

Từ ngày 01/01/2016, thu nhập từ chuyển nhượng BĐS áp dụng thuế suất phổ thông là 20%. Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng BĐS phải xác định riêng để kê khai nộp thuế, nếu lỗ thì số lỗ này được bù trừ với lãi của hoạt động sản xuất, kinh doanh trong kỳ tính thuế. Ngoài ra, Luật Thuế TNDN và các văn bản hướng dẫn thi hành không quy định ưu đãi đối với thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng BĐS (trừ thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư kinh doanh nhà ở xã hội).

Thuế TNDN là loại thuế trực thu, đánh vào lợi nhuận của chủ đầu tư dự án, theo đó số thuế cao hay thấp tùy thuộc vào hiệu quả kinh doanh của từng dự án BĐS. Về mặt lý thuyết thì chủ đầu tư phải trả loại thuế này. Tuy nhiên, nhiều nghiên cứu cho thấy các chủ đầu tư có thể tính trước phần thực lãi sau thuế được hưởng và tính vào cơ cấu giá bán BĐS.

Trước năm 2004, tổ chức, cá nhân có hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực hiện kê khai, nộp thuế chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Thuế chuyển quyền sử dụng đất. Từ ngày 01/01/2004, tổ chức có thu nhập từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền thuê đất (BDS) thực hiện kê khai, nộp thuế TNDN đối với thu nhập từ chuyển nhượng BĐS nhưng phải kê khai, nộp thuế riêng (trong vòng 10 ngày, kể từ ngày phát sinh nghĩa vụ thuế), không được bù trừ với thu nhập từ sản xuất kinh doanh; đặc biệt trong giai đoạn 2004 - 2008, thu nhập từ chuyển nhượng BĐS còn áp dụng theo biểu thuế lũy tiến từng phần. Quy định này trong giai đoạn đó là phù hợp với thực tế, bởi vì khi đó lĩnh vực BĐS đang phát triển, lợi nhuận thu được từ BĐS thường là lợi nhuận siêu ngạch nên việc quy định thu nhập từ chuyển nhượng BĐS phải kê khai, nộp thuế riêng và áp dụng biểu thuế lũy tiến từng phần nhằm động viên kịp thời số thu thuế vào NSNN và hạn chế việc đầu cơ BĐS (mua đi bán lại).

Trong giai đoạn thị trường BĐS trầm lắng, thậm chí rơi vào tình trạng đóng băng như các năm 2011, 2012, hoạt động đầu tư vào lĩnh vực BĐS không còn được hưởng lợi nhuận mà thậm chí còn bị lỗ, do đó tại Luật Thuế TNDN (sửa đổi) số 32/2013/QH13 (áp dụng từ ngày 01/01/2014) đã cho phép doanh nghiệp được bù trừ lỗ từ hoạt động chuyển nhượng BĐS với lãi từ hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng chưa quy định trường hợp ngược lại (bù trừ một chiều), theo đó, trường hợp doanh nghiệp có lãi từ hoạt động chuyển nhượng BĐS vẫn phải kê khai, nộp thuế riêng, không được bù trừ với lỗ từ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Mặc dù, đã có những tháo gỡ khó khăn nhất định nêu trên, tuy nhiên, với sự phát triển kinh tế hiện nay, doanh nghiệp có xu hướng kinh doanh đa ngành, đa lĩnh vực, bên cạnh đó hành lang pháp lý đã chặt chẽ, đồng thời với yêu cầu đặt ra về cải cách thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp thì quy định doanh nghiệp phải kê khai, nộp thuế riêng đối với lãi từ chuyển nhượng BĐS đã phát sinh bất cập. Theo quy định hiện hành trường hợp doanh nghiệp có lãi từ hoạt động chuyển nhượng BĐS phải kê khai, nộp thuế riêng, không được bù trừ với lỗ từ hoạt động sản xuất kinh doanh đang bộc lộ một số hạn chế, bất cập cần được điều chỉnh cho phù hợp. Cụ thể là: (i) không công bằng giữa doanh

ngành thuộc các lĩnh vực khác với doanh nghiệp kinh doanh BĐS, đặc biệt đối với doanh nghiệp kinh doanh tổng hợp đa ngành nghề, gây bất cập và thiếu chủ động tài chính cho doanh nghiệp; (ii) tăng tính phức tạp trong thực hiện chính sách thu thuế đối với kinh doanh BĐS so với các lĩnh vực khác; (iii) chưa đảm bảo tính đồng bộ pháp luật và thông lệ quốc tế. Từ đó, có ý kiến cho rằng chính sách thuế chưa thực sự góp phần thúc đẩy thị trường BĐS phát triển. Do đó, cần đề xuất sửa đổi nội dung này cho phù hợp với thực tiễn, xu hướng phát triển cũng như thông lệ quốc tế, đơn giản hóa việc nộp thuế cho các doanh nghiệp.

Kinh nghiệm của các nước cho thấy, bên cạnh một số ít quốc gia (như Myanmar, Ba Lan, Nam Phi, Úc...) quy định không cho bù trừ lỗ, lãi giữa hoạt động kinh doanh chính với hoạt động chuyển nhượng BĐS thì nhiều quốc gia (như: Hàn Quốc, Nhật Bản, Campuchia, Thái Lan, Philippin,...) quy định cho bù trừ lỗ, lãi giữa các hoạt động này.

Theo đó, để phù hợp với thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và thông lệ quốc tế, cần nghiên cứu sửa đổi vướng mắc nêu trên cho phù hợp.

2. Thuế thu nhập cá nhân

Thuế TNCN từ hoạt động chuyển nhượng BĐS đang được thực hiện theo Luật Thuế TNCN số 04/2007/QH12, đã được sửa đổi bổ sung theo quy định tại Luật số 26/2012/QH13 và Luật số 71/2014/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Theo Luật Thuế TNCN và các văn bản hướng dẫn thì *thu nhập từ chuyển nhượng BĐS, bao gồm: thu nhập từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, kể cả công trình xây dựng hình thành trong tương lai; thu nhập từ chuyển nhượng quyền sở hữu hoặc sử dụng nhà ở, kể cả nhà ở hình thành trong tương lai; thu nhập từ chuyển nhượng quyền thuê đất, quyền thuê mặt nước; và các khoản thu nhập khác nhận được từ chuyển nhượng BĐS dưới mọi hình thức*. Thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng BĐS được xác định là giá chuyển nhượng từng lần. Giá chuyển nhượng BĐS là giá ghi trên hợp đồng chuyển nhượng tại thời điểm chuyển nhượng. Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng BĐS là 2% trên giá chuyển nhượng.

Thuế thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng BĐS có số thu bình quân khoảng 12.407 tỷ đồng mỗi năm, chiếm trung bình khoảng 1,75% tổng thu NSNN.

Quy định hiện hành về thuế TNCN đối với hoạt động chuyển nhượng BĐS được đánh giá là phù hợp và chưa có vướng mắc trong quá trình thực hiện.

3. Thuế giá trị gia tăng

Thuế GTGT là loại thuế gián thu, do người tiêu dùng chịu, do vậy, nhà đầu tư dự án BĐS sẽ tính đủ vào giá bán để thu của người mua. Theo quy định Luật Thuế GTGT hiện hành thì khi áp thuế GTGT sẽ trừ ra không tính thuế đối với

phần tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp NSNN được cấu thành trong giá bán BĐS. Trong các giao dịch mua, bán BĐS, các chủ dự án BĐS (nhất là nhà ở) áp dụng phương pháp bán hàng thu tiền theo tiến độ thì mỗi lần thu tiền, bên bán có nghĩa vụ xuất hóa đơn GTGT và thực hiện kê khai thuế định kỳ theo quy định.

Luật Thuế GTGT hiện hành quy định: “*Chuyển quyền sử dụng đất*” thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT (khoản 6 Điều 5); Giá tính thuế GTGT “*Đối với hoạt động kinh doanh BĐS là giá bán BĐS chưa có thuế GTGT, trừ giá chuyển quyền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất phải nộp NSNN*” (điểm h khoản 1 Điều 7).

Trên thực tế, có các hình thức chuyển nhượng BĐS liên quan đến quyền sử dụng đất như sau: (i) Trường hợp được Nhà nước giao đất; (ii) Trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất; (iii) Trường hợp thuê đất; (iv) Trường hợp cơ sở kinh doanh nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các tổ chức, cá nhân; (v) Trường hợp cơ sở kinh doanh nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất.

Theo pháp luật về quản lý đất đai (khoản 2 Điều 15 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, khoản 2 Điều 13 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước) có quy định cụ thể đối với trường hợp cơ sở kinh doanh ứng trước tiền để bồi thường, giải phóng mặt bằng và được trừ vào số tiền sử dụng đất, số tiền thuê đất phải nộp NSNN thì tổng số tiền được trừ không vượt quá số tiền sử dụng đất phải nộp NSNN, số tiền thuê đất phải nộp NSNN. Theo đó, để đảm bảo thống nhất với pháp luật chuyên ngành, tại Nghị định của Chính phủ hướng dẫn Luật Thuế GTGT (khoản 1 Điều 1 Nghị định số 49/2022/NĐ-CP ngày 29/7/2022 của Chính phủ) đã có quy định cụ thể về giá đất được trừ để tính thuế GTGT đối với hoạt động chuyển nhượng BĐS theo các hình thức chuyển nhượng phát sinh trong thực tế như nêu trên.

Theo đó, để đảm bảo tính ổn định của chính sách và thống nhất trong thực hiện, cần thiết sửa đổi Luật Thuế GTGT theo hướng giao Chính phủ quy định việc xác định giá đất được trừ khi xác định giá tính thuế đối với hoạt động kinh doanh BĐS.

IV. LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ

Chính sách thu LPTB thực hiện theo quy định pháp luật của Luật Phí và lệ phí; Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15/01/2022 của Chính phủ quy định về LPTB, và các Thông tư hướng dẫn thi hành của Bộ Tài chính. LPTB là khoản thu khi đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các tài sản là nhà, đất, súng săn, súng thể thao, tàu thuyền, tàu bay, ô tô, xe máy..., trừ các trường hợp được miễn LPTB theo quy định. Đối tượng nộp LPTB là tổ chức, cá nhân khi đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản chịu LPTB với cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Mức thu LPTB được xác định theo tỷ lệ % trên giá trị tài sản. Giá tính LPTB đối với đất là giá đất tại Bảng giá đất do UBND cấp tỉnh ban hành theo quy định của pháp luật về đất đai; giá tính LPTB đối với nhà là giá do UBND cấp tỉnh ban hành theo pháp luật

về xây dựng; giá tính LPTB đối với tài sản khác là giá chuyển nhượng thực tế trên thị trường. Thông qua việc kê khai LPTB đã góp phần tăng cường quản lý nhà nước đối với việc sử dụng các loại tài sản.

1. Kết quả đạt được

a) Khắc phục những nhược điểm của chính sách thu LPTB hiện hành

- Căn cứ tính LPTB đối với nhà, đất được xác định phù hợp với pháp luật có liên quan (pháp luật về đất đai, pháp luật về xây dựng, pháp luật về nhà ở) góp phần tạo thuận lợi cho việc triển khai thực hiện khai, nộp LPTB.

- Giá tính LPTB đối với nhà, đất đã quy định bao quát các trường hợp đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng nhà, đất trên thực tế: giá tính LPTB đối với đất là giá đất tại Bảng giá đất do UBND cấp tỉnh quy định; giá tính LPTB đối với nhà là giá do UBND cấp tỉnh quy định. Đồng thời, Nghị định cũng quy định cụ thể các trường hợp đặc biệt như giá tính LPTB đối với nhà thuộc sở hữu nhà nước bán cho người đang thuê, giá thuế LPTB đối với nhà, đất mua theo phương thức đấu giá, đấu thầu và giá tính LPTB đối với nhà nhiều tầng, nhiều hộ ở, nhà chung cư.

- Ghi nợ LPTB

Chính sách LPTB hiện hành về ghi nợ LPTB là phù hợp với quy định về ghi nợ tiền sử dụng đất theo pháp luật về đất đai, góp phần đảm bảo tính pháp lý cho việc thực hiện ghi nợ LPTB, tránh việc phải sửa đổi, bổ sung hoặc hướng dẫn bổ sung khi các văn bản về thu tiền sử dụng đất bị thay thế hoặc bãi bỏ; đồng thời phù hợp với quy định về thời điểm áp dụng giá tính LPTB đối với đất theo chính sách LPTB. Qua đó, tiếp tục thực hiện hỗ trợ đối với các đối tượng khó khăn về tài chính mà có nguyện vọng ghi nợ LPTB, góp phần giải quyết khó khăn cho người dân, đẩy nhanh tiến độ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tạo thuận lợi cho công tác quản lý đất đai.

Ngoài ra, các quy định về thủ tục ghi nợ LPTB góp phần minh bạch hóa chính sách, phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, tạo thuận lợi cho hộ gia đình, cá nhân khi thực hiện ghi nợ LPTB.

- Miễn LPTB

Chính sách LPTB hiện hành quy định 31 trường hợp miễn LPTB, trong đó chủ yếu là miễn LPTB liên quan đến nhà, đất. Các trường hợp miễn LPTB hiện hành đảm bảo tính đồng bộ với quy định của pháp luật khác có liên quan (Luật Đất đai, Luật Doanh nghiệp, Luật Nhà ở, Luật Giao thông đường thủy nội địa, Bộ luật Dân sự, Luật Hôn nhân và gia đình...), đảm bảo công bằng và phù hợp với thực tế phát sinh.

- Kê khai, nộp và quản lý LPTB

Chính sách LPTB hiện hành quy định về chế độ khai, nộp và quản lý LPTB phù hợp quy định của Luật Quản lý thuế.

b) Tăng cường quản lý nhà nước đối với việc sử dụng, sở hữu tài sản

LPTB là một khoản tiền mà người có tài sản phải nộp khi đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng với cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Thông qua việc kê khai LPTB, người có tài sản được công nhận quyền sử dụng, quyền sở hữu hợp pháp đối với tài sản theo quy định của pháp luật. Đồng thời, các dữ liệu về chủ sở hữu, chủ sử dụng tài sản, về đặc điểm, giá trị tài sản trong quá trình kê khai được quản lý và cập nhật kịp thời, đóng góp kho dữ liệu quan trọng cho cơ quan thuế và cơ quan quản lý nhà nước liên quan trong quá trình thực hiện chức năng quản lý nhà nước và quản lý xã hội.

c) Góp phần ổn định nguồn thu cho ngân sách

Theo quy định tại Luật NSNN thì LPTB là khoản thu NSĐP hưởng 100%. Số thu LPTB giai đoạn 2016-2021 bình quân đạt khoảng 32.805 tỷ đồng/năm, chiếm khoảng 0,58% GDP; 2,32% tổng thu NSNN; 2,81% tổng thu nội địa và 4,60% tổng thu NSĐP. Số thu LPTB cũng tăng đều qua các năm với tốc độ tăng trung bình mỗi năm khoảng 16% so với năm liền kề. Nếu số thu LPTB năm 2016 chỉ đạt 27.304 tỷ đồng (trong đó số thu LPTB đối với nhà, đất là 3.095 tỷ đồng) thì đến năm 2019 số thu LPTB tăng lên 40.194 tỷ đồng (trong đó LPTB đối với nhà, đất là 5.838 tỷ đồng), tăng 47% so với năm 2016. Riêng năm 2020, số thu LPTB giảm 28% so với năm 2019, chỉ đạt 31.295 tỷ đồng (trong đó số thu LPTB đối với ô tô là 24.679 tỷ đồng, đối với nhà, đất là 6.403 tỷ đồng). Nguyên nhân số thu năm 2020 giảm xuất phát từ những ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19, làm hạn chế nhu cầu tiêu dùng của người dân.

d) Góp phần thực hiện chính sách ưu đãi của Nhà nước

Chính sách thu LPTB đã góp phần thực hiện các chính sách hỗ trợ, khuyến khích của Nhà nước trong các lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; nghiên cứu khoa học công nghệ; giáo dục đào tạo; xóa đói giảm nghèo...; đồng thời, phù hợp với thực tế phát sinh và quy định của pháp luật có liên quan, chính sách LPTB hiện hành quy định 31 trường hợp miễn LPTB. Ngoài ra, việc cho phép ghi nợ LPTB đối với các đối tượng được ghi nợ tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai đã góp phần giải quyết khó khăn cho hộ gia đình, cá nhân; đặc biệt là các hộ gia đình nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

e) Đảm bảo sự minh bạch, rõ ràng và thống nhất trong quá trình thực hiện chính sách thu LPTB

Chính sách LPTB hiện hành quy định chi tiết các trường hợp không phải nộp LPTB, nguyên tắc xác định giá tính LPTB, các trường hợp được miễn LPTB, được ghi nợ LPTB, chế độ khai, thu, nộp LPTB, đảm bảo phù hợp với quy định mới tại các văn bản pháp luật có liên quan (Luật Phí và lệ phí, Luật Đất đai, Bộ luật Dân sự, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật...) và thực tế phát sinh tại các địa phương. Chính sách về LPTB rõ ràng, minh bạch tạo cơ sở để người nộp thuế, cơ quan thu thuế thực hiện tốt chính sách; hạn chế thắc mắc, khiếu nại của người nộp LPTB; thuận tiện cho cơ quan thuế trong việc quản lý thu thuế; giảm chi phí hành chính.

2. Những khó khăn

Nghị định số 10/2022/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 01/03/2022, theo đó qua tổng kết đánh giá hiện chưa có phát sinh vướng mắc, bất cập trong quá trình triển khai thực hiện.

V. CHÍNH SÁCH PHÍ TRONG SỬ DỤNG ĐẤT

Theo Danh mục phí và lệ phí quy định tại Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội, các khoản phí, lệ phí liên quan đến lĩnh vực đất đai bao, bao gồm:

(i) *Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*: Đây là khoản thu đối với công việc thẩm định hồ sơ, các điều kiện cần và đủ đảm bảo việc thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

(ii) *Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai*: Đây là khoản thu đối với người có nhu cầu khai thác và sử dụng tài liệu về đất đai của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý hồ sơ, tài liệu về đất đai nhằm bù đắp chi phí quản lý, phục vụ việc khai thác, sử dụng tài liệu đất đai và bù đắp chi phí cho hoạt động thu phí.

(iii) *Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất*: Đây là khoản thu mà tổ chức, hộ gia đình, cá nhân phải nộp khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất.

Theo quy định Luật Phí và lệ phí thì 03 khoản phí, lệ phí này thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Tại Điều 4 Luật Phí và lệ phí quy định: cơ quan có thẩm quyền quy định các khoản phí, lệ phí trong Danh mục phí, lệ phí, được quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí.

Đánh giá thực hiện các khoản phí này cho thấy, nguồn thu từ phí đã góp phần đảm bảo nhiệm vụ chi cho công tác tổ chức thu phí. Việc xác định mức phí đảm bảo tuân thủ nguyên tắc cơ bản bù đắp chi phí, có tính đến chính sách phát triển KT-XH của Nhà nước trong từng thời kỳ, đảm bảo công bằng. Số tiền phí, lệ phí nộp NSNN đã được bố trí trong cân đối NSDP ngày càng tăng, năm sau cao hơn năm trước và đã thực hiện chi có hiệu quả, góp phần vào phát triển KT-XH của địa phương.

VI. ĐỀ XUẤT

1. Đánh giá chung về tình hình thực hiện chính sách thuế liên quan đến BĐS

Trong giai đoạn vừa qua, cùng với quá trình cải cách hệ thống chính sách thuế nói chung, chính sách thuế liên quan BĐS ở Việt Nam cũng liên tục được sửa đổi, bổ sung để đáp ứng các yêu cầu và bối cảnh phát triển của đất nước

trong từng thời kỳ. Trong hệ thống chính sách thu ngân sách hiện có 3 nhóm các khoản thu khác nhau liên quan đến BĐS bao gồm: (i) Chính sách thu liên quan đến việc xác lập quyền sở hữu, quyền sử dụng BĐS (LPTB đối với nhà và đất); (ii) Các chính sách thu liên quan đến quá trình sử dụng, khai thác BĐS (thuế SDĐNN, thuế SDĐPNN); (iii) Các chính sách thu liên quan đến chuyển nhượng BĐS, bao gồm: thuế TNCN, thuế TNDN, thuế GTGT... Việc thực hiện các chính sách này trong thời gian qua đã góp phần tăng cường quản lý nhà nước đối với đất đai, góp phần khuyến khích tổ chức, cá nhân sử dụng đất tiết kiệm, có hiệu quả, tạo nguồn thu nhập ổn định cho NSNN.

Qua tổng kết chính sách thuế liên quan đến BĐS ở Việt Nam thời gian qua đã đạt một số kết quả đáng ghi nhận:

Thứ nhất, chính sách thuế liên quan đến BĐS đã từng bước được hoàn thiện, đóng góp tích cực cho phát triển kinh tế, góp phần giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an sinh xã hội; góp phần tăng cường quản lý, kiểm soát BĐS.

Thứ hai, việc hoàn thiện chính sách thuế đã cơ bản bao quát được hết các đối tượng và có tính đến cân đối khả năng điều tiết thu nhập của người sử dụng đất, góp phần đảm bảo công bằng xã hội. Việc điều tiết bằng chính sách thuế và các khoản nghĩa vụ tài chính khác đối với đất đai có tính đến khả năng sinh lợi của đất, mức độ đầu tư của Nhà nước vào đất, vị trí, khu vực của diện tích đất, mục tiêu sử dụng đất... phần nào đã tạo ra sự công bằng giữa các đối tượng sử dụng đất trong việc đóng góp phần thuế cho Nhà nước.

Thứ ba, chính sách thuế liên quan đến BĐS cũng đã góp phần khắc phục bước đầu tình trạng sử dụng đất manh mún, tạo tiền đề cho việc sử dụng đất có hiệu quả.

Thứ tư, chính sách thuế đối với đất đai ở Việt Nam đã góp phần huy động nguồn thu cho NSNN. Trong giai đoạn 2013-2020, các khoản thu từ thuế đối với người sử dụng đất có sự gia tăng đáng kể: Năm 2013 là 10.523 tỷ đồng thì đến năm 2020 đã tăng 3 lần, đạt 33.929 tỷ đồng, giai đoạn 2020-2023 đạt trung bình 46.586 tỷ đồng/năm. Việc gia tăng nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất đối với Nhà nước cũng đã góp phần thúc đẩy việc sử dụng đất có hiệu quả và hợp lý, tăng cường vai trò điều tiết của các khoản nghĩa vụ tài chính đất đai. Tuy số thu từ các loại thuế đánh vào đất và các khoản nghĩa vụ tài chính đất đai khác chiếm tỷ trọng không cao trong tổng thu NSNN, song đã tạo được nguồn thu thường xuyên, phục vụ tốt yêu cầu quản lý và điều tiết vĩ mô nền kinh tế, tăng thêm nguồn kinh phí giúp Nhà nước đầu tư vào lĩnh vực quản lý đất đai, từng bước thực hiện chính sách động viên công bằng giữa các tầng lớp dân cư.

Bên cạnh các kết quả đạt được, chính sách thuế liên quan BĐS vẫn còn một số hạn chế, bất cập. Cụ thể:

Một là, chính sách thuế sử dụng đất còn một số quy định chưa phù hợp với thực tiễn, dẫn đến chưa khuyến khích sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả và ngăn ngừa hiện tượng đầu cơ đất đai, ảnh hưởng đến quá trình thực thi chính sách thuế cũng như ảnh hưởng đến mục tiêu ban hành chính sách thuế. Nguồn

lực về đất đai chưa được khai thác và phát huy đầy đủ để trở thành nguồn nội lực quan trọng, phục vụ phát triển KT-XH của đất nước, ảnh hưởng đến nguồn thu NSNN và mục đích sử dụng đất hiệu quả. Số thu thuế SDĐPNN hàng năm chiếm tỷ trọng quá nhỏ trong tổng thu NSNN (khoảng 0,14%), chưa tương xứng với khả năng mang lại số thu của khu vực này.

Hai là, chính sách miễn thuế SDĐNN cho toàn bộ diện tích đất nông nghiệp hiện hành sẽ hết hiệu lực vào ngày 31/12/2025. Do đó, cần có đánh giá cụ thể và cần thiết Luật hóa các quy định miễn thuế để tạo sự minh bạch, đồng bộ và nâng cao cơ sở pháp lý trong quá trình triển khai thực hiện.

Ba là, về chính sách thuế GTGT, tại Nghị định của Chính phủ hướng dẫn Luật Thuế GTGT (khoản 1 Điều 1 Nghị định số 49/2022/NĐ-CP ngày 29/7/2022 của Chính phủ) đã có quy định cụ thể về giá đất được trừ để tính thuế GTGT đối với hoạt động chuyên nhượng BĐS theo các hình thức chuyên nhượng phát sinh trong thực tế (như Nhà nước giao đất; đấu giá quyền sử dụng đất; thuê đất; nhận chuyên nhượng quyền sử dụng đất của các tổ chức, cá nhân; nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất). Để đảm bảo tính ổn định của chính sách và thống nhất trong thực hiện, tại Luật cần thiết bổ sung rõ giao thẩm quyền cho Chính phủ quy định việc xác định giá đất được trừ khi xác định giá tính thuế đối với hoạt động kinh doanh BĐS tại Luật Thuế GTGT.

Bốn là, chính sách thuế TNDN hiện hành chưa quy định cho phép bù trừ hai chiều giữa thu nhập từ hoạt động chuyên nhượng BĐS với hoạt động kinh doanh khác. Quy định này là chưa phù hợp với thực tiễn hiện nay khi các doanh nghiệp có xu hướng hoạt động đa ngành, đa lĩnh vực.

2. Đề xuất hoàn thiện chính sách thuế liên quan đến BĐS trong thời gian tới

Qua đánh giá, hệ thống chính sách thuế liên quan BĐS của Việt Nam đã được ban hành tương đối đầy đủ, đồng bộ, bao quát quá trình hình thành, sử dụng, chuyên nhượng BĐS, đảm bảo cơ sở pháp lý để thực hiện quản lý nhà nước về tài chính đối với đất đai, tăng cường quản lý sử dụng đất, hạn chế việc sử dụng đất lãng phí, sai mục đích.

Các hạn chế, bất cập về các chính sách thuế TNDN, thuế GTGT hiện đang được nghiên cứu, hoàn thiện tại dự án Luật Thuế TNDN và dự án Luật Thuế GTGT theo Chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh của Quốc hội. Đối với các khoản thu thường xuyên trong quá trình sử dụng đất (thuế SDĐPNN và thuế SDĐNN) có tính chất và đặc điểm của thuế BĐS đang được áp dụng tại nhiều quốc gia trên thế giới. Số thu thuế hàng năm của 2 khoản thu này chỉ chiếm khoảng 0,03% GDP. Đây là mức đóng góp khá khiêm tốn so với vai trò của thuế BĐS ở các nền kinh tế trong khu vực có cùng mức độ phát triển và có khoảng cách xa so với các nền kinh tế trên thế giới¹¹. Theo đó, để thực hiện mục tiêu cải cách hệ thống chính sách thuế, góp phần xây dựng hệ thống thuế đồng bộ, phù

¹¹ Quy mô thu từ thuế BĐS so với GDP ở hầu hết các quốc gia trên thế giới khoảng 0,1%-3% GDP (riêng các quốc gia Châu Phi là dưới 0,5% GDP).

hợp với thông lệ quốc tế, bao quát nguồn thu, động viên sự đóng góp hợp lý của người có quyền sở hữu, quyền sử dụng BĐS vào NSNN, góp phần khuyến khích sử dụng BĐS hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả, tạo nguồn lực tài chính để phát triển KT-XH, có ý kiến cho rằng cần nghiên cứu xây dựng Luật Thuế BĐS áp dụng tại Việt Nam.

Tuy nhiên, trước mắt chưa nên xây dựng Luật Thuế BĐS vì các lý do sau:

Thứ nhất, bối cảnh kinh tế quốc tế trong và ngoài nước giai đoạn 2021-2025 và dự báo giai đoạn 2026-2030 được đánh giá là phức tạp, khó lường, cụ thể:

- Tình hình kinh tế thế giới có nhiều diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó lường và khả năng phục hồi kinh tế toàn cầu chưa rõ ràng, lạm phát vẫn ở mức cao, tăng trưởng toàn cầu có xu hướng thấp. Các rủi ro tiềm ẩn từ môi trường kinh tế thế giới còn hiện hữu và tiếp tục tác động tiêu cực lên triển vọng phục hồi tăng trưởng kinh tế của Việt Nam.

- Ở trong nước, nền kinh tế phải đối mặt với nhiều thách thức từ những diễn biến mới, yếu tố bất lợi bên ngoài và hạn chế, bất cập nội tại kéo dài nhiều năm bộc lộ rõ hơn trong khó khăn. Việc đảm bảo phấn đấu đạt chỉ tiêu GDP bình quân 5 năm khoảng 6,5-7% là rất khó khăn. Các rủi ro tiềm ẩn từ môi trường kinh tế thế giới vẫn còn hiện hữu và tiếp tục tác động tiêu cực lên triển vọng phục hồi tăng trưởng kinh tế của Việt Nam giai đoạn 2026-2030.

Tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp còn nhiều khó khăn với nhiều rào cản, thách thức lớn, ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng phục hồi và phát triển bền vững của doanh nghiệp. Đời sống nhân dân, đặc biệt đời sống của một bộ phận người dân còn khó khăn, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo.

Thứ hai, thị trường BĐS Việt Nam chịu áp lực, ảnh hưởng tiêu cực từ bất ổn kinh tế chính trị thế giới, suy thoái kinh tế và khủng hoảng thị trường BĐS toàn cầu. Thời gian qua, Chính phủ đã có rất nhiều giải pháp làm lành mạnh thị trường BĐS. Tuy nhiên, thị trường vẫn đang tiềm ẩn một số rủi ro, nguy cơ gây bất ổn kinh tế vĩ mô khi tăng trưởng kinh tế năm 2023 chưa đạt được mục tiêu và niềm tin của người tiêu dùng vào thị trường BĐS chưa phục hồi trở lại. Nhận định về thị trường BĐS trong những năm tới cho thấy sự phát triển ổn định, lành mạnh thị trường BĐS sẽ phụ thuộc vào tình hình kinh tế thế giới và điều hành kinh tế vĩ mô cũng như các chính sách hỗ trợ đẩy nhanh phục hồi thị trường BĐS.

Trong bối cảnh tình hình chính trị và kinh tế thế giới có nhiều biến động phức tạp, bất ổn, khó lường, tác động tới nền kinh tế Việt Nam có độ mở rất lớn, thị trường BĐS trong giai đoạn tới gặp nhiều thách thức: (i) Thị trường BĐS phát triển chưa bền vững; (ii) Doanh nghiệp kinh doanh BĐS vẫn đang tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn trong tiếp cận nguồn vốn vay tín dụng; (iii) Độ trễ về tác động của việc hoàn thiện thể chế, chính sách pháp luật về đầu tư xây dựng, kinh doanh nhà ở.

Như vậy, đề thể chế hóa đầy đủ chủ trương, quan điểm, định hướng của Đảng và Nhà nước, góp phần cơ cấu lại NSNN theo hướng an toàn, bền vững, đồng bộ với quy định pháp luật về đất đai và các pháp luật có liên quan, đáp ứng yêu cầu từ thực tiễn, góp phần khuyến khích sử dụng BĐS hợp lý, có hiệu quả, phù hợp với thông lệ quốc tế, cần thiết có nghiên cứu về chính sách thuế BĐS. Tuy nhiên, qua phân tích bối cảnh, tình hình KT-XH giai đoạn 2021-2025 và nhận định tác động của chính sách thuế BĐS, việc đề xuất ban hành chính sách thuế BĐS vào thời điểm này là chưa thực sự phù hợp.

Luật Thuế SDĐNN đã được ban hành từ năm 1993, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/1994. Đánh giá thực hiện chính sách cho thấy Luật Thuế SDĐNN có nhiều nội dung đã không còn phù hợp với thực tế sản xuất nông nghiệp, quản lý sử dụng đất đai và các quy định pháp luật có liên quan. Nếu đặt vấn đề sửa đổi, bổ sung Luật Thuế SDĐNN thì không cần thiết do cuối cùng lại chỉ đề xuất miễn, giảm thuế SDĐNN cho giai đoạn tiếp theo.

Qua đánh giá thì việc đánh thuế đối với đất nông nghiệp trong thời gian tới là rất khó khăn, chưa phù hợp với chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông thôn và không phù hợp với thông lệ quốc tế¹². Đặc biệt, việc tiếp tục đánh thuế đối với đất nông nghiệp sẽ gây ảnh hưởng, tác động trực tiếp tới người dân, chủ yếu là chủ sở hữu đất nông nghiệp.

Ưu đãi thuế SDĐNN được xác định là một trong những chính sách đã và đang phát huy những tác động tích cực và có ý nghĩa chính trị sâu sắc, ngày càng được mở rộng. Việc miễn, giảm thuế SDĐNN trong thời gian qua là giải pháp quan trọng góp phần thực hiện chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong từng thời kỳ, góp phần khuyến khích tập trung và tích tụ đất nông nghiệp; khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; góp phần cải thiện cuộc sống người nông dân do đây là giải pháp hỗ trợ trực tiếp cho người nông dân, góp phần thúc đẩy quá trình chuyển dịch, tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo định hướng công nghiệp hóa, phát huy thế mạnh của từng vùng, góp phần thúc đẩy sản xuất hàng hóa quy mô lớn, hiệu quả cao, từ đó nâng cao sức cạnh tranh của mặt hàng nông sản của Việt Nam trên thị trường thế giới. Việc miễn, giảm thuế SDĐNN cũng phù hợp với thông lệ quốc tế về áp dụng chính sách ưu đãi thuế đối với đất sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp. Mặt khác, việc miễn thuế SDĐNN chỉ thực hiện cho từng giai đoạn nhất định, do đó, việc ban hành Nghị quyết của Quốc hội về kéo dài thời hạn miễn thuế SDĐNN là phù hợp¹³.

¹² Hầu hết các nước đều có xu hướng áp dụng chính sách ưu đãi thuế đối với đất sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp dưới các hình thức như áp dụng mức thuế suất thấp hơn, miễn một phần hoặc miễn toàn bộ số thuế phải nộp hoặc không đưa đất nông nghiệp vào diện chịu thuế BĐS. Một số quốc gia đưa đất nông nghiệp vào đối tượng miễn thuế (Bungari, Anh, Estonia, Armenia,...), một số quốc gia không đánh thuế tài sản đối với đất nông nghiệp hoặc đưa vào đối tượng không chịu thuế như: Indonesia, Đài Loan (Trung Quốc), Thái Lan và hầu hết các quốc gia Châu Phi...

¹³ Tại khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định Quốc hội ban hành Nghị quyết để kéo dài thời hạn áp dụng toàn bộ hoặc một phần Nghị quyết của Quốc hội đáp ứng yêu cầu cấp bách về phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quyền con người, quyền công dân.

Để tiếp tục thực hiện kết quả đạt được của việc miễn thuế SDĐNN, phù hợp với định hướng của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; tiếp tục khuyến khích tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; khuyến khích kinh tế trang trại; góp phần chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa; góp phần nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp trên thị trường trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế; tiếp tục hỗ trợ, tạo công ăn việc làm cho khu vực nông thôn, nâng cao thu nhập và đời sống người nông dân, góp phần xây dựng nông thôn mới và vẫn đảm bảo phù hợp với thông lệ quốc tế thì cần thiết tiếp tục miễn thuế SDĐNN cho giai đoạn tiếp theo.

Trên đây là báo cáo tổng kết tình hình thực hiện các chính sách thuế liên quan đến BDS./*u*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, CST (b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Cao Anh Tuấn

Phụ lục
Số thu NSNN về các khoản thu liên quan đến đất đai

Đơn vị tính: tỷ đồng

Stt	Khoản thu	Năm										
		2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023
	Tổng thu NSNN	828.348	877.697	998.217	1.107.381	1.293.627	1.431.662	1.553.611	1.510.579	1.591.411	1.811.928	1.753.933
1	Thuế SDĐNN	69	61	58	60	39	27	20	6	10	9	10
2	Thuế SDĐPN	1.376	1.428	1.459	1.397	1.663	1.851	2.040	2.067	2.025	3.207	3.403
3	Tiền sử dụng đất	45.286	44.198	67.825	99.618	125.409	144.495	153.632	172.937	185.199	210.466	153.065
4	Tiền thuê đất	7.259	8.770	14.556	22.334	20.759	20.141	18.159	18.363	19.598	24.467	22.097
5	Thuế TNCN từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	3.829	4.828	6.839	8.471	10.817	12.843	14.410	16.206	21.149	34.745	18.618
6	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	3.573	5.832	5.879	8.046	11.850	15.119	10.894	9.247	12.940	10.056	20.736
7	Lệ phí trước bạ nhà đất	1.605	2.132	2.793	3.095	4.594	5.414	5.838	6.403	7.478	11.032	6.997

Số: 197/BC-BTC

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2024

BÁO CÁO

**Đánh giá tác động đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội
về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp**

Kính gửi: Chính phủ

(Tài liệu phục vụ gửi Bộ Tư pháp thẩm định)

A. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẤP TỔNG QUAN

I. Bối cảnh xây dựng chính sách

Nhìn từ thực tiễn 35 năm đổi mới, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương lớn làm định hướng chính trị cho đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai. Từ chủ trương khoán 100 đến khoán 10 đã giải phóng sức lao động của nông dân, tạo bước chuyển biến cơ bản trong sản xuất nông nghiệp và xã hội nông thôn. Đặc biệt, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 2 khóa VII (tháng 3/1992) và Trung ương 5 khóa VII (tháng 6/1993) với những đổi mới đột phá như giao đất cho nông dân sử dụng lâu dài và mở rộng các quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, thế chấp, thừa kế quyền sử dụng ruộng đất... đã tạo nguồn lực đất đai cho phát triển kinh tế-xã hội (KT-XH) đất nước.

Tại Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn khẳng định: Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược lâu dài và là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu trong sự nghiệp phát triển KT-XH của đất nước ta. Một trong các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu là tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách pháp luật về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, thúc đẩy tích tụ, tập trung, quản lý sử dụng bền vững, có hiệu quả đất nông nghiệp.

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai, Nhà nước đã ban hành các chính sách tài chính đối với đất đai, trong đó có chính sách thuế sử dụng đất nông nghiệp (SDĐNN) được xây dựng nhằm khuyến khích SDĐNN có hiệu quả, thực hiện công bằng, hợp lý sự đóng góp của tổ chức, cá nhân SDĐNN vào ngân sách nhà nước (NSNN), tạo nguồn lực mới để phát triển KT-XH, góp phần thực hiện chiến lược phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Đặc biệt, chính sách miễn, giảm thuế SDĐNN trong những năm qua là giải pháp quan trọng góp phần thực hiện chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong từng thời kỳ, góp phần thúc đẩy đầu tư vào

lĩnh vực nông nghiệp, tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nâng cao sức cạnh tranh của nông sản Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

Chính sách thuế SDDNN được thực hiện theo quy định của Luật Thuế SDDNN năm 1993, Pháp lệnh thuế bổ sung năm 1994 đối với hộ gia đình SDDNN vượt quá hạn mức diện tích đất. Thực hiện chủ trương xóa đói, giảm nghèo của Đảng và Nhà nước, đồng thời hỗ trợ đối với nông dân, khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp, từ năm 2001 đến nay, Đảng và Nhà nước ban hành nhiều Nghị quyết miễn, giảm thuế SDDNN theo hướng mở rộng đối tượng ưu đãi miễn, giảm thuế SDDNN đối với hộ nông dân và các đối tượng sản xuất nông nghiệp khác phù hợp với mục tiêu, yêu cầu phát triển KT-XH của đất nước theo từng thời kỳ.

Hiện hành, chính sách thuế SDDNN đang được miễn đến hết ngày 31/12/2025 theo các Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24/11/2010, Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11/11/2016 và Nghị quyết số 107/2020/QH14 ngày 10/6/2020 của Quốc hội, trừ diện tích đất nông nghiệp mà Nhà nước giao cho tổ chức quản lý nhưng không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp.

Tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện chính sách miễn, giảm thuế SDDNN thời gian qua cho thấy chính sách miễn, giảm thuế SDDNN đã mang lại những kết quả quan trọng, cụ thể như sau:

(i) Góp phần thực hiện chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

(ii) Góp phần hỗ trợ trực tiếp người nông dân, góp phần cải thiện, nâng cao đời sống nông dân.

(iii) Góp phần khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

(iv) Góp phần nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp trên thị trường trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

(v) Góp phần tăng cường quản lý nhà nước đối với việc SDDNN.

Tuy nhiên, việc miễn thuế theo Nghị quyết số 107/2020/QH14 chỉ thực hiện đến hết ngày 31/12/2025.

Để tiếp tục thực hiện kết quả đạt được của việc miễn thuế SDDNN, phù hợp với định hướng của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân và nông thôn; tiếp tục khuyến khích tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; khuyến khích kinh tế trang trại; góp phần chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; góp phần nâng cao giá trị sản phẩm nông nghiệp từ đó nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp trên thị trường quốc tế; tiếp tục hỗ trợ tạo công ăn việc làm cho khu vực nông thôn, nâng cao thu nhập và đời sống người nông dân, góp

phần xây dựng nông thôn mới và vẫn đảm bảo phù hợp với thông lệ quốc tế thì cần thiết tiếp tục miễn thuế SDDNN cho giai đoạn tiếp theo.

II. Mục tiêu xây dựng chính sách

1. Mục tiêu chung

- Thê chế hóa đầy đủ các chủ trương của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Góp phần thúc đẩy tái cơ cấu ngành nông nghiệp, khuyến khích tích tụ ruộng đất.

- Phù hợp với thông lệ quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể

- Thê chế hóa chủ trương của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Tiếp tục kế thừa kết quả đạt được của chính sách miễn thuế SDDNN hiện hành.

- Góp phần khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông dân, nông thôn; góp phần tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

B. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH ĐỀ XUẤT

I. Chính sách 1: Quy định về tiếp tục thực hiện chính sách miễn thuế SDDNN

1. Xác định vấn đề bất cập

Tại Kết luận số 36-KL/TW ngày 06/9/2018 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 khóa XI về “tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại” đã nêu giải pháp: *“Hoàn thiện chính sách thuế đối với đất nông nghiệp nhằm khuyến khích, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, khắc phục tình trạng đất bỏ hoang, sử dụng sai mục đích”*.

Tại Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đã chỉ ra những hạn chế của nông nghiệp hiện nay như: *“Nông nghiệp phát triển chưa bền vững, năng suất lao động còn thấp; chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nhiều sản phẩm còn hạn chế. Trong nhiều năm tăng trưởng nông nghiệp thấp hơn mục tiêu Nghị quyết đã đề ra. Hiệu quả kinh tế của cây lúa và một số loại cây trồng khác không cao; cơ chế, chính sách chưa thực sự bảo đảm hài hòa lợi ích cho người trồng lúa, địa phương được quy hoạch trồng lúa, nhiều nông dân không thiết tha sản xuất, bỏ ruộng hoang... Thu nhập và đời sống của phần lớn nông dân và dân cư nông thôn còn thấp, bấp bênh, kết quả giảm nghèo chưa bền vững; vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi tỉ lệ hộ*

nghèo còn cao”. Đồng thời, tại Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị cũng xác định: “nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược lâu dài và là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu trong sự nghiệp phát triển KT-XH của đất nước ta”, theo đó, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền, doanh nghiệp, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân tập trung thực hiện có hiệu quả một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau nhằm tiếp tục tổ chức thực hiện, hoàn thành thắng lợi các mục tiêu đến năm 2020, với tầm nhìn đến năm 2025 của Nghị quyết, trong đó có giải pháp: “Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách, trước hết là các cơ chế, chính sách có liên quan đến đất đai, thuế, tín dụng, điện năng, môi trường, thị trường, lao động, đào tạo, nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ; thu hút đầu tư, phát triển liên kết giữa doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ nông dân cần hướng tới quan hệ sản xuất hợp lý hóa, tạo động lực mạnh mẽ hơn, có năng suất lao động và sức cạnh tranh cao hơn, đem lại thu nhập cao và bền vững”.

Chính sách ưu đãi thuế SDĐNN hiện đang thực hiện theo quy định sau:

- Điều 19 Luật Thuế SDĐNN quy định việc miễn, giảm thuế đối với các trường hợp sau:

(i) Miễn thuế đối với đất đồi, núi trọc dùng vào sản xuất nông, lâm nghiệp, đất trồng rừng phòng hộ và rừng đặc dụng; đối với các hộ nông dân là người tàn tật, già yếu không nơi nương tựa; đối với hộ nộp thuế có thương binh hạng 1/4 và 2/4, bệnh binh hạng 1/3 và 2/3;

(ii) Miễn thuế có thời hạn đối với đất khai hoang dùng vào sản xuất; đất trồng cây lâu năm chuyển sang trồng lại mới và đất trồng cây hàng năm chuyển sang trồng cây lâu năm, cây ăn quả; hộ di chuyển đến vùng kinh tế mới khai hoang để sản xuất nông nghiệp;

(iii) Giảm thuế trong trường hợp thiên tai, dịch họa làm thiệt hại mùa màng; đối với hộ nộp thuế có thương binh, bệnh binh không thuộc diện miễn thuế mà đời sống có nhiều khó khăn;

(iv) Miễn thuế hoặc giảm thuế đối với các hộ nông dân sản xuất ở vùng cao, miền núi, biên giới, hải đảo và đối với các hộ nông dân là dân tộc thiểu số mà sản xuất và đời sống còn nhiều khó khăn; đối với hộ nộp thuế là gia đình liệt sỹ.

- Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24/11/2010 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2011) và Nghị quyết số 28/2016/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 55/2010/QH12 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017) quy định miễn thuế SDĐNN đến hết năm 2020 đối với:

(i) Toàn bộ diện tích đất nông nghiệp phục vụ nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm; diện tích đất trồng cây hàng năm có ít nhất một vụ lúa trong năm; diện tích đất làm muối.

(ii) Toàn bộ diện tích đất nông nghiệp được Nhà nước giao cho hộ nghèo.

(iii) Toàn bộ diện tích đất nông nghiệp cho các đối tượng sau đây:

+ Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất để sản xuất nông nghiệp, bao gồm cả đất được thừa kế, tặng cho, nhận chuyển quyền sử dụng đất;

+ Hộ gia đình, cá nhân là thành viên hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, nông trường viên, lâm trường viên đã nhận đất giao khoán ổn định của hợp tác xã, nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh để sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật;

+ Hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông nghiệp góp quyền SDĐNN của mình để thành lập hợp tác xã sản xuất nông nghiệp theo quy định của Luật Hợp tác xã.

(iv) Diện tích đất nông nghiệp được Nhà nước giao cho tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp và các đơn vị khác đang trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp.

Đối với diện tích đất nông nghiệp mà Nhà nước giao cho tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp và các đơn vị khác đang quản lý nhưng không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp thì phải nộp 100% thuế SDĐNN trong thời gian Nhà nước chưa thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai.

- Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11/11/2016 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 55/2010/QH12 đến hết năm 2020 cho các đối tượng còn lại đang phải nộp thuế SDĐNN, gồm:

+ Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất để sản xuất nông nghiệp, bao gồm cả đất được thừa kế, tặng cho, nhận chuyển quyền sử dụng đất;

+ Hộ gia đình, cá nhân là thành viên hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, nông trường viên, lâm trường viên đã nhận đất giao khoán ổn định của hợp tác xã, nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh để sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật;

+ Hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông nghiệp góp quyền SDĐNN của mình để thành lập hợp tác xã sản xuất nông nghiệp theo quy định của Luật Hợp tác xã.

+ Diện tích đất nông nghiệp được Nhà nước giao cho tổ chức đang trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp.

Đối với tổ chức được Nhà nước giao đất nông nghiệp nhưng không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp thì thực hiện thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai; trong thời gian Nhà nước chưa thu hồi đất thì phải nộp 100% thuế SDĐNN.

- Nghị quyết số 107/2020/QH14 ngày 10/6/2020 về kéo dài thời hạn miễn thuế SDĐNN được quy định tại Nghị quyết số 55/2010/QH12. Theo đó, hiện hành, chính sách thuế SDĐNN đang được miễn đến hết ngày 31/12/2025, trừ diện tích đất nông nghiệp mà Nhà nước giao cho tổ chức quản lý nhưng không trực

tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp.

Như vậy, hiện nay thuế SDĐNN đang được miễn theo Luật Thuế SDĐNN, theo Nghị quyết số 55/2010/QH12; Nghị quyết số 28/2016/QH14 và Nghị quyết số 107/2020/QH14 của Quốc hội, trừ diện tích đất nông nghiệp mà Nhà nước giao cho tổ chức quản lý nhưng không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, Nghị quyết số 107/2020/QH14 của Quốc hội chỉ thực hiện miễn thuế SDĐNN đến hết ngày 31/12/2025.

Việc thực hiện miễn thuế SDĐNN theo quy định hiện hành trên thực tế không gặp vướng mắc. Trong quá trình tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện, các địa phương đều đề xuất tiếp tục thực hiện miễn thuế SDĐNN cho giai đoạn tiếp theo.

Theo đó, để tiếp tục thực hiện chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước, tiếp tục thực hiện các kết quả đã đạt được của chính sách miễn thuế SDĐNN thì cần thiết phải tiếp tục kéo dài thời gian thực hiện chính sách miễn thuế SDĐNN trong giai đoạn tới.

2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Thể chế hoá chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Góp phần khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông dân, nông thôn, góp phần thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nâng cao giá trị sản phẩm nông nghiệp từ đó nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp trên thị trường quốc tế.

- Phù hợp với thông lệ quốc tế.

3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

3.1. Giải pháp 1: Quy định tiếp tục thực hiện chính sách miễn thuế SDĐNN.

3.2. Giải pháp 2: Không quy định tiếp tục thực hiện chính sách miễn thuế SDĐNN (việc miễn, giảm thuế SDĐNN thực hiện theo quy định tại Luật Thuế SDĐNN).

4. Đánh giá tác động của giải pháp đề xuất

4.1. Giải pháp 1

- Tác động tích cực:

+ Việc tiếp tục thực hiện chính sách miễn thuế SDĐNN trong giai đoạn tới là phù hợp và góp phần thực hiện các chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn tại Kết luận số 36-KL/TW ngày 06/9/2018 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 khóa XI về “*tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy*

manh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại” và tại Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

+ Việc tiếp tục thực hiện chính sách miễn thuế SDĐNN là phù hợp với quy định của Luật Đất đai năm 2024 về tập trung, tích tụ ruộng đất và các định hướng phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững, đảm bảo an ninh lương thực và ổn định KT-XH.

+ Góp phần thực hiện mục tiêu tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng. Cùng với việc triển khai có hiệu quả chính sách ưu đãi đối với ngành nông nghiệp thì việc tiếp tục miễn thuế SDĐNN trong giai đoạn tiếp theo là một giải pháp khuyến nông góp phần nâng cao GTGT và kết nối chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp, từ đó, đẩy nhanh quá trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp và hướng tới phát triển một nền nông nghiệp bền vững, nâng cao sức cạnh tranh của mặt hàng nông sản của Việt Nam trên thị trường thế giới.

+ Góp phần khuyến khích tập trung, tích tụ đất nông nghiệp. Cùng với các chính sách ưu đãi phát triển nông nghiệp, chính sách miễn thuế SDĐNN là một trong những chính sách tài chính quan trọng góp phần thực hiện chính sách của Nhà nước về khuyến khích hình thức phát triển kinh tế trang trại của hộ gia đình, cá nhân nhằm khai thác hiệu quả đất đai để phát triển sản xuất nông nghiệp¹.

+ Việc tiếp tục thực hiện chính sách miễn thuế SDĐNN là giải pháp hỗ trợ giảm chi phí đầu vào của doanh nghiệp, từ đó, tạo động lực và khuyến khích doanh nghiệp tham gia đầu tư, sản xuất nông nghiệp, góp phần tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Ngoài ra, chính sách miễn thuế SDĐNN là hình thức hỗ trợ hiệu quả cho người nông dân do đối tượng trực tiếp sản xuất nông nghiệp chủ yếu là hộ gia đình, cá nhân lại khó tiếp cận các chính sách hỗ trợ, khuyến khích của Nhà nước². Việc thực hiện chính sách miễn thuế SDĐNN đối với hộ gia đình, cá nhân cùng với các chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp sẽ tạo ra thể chế chính sách ưu đãi thống nhất, hợp lý để khuyến khích các nguồn lực đầu tư của xã hội vào lĩnh vực nông nghiệp.

+ Góp phần hỗ trợ trực tiếp cho người nông dân, nâng cao mức sống và góp phần xây dựng nông thôn mới. Việc tiếp tục miễn thuế SDĐNN có hiệu ứng về mặt xã hội là thông qua chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, phát triển hình thức kinh tế trang trại và ứng dụng khoa học công nghệ đã tạo ra nhiều việc làm hơn trong khu vực nông thôn, giảm áp lực lao động di làm tại các địa phương khác hoặc xuất khẩu lao động, từ đó giúp tăng thu nhập cho lực lượng lao động nông thôn, góp phần xây dựng nông thôn mới. Bên cạnh các chính sách nâng cao năng lực, đào tạo lao động ngành nông nghiệp của Nhà nước để tăng năng suất lao động, tạo nguồn lực phát triển nông nghiệp thì việc tiếp tục miễn thuế

¹ Điều 192, Điều 193 Luật Đất đai năm 2024.

² Trong các chính sách ưu đãi thu hút đầu tư vào nông nghiệp thì đối tượng được hỗ trợ chủ yếu là doanh nghiệp, trong đó người sản xuất nông nghiệp thường có quy mô nông hộ hoặc trang trại.

SDĐNN là một trong các giải pháp phù hợp nhằm tạo thêm việc làm trong lĩnh vực nông nghiệp tại khu vực nông thôn, góp phần xóa đói giảm nghèo.

+ Góp phần tăng cường quản lý nhà nước đối với việc SDĐNN; góp phần khuyến khích SDĐNN hiệu quả và đồng bộ của hệ thống pháp luật.

Thông qua việc kê khai để xác định số thuế SDĐNN được miễn, Nhà nước kiểm soát và quản lý việc SDĐNN tới từng xã, nắm được sự biến động và tình hình quản lý, SDĐNN ở từng địa phương, góp phần tăng cường quản lý nhà nước đối với đất đai và hạn chế tình trạng đất bỏ hoang không đưa vào sử dụng.

+ Phù hợp với thông lệ quốc tế về xu hướng áp dụng chính sách ưu đãi thuế đối với đất sử dụng cho mục đích nông nghiệp. Bên cạnh các chính sách hỗ trợ, khuyến khích dành cho lĩnh vực nông nghiệp³, trợ cấp nông nghiệp⁴ thì miễn thuế SDĐNN được sử dụng chủ yếu như một kênh hỗ trợ người nông dân và khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, hướng tới phát triển nông nghiệp bền vững, đảm bảo an ninh lương thực.

Thực hiện hội nhập kinh tế quốc tế khu vực và thế giới, đến nay, Việt Nam đã và đang tham gia nhiều Hiệp định thương mại tự do như Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA)... Việc miễn thuế SDĐNN không trái với các cam kết quốc tế của Việt Nam về thuế trong Hiệp định nông nghiệp của WTO, Hiệp định EVFTA và CPTPP.

Như vậy, việc tiếp tục duy trì miễn thuế SDĐNN là phù hợp với thông lệ quốc tế trong việc sử dụng chính sách thuế như công cụ tài chính để góp phần khuyến khích phát triển nền sản xuất nông nghiệp.

- Tác động tiêu cực: Thực hiện theo giải pháp này thì không có hạn chế đáng kể nào do hiệu ứng tích cực về tác động KT-XH của việc thực hiện miễn thuế SDĐNN theo Nghị quyết số 55/2010/QH12, Nghị quyết số 28/2016/QH14 và Nghị quyết số 107/2020/QH14 trong thời gian qua, ngoại trừ việc kéo dài thời gian miễn thuế SDĐNN sẽ không làm tăng số thu NSNN.

4.2. Giải pháp 2

- Tác động tích cực:

+ Đảm bảo tính công bằng trong việc thực hiện nghĩa vụ về thuế sử dụng đất giữa đất phi nông nghiệp và đất nông nghiệp.

+ Tăng cường vai trò quản lý nhà nước đối với đất nông nghiệp thông qua việc kê khai, nộp thuế và quản lý SDĐNN.

+ Không phát sinh chi phí để triển khai thực hiện chính sách miễn thuế SDĐNN.

³ Như không đánh thuế thu nhập từ hoạt động sản xuất nông nghiệp (Ấn Độ); ưu đãi thuế VAT đối với các sản phẩm nông nghiệp (Mỹ, Hà Lan), miễn thuế chuyển nhượng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân (Úc).

⁴ Ví dụ như nông dân các nước khu vực Châu Âu đều được hưởng chương trình trợ cấp nông nghiệp (EU's Common Agricultural Policy) vì họ sở hữu hoặc quản lý đất đai.

+ Tăng cường nguồn thu bền vững cho ngân sách địa phương do một số đối tượng đang được hưởng ưu đãi miễn thuế theo Nghị quyết số 55/2010/NQ12 và Nghị quyết số 28/2016/NQ14, Nghị quyết số 107/2020/QH14 sẽ phải nộp thuế khi hết thời hạn ưu đãi, góp phần phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội tại địa phương.

- Tác động tiêu cực:

+ Cần thiết sửa đổi quy định về thuế SDĐNN để đảm bảo tính khả thi trong thực tế. Luật Thuế SDĐNN có hiệu lực thi hành hơn 30 năm, đến nay đã có những quy định không còn phù hợp với tình hình phát triển KT-XH Việt Nam, như cách xác định thuế lạc hậu, giá trị thu được thấp (thuế SDĐNN được tính bằng thóc, thu bằng tiền, trong một vài trường hợp đặc biệt, thuế có thể thu bằng thóc), và phần lớn nội dung hiện đã không còn được áp dụng trên thực tế do thi hành chính sách miễn thuế SDĐNN cho toàn bộ diện tích đất nông nghiệp đến hết ngày 31/12/2025, trừ diện tích đất nông nghiệp mà Nhà nước giao cho tổ chức quản lý nhưng không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thuê theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp.

+ Chưa thực sự phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước coi nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược lâu dài và là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu trong sự nghiệp phát triển KT-XH của đất nước ta.

+ Không khuyến khích được nhiều đối tượng tham gia đầu tư vào sản xuất nông nghiệp do đối tượng được hưởng ưu đãi bị thu hẹp.

+ Khó thực hiện mục tiêu “tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng” do: Trong bối cảnh nguồn vốn của Nhà nước đầu tư cho lĩnh vực nông nghiệp còn hạn chế thì việc thu hẹp đối tượng được hưởng ưu đãi thuế SDĐNN sẽ không thu hút nhiều thành phần kinh tế trong xã hội tham gia đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, dẫn đến nguồn lực vốn từ nền kinh tế để đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn giảm nên sẽ khó thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

+ Việc cắt giảm sự hỗ trợ của Nhà nước cho người sản xuất nông nghiệp do đối tượng được hưởng ưu đãi bị thu hẹp sẽ làm người sản xuất nông nghiệp không yên tâm đầu tư lâu dài vào sản xuất nông nghiệp.

+ Dễ gặp phải phản ứng từ doanh nghiệp và người dân do tăng nghĩa vụ tài chính phải nộp đối với nhà nước (do phải chuyển từ đối tượng được miễn thuế sang nộp thuế).

5. Kiến nghị và lựa chọn giải pháp

Trên cơ sở phân tích các tác động tích cực và tiêu cực của các giải pháp, Bộ Tài chính nghiêng về giải pháp 1.

II. Chính sách 2: Quy định về thời hạn miễn thuế

1. Xác định vấn đề bất cập

Đánh giá sau 15 năm thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn⁵ cho thấy nông nghiệp đã tiếp tục phát triển cả về quy mô, trình độ sản xuất, duy trì tăng trưởng ở mức khá cao, tuy nhiên, nông nghiệp phát triển còn thiếu bền vững, tổ chức sản xuất kinh doanh chủ yếu vẫn dựa vào nông hộ nhỏ, thiếu liên kết, thu hút đầu tư cho phát triển nông nghiệp ở nông thôn gặp nhiều khó khăn.

Miễn thuế SĐĐNN là hình thức hỗ trợ trực tiếp tới người nông dân, là nguồn đầu tư tài chính quan trọng trực tiếp cho khu vực nông nghiệp, nông thôn, nông dân để đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, qua đó giúp người nông dân cải thiện cuộc sống, gắn bó với hoạt động sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, nếu thời kỳ ưu đãi kéo dài sẽ tăng áp lực lên NSNN, ngược lại nếu thời gian ưu đãi ngắn thì chỉ thu hút được các dự án ngắn hạn hoặc có thể dẫn đến hiện tượng chuyển vốn sang đầu tư sang lĩnh vực khác khi hết thời hạn miễn thuế.

Để đảm bảo thực hiện các mục tiêu đến năm 2030 tốc độ tăng trưởng GDP nông lâm thủy sản bình quân từ 3-3,2%/năm⁶, góp phần động viên người nông dân yên tâm đầu tư sản xuất trên diện tích đất của mình, từ đó có điều kiện nâng cao năng suất lao động, cải thiện đời sống; đồng thời cũng đảm bảo phù hợp với chiến lược phát triển KT-XH (tại Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn có nêu: *Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược lâu dài và là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu trong sự nghiệp phát triển KT-XH của đất nước ta*) thì cần thiết phải đề xuất thời hạn miễn thuế SĐĐNN cho phù hợp.

2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Phù hợp với quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.
- Phù hợp với điều kiện, tình hình phát triển KT-XH từng thời kỳ.

3. Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

3.1. Giải pháp 1: Quy định thời gian miễn thuế SĐĐNN là 5 năm (tiếp tục miễn thuế SĐĐNN từ 01/01/2026 đến hết ngày 31/12/2030).

3.2. Giải pháp 2: Quy định thời gian miễn thuế SĐĐNN là 10 năm (tiếp tục miễn thuế SĐĐNN từ 01/01/2026 đến hết ngày 31/12/2035).

⁵ Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

⁶ Quyết định số 124/QĐ-TTg ngày 02/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

4. Đánh giá tác động của giải pháp đề xuất

4.1. Giải pháp 1

- Tác động tích cực:

+ Phù hợp với thực tế sản xuất nông nghiệp, đời sống khu vực nông thôn và định hướng phát triển KT-XH của đất nước.

Việt Nam đang trong quá trình thực hiện kế hoạch phát triển KT-XH 5 năm 2021-2025 trong bối cảnh tình hình thế giới diễn biến phức tạp, có nhiều thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen nhau. Do tác động nặng nề của dịch bệnh và biến động địa chính trị toàn cầu, tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong nửa đầu của kế hoạch 5 năm 2021-2025 đã chậm lại đáng kể. Theo báo cáo kinh tế giữa kỳ 2021-2025 của Quốc hội⁷, việc đảm bảo phấn đấu đạt chỉ tiêu GDP bình quân 5 năm khoảng 6,5-7% là rất khó khăn. Trong thời gian qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, nhiều chính sách ưu đãi cho nông nghiệp, nông thôn và nông dân đã được ban hành góp phần làm thay đổi đáng kể nông nghiệp, nông thôn và nông dân.

Việc tiếp tục thực hiện miễn thuế trong thời hạn 5 năm 2026-2030 sẽ góp phần động viên người nông dân yên tâm sản xuất, thể hiện chủ trương nhất quán của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; phù hợp với Chiến lược phát triển KT-XH 5 năm, Quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp⁸, chu kỳ sản xuất nông nghiệp, đặc biệt với cây lâu năm. Ngoài ra, miễn thuế trong giai đoạn 5 năm cũng tương ứng và phù hợp với các điều kiện cam kết về hợp tác, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, góp phần hỗ trợ cho người nông dân trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

+ Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh chính sách thuế đối với đất nông nghiệp sẽ không ảnh hưởng nhiều đến quyền lợi của người nông dân.

- Tác động tiêu cực: Do thời gian ưu đãi không nhiều nên có thể chỉ thu hút được các dự án ngắn hạn đầu tư vào nông nghiệp hoặc có thể dẫn đến hiện tượng chuyển vốn sang đầu tư sang lĩnh vực khác khi hết thời hạn miễn thuế.

4.2. Giải pháp 2

- Tác động tích cực:

+ Chính sách được thực hiện ổn định, dễ thu hút được các dự án dài hạn đầu tư vào nông nghiệp.

+ Góp phần động viên người nông dân yên tâm sản xuất nông nghiệp, hỗ trợ người nông dân đầu tư mở rộng sản xuất, thể hiện chủ trương nhất quán của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong bối cảnh đời

⁷ Báo cáo giữa nhiệm kỳ tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 16/2021/QH15 về Kế hoạch phát triển KT-XH 5 năm 2021-2025, Nghị quyết số 31/2021/QH15 về kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021-2025.

⁸ Quyết định số 124/QĐ-TTg ngày 02/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030, trong đó đã đề ra các mục tiêu phát triển ngành nông nghiệp theo từng giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến 2030.

sống của một bộ phận người dân còn khó khăn, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo.

+ Phù hợp với chu kỳ sản xuất nông nghiệp, đặc biệt với cây lâu năm. Ngoài ra, miễn thuế trong giai đoạn 10 năm cũng tương ứng và phù hợp với các điều kiện cam kết về hợp tác, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, góp phần hỗ trợ cho người nông dân trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Tác động tiêu cực:

+ Việc miễn thuế trong thời gian dài trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới biến động khó lường. Trong trường hợp cần thiết sẽ khó có thể điều chỉnh chính sách khi cần phải có chính sách thuế để điều tiết.

+ Thời gian miễn dài sẽ tăng áp lực lên NSNN.

5. Kiến nghị và lựa chọn giải pháp

Trên cơ sở phân tích các tác động tích cực và tiêu cực của các giải pháp, Bộ Tài chính nghiêng về giải pháp 1.

III. Đánh giá tác động của các giải pháp đến giới, thủ tục hành chính, hệ thống pháp luật

1. Tác động đến giới

Các giải pháp về chính sách nêu trên không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

2. Tác động về thủ tục hành chính

Các giải pháp lựa chọn đều không phát sinh thủ tục hành chính khi thực hiện.

3. Tác động đối với hệ thống pháp luật

- Bộ máy nhà nước: Các giải pháp đề xuất không có tác động tới bộ máy nhà nước.

- Các điều kiện bảo đảm thi hành: Các giải pháp đề xuất không cần bổ sung điều kiện thi hành.

- Quyền cơ bản của công dân: Các giải pháp đề xuất không tác động tới các quyền cơ bản của công dân.

- Phù hợp hệ thống pháp luật: Các giải pháp đề xuất không trái với hệ thống pháp luật hiện hành.

- Tương thích với các điều ước quốc tế: Các giải pháp đề xuất đều phù hợp hoàn toàn với thông lệ quốc tế, nghĩa vụ của các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

C. LẤY Ý KIẾN

Quá trình xây dựng dự thảo Báo cáo đánh giá tác động đối với đề nghị xây dựng Nghị quyết, Bộ Tài chính đã tham khảo ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức có liên quan với việc lấy ý kiến về hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết (công văn số 6560/BTC-CST ngày 25/6/2024 của Bộ Tài chính).

D. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

Trách nhiệm thi hành Nghị quyết là trách nhiệm của tất cả cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, trong đó trách nhiệm chính là Chính phủ với vai trò là cơ quan hành pháp có trách nhiệm tổ chức thi hành.

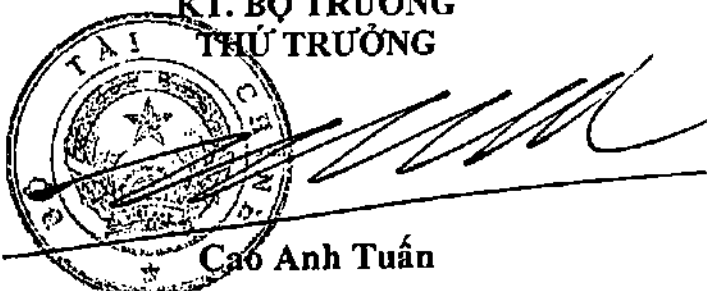
Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Đại biểu Quốc hội giám sát thi hành Nghị quyết. Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân giám sát việc triển khai thi hành Nghị quyết trong phạm vi địa phương.

Trên đây là Báo cáo đánh giá tác động chính sách trong Đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế SDĐNN./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Lưu: VT, CST (b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Cao Anh Tuấn

BÁO CÁO**Rà soát chính sách miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp
với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan**

Kính gửi: Chính phủ

(Tài liệu phục vụ gửi Bộ Tư pháp thẩm định)

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2020), Bộ Tài chính đã tiến hành rà soát, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp (sau đây gọi chung là dự án Nghị quyết). Kết quả rà soát như sau:

I. TÓM TẮT THỰC HIỆN RÀ SOÁT**1. Mục đích, yêu cầu rà soát****1.1. Mục đích rà soát**

Việc rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến pháp luật Thuế sử dụng đất nông nghiệp (SDĐNN) được thực hiện nhằm tránh việc chồng chéo, mâu thuẫn giữa các quy định của dự án Nghị quyết với các luật khác có liên quan để đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật.

1.2. Yêu cầu rà soát

Việc rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự án Nghị quyết được thực hiện dựa trên yêu cầu sau đây:

- Rà soát đầy đủ các nhóm luật có nội dung quy phạm pháp luật liên quan đến pháp luật Thuế SDĐNN nhằm phát hiện các luật có nội dung vướng mắc, chưa thống nhất với pháp luật về Thuế SDĐNN.

- Rà soát, xác định rõ những nội dung, phạm vi vấn đề cần sửa đổi, bổ sung nhằm bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật.

- Kế thừa và phát huy những quy định đã mang lại tác động tích cực đến kinh tế - xã hội của chính sách thuế sử dụng đất nông nghiệp hiện hành; những nội dung cần sửa đổi, bổ sung phải có quy định rõ ràng, minh bạch.

2. Phạm vi, nội dung, đối tượng rà soát

- Phạm vi rà soát: Chính sách miễn thuế SĐĐNN hiện hành, gồm các Nghị quyết: *Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24/11/2010, Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11/11/2016 và Nghị quyết số 107/2020/QH14 ngày 10/6/2020 của Quốc hội.*

- Nội dung rà soát: Đánh giá sự phù hợp, mâu thuẫn, chồng chéo tại quy định về miễn thuế SĐĐNN với pháp luật có liên quan để đề xuất hướng sửa đổi, hoàn thiện chính sách, đảm bảo phù hợp, thống nhất với pháp luật có liên quan.

- Đối tượng rà soát: Các quy định, Điều khoản cụ thể tại các Nghị quyết về miễn thuế SĐĐNN và các luật có liên quan.

II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT

1. Kết quả chung

Tổng số văn bản quy phạm pháp luật được rà soát liên quan đến nội dung dự án Nghị quyết: Qua rà soát đã xác định được có 03 văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự án Nghị quyết bao gồm các văn bản sau: Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15, Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Kết quả cụ thể

Qua rà soát, đối tượng miễn thuế SĐĐNN hiện hành là: (i) Hộ gia đình, cá nhân giao đất để sản xuất nông nghiệp, góp quyền sử dụng đất nông nghiệp, thành viên hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, nông trường viên, lâm trường viên đã nhận đất giao khoán ổn định của hợp tác xã, nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh để sản xuất nông nghiệp; (ii) Tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp và các đơn vị khác đang trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp.

Quy định về đối tượng miễn thuế SĐĐNN hiện hành là phù hợp, thống nhất với Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15 ngày 20/6/2023 liên quan đến các hình thức hợp tác, giao khoán sử dụng đất nông nghiệp của hợp tác xã, Luật Đất đai số 31/2024/QH15 liên quan đến giao đất nông nghiệp, góp quyền sử dụng đất nông nghiệp và thu hồi đất, phù hợp với pháp luật về đầu tư (Luật Đầu tư số 60/2020/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành).

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Chính sách thuế SĐĐNN đã thực hiện được hơn 30 năm và hiện đang được miễn đến hết ngày 31/12/2025. Trong 30 năm triển khai thực hiện, nhìn chung quan hệ giữa pháp luật về thuế SĐĐNN và pháp luật có liên quan tương đối ổn định và không phát sinh vướng mắc. Bộ Tài chính thấy rằng quy định tại dự thảo Nghị quyết về miễn thuế SĐĐNN là phù hợp, thống nhất với pháp luật hiện hành có liên quan như Luật Đất đai, Luật Hợp tác xã, Luật Đầu tư.

Ngoài ra, qua rà soát, Bộ Tài chính nhận thấy, các quy định tại dự án Nghị quyết đảm bảo phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam và không trái với các cam kết tại các Điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia và là thành viên.

Trên đây là Báo cáo kết quả rà soát chính sách miễn thuế SDDNN với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, CST (b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Gao Anh Tuấn

Phụ lục

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐƯỢC RÀ SOÁT CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG DỰ ÁN NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI VỀ MIỄN THUẾ SĐĐNN

(Kèm theo Báo cáo số 198/BC-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Bộ Tài chính)

Nhóm vấn đề	Dự thảo văn bản	Quy định hiện hành có liên quan	Đánh giá (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
Đối tượng miễn thuế SĐĐNN	<p>Kéo dài thời hạn miễn thuế SĐĐNN được quy định tại Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24/11/2010 của Quốc hội đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11/11/2016 và Nghị quyết số 107/2020/QH14 ngày 10/6/2020 của Quốc hội đến hết ngày 31/12/2030. Cụ thể:</p> <p>1. Miễn thuế SĐĐNN đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp phục vụ nghiên cứu, sản xuất, thử nghiệm; diện tích đất trồng cây hàng năm có ít nhất một vụ lúa trong năm; diện tích đất làm muối.</p> <p>2. Miễn thuế SĐĐNN đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp được Nhà nước giao cho hộ nghèo.</p> <p>3. Miễn thuế SĐĐNN đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp cho các đối tượng sau đây:</p> <p>a) Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất để sản xuất nông nghiệp, bao gồm cả đất được thừa kế, tặng cho, nhận chuyển quyền sử dụng đất;</p> <p>b) Hộ gia đình, cá nhân là thành viên hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, nông trường viên, lâm trường viên đã nhận đất giao khoán ổn định của hợp</p>	<p>Luật Hợp tác xã quy định: <i>Hợp tác xã</i> là tổ chức có tư cách pháp nhân do ít nhất 05 thành viên chính thức tự nguyện thành lập, hợp tác tương trợ trong sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm nhằm đáp ứng nhu cầu chung về kinh tế, văn hóa, xã hội của thành viên, góp phần xây dựng cộng đồng xã hội phát triển bền vững; thực hiện quản trị tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ.</p> <p>- Khoản 3 Điều 73 Luật Hợp tác xã quy định: “3. Đối với tài sản là quyền sử dụng đất, phương tiện vận tải, tài sản khác thì cá nhân, tổ chức có thể lựa chọn góp vốn bằng tài sản đó hoặc thỏa thuận cho phép hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được hưởng quyền khác đối với tài sản đó theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật về dân sự”.</p> <p>Luật Đất đai số 31/2024/QH15 quy định:</p> <p>- Khoản 6 Điều 3 về giải thích từ ngữ: “6. Cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp là cá nhân đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp; nhận chuyển quyền SĐĐNN mà có thu nhập từ sản xuất nông nghiệp trên đất đó theo quy định của Chính phủ”.</p> <p>- Điều 4 quy định người sử dụng đất trong đó có: Tổ chức trong</p>	Phù hợp

Nhóm vấn đề	Dự thảo văn bản	Quy định hiện hành có liên quan	Đánh giá (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
	<p>tác xã, nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh để sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông nghiệp góp quyền SĐNN của mình để thành lập hợp tác xã sản xuất nông nghiệp theo quy định của Luật Hợp tác xã.</p> <p>4. Miễn thuế SĐNN đối với diện tích đất nông nghiệp được Nhà nước giao cho tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp và các đơn vị khác đang trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp.</p> <p>Đối với diện tích đất nông nghiệp mà Nhà nước giao cho tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp và các đơn vị khác đang quản lý nhưng không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp thì thực hiện thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai; trong thời gian Nhà nước chưa thu hồi đất thì phải nộp 100% thuế SĐNN.</p>	<p>nước (Cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, đơn vị vũ trang nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức khác theo quy định của pháp luật); Tổ chức kinh tế; cá nhân trong nước, cộng đồng dân cư; cá nhân trong nước.</p> <p>- Khoản 1 Điều 118 quy định giao đất không thu tiền sử dụng đất đối với: "1. Cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp được giao đất nông nghiệp trong hạn mức quy định tại Điều 176 của Luật này".</p> <p>- Khoản 4 Điều 8 về khuyến khích đầu tư vào sử dụng đất đai: "4. Tập trung đất đai để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp quy mô lớn".</p> <p>- Khoản 1 Điều 27 quy định về quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất; thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất: "1. Người sử dụng đất được thực hiện các quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất; thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất theo quy định của Luật này và luật khác có liên quan".</p> <p>- Khoản 3 Điều 81 về thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai: "Đất được giao, cho thuê không đúng đối tượng hoặc không đúng thẩm quyền".</p> <p>Luật đầu tư số 60/2020/QH14 quy định: Căn cứ định hướng phát triển kinh tế - xã hội và khả năng cân đối NSNN, Chính phủ quy</p>	

Nhóm vấn đề	Dự thảo văn bản	Quy định hiện hành có liên quan	Đánh giá (phù hợp, không phù hợp, đề xuất xử lý)
		<p>định chi tiết hình thức hỗ trợ đầu tư đối với với doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (khoản 2 Điều 18).</p> <p>Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định ứng dụng, nghiên cứu và phát triển công nghệ cao và một số hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp (như nuôi trồng, chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản, trồng, chăm sóc, nuôi dưỡng, bảo vệ và phát triển rừng...) thuộc Danh mục ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư.</p>	



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2024

BẢN TỔNG HỢP GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
về đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp

1. Căn cứ xây dựng Bản tổng hợp, giải trình tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân

- Hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp (SDDNN) được gửi kèm công văn số 6560/BTC-CST ngày 25/6/2024 của Bộ Tài chính gửi lấy ý kiến về hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết.
- Quy định của pháp luật về thuế và pháp luật có liên quan.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân lấy ý kiến

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ; cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

Đến nay, Bộ Tài chính đã nhận được 72 ý kiến, trong đó có 19 ý kiến của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; 51 ý kiến của các Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Liên đoàn thương mại và công nghiệp Việt Nam (VCCI) và công văn số 746/TTĐT-DLĐT ngày 23/7/2024 của Công thông tin điện tử Chính phủ (theo đó, Công thông tin điện tử Chính phủ không nhận được ý kiến góp ý của tổ chức, cá nhân sau 30 ngày đăng tải dự án Nghị quyết).

Dưới đây là nội dung tổng hợp giải trình, tiếp thu ý kiến tham gia:

Về hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết: Hầu hết các ý kiến tham gia đều nhất trí đối với hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết. Ngoài ra, có 09 ý kiến tham gia thêm, cụ thể như sau:

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
1. Dự thảo Tờ trình Chính phủ	Ngân hàng Phát triển Việt Nam, VCCI, các tỉnh: Hà Nam, Hậu Giang, Đắk Nông.	Đề nghị lựa chọn phương án miễn thuế 10 năm nhằm bảo đảm sự ổn định chính sách. Hiện nay, nhiều doanh nghiệp đang có xu hướng đầu tư vào sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, liên kết chuỗi giá trị trong nước cũng như xuất khẩu, áp dụng công nghệ cao trong nông nghiệp. Những dự án này đòi hỏi số vốn lớn, thời gian thu hồi vốn kéo dài nên cần sự ổn định về chính sách để doanh nghiệp yên tâm lên kế hoạch sản xuất kinh doanh.	Việc thực hiện giải pháp miễn thuế SDĐNN trong 10 năm có ý nghĩa về mặt chính trị, góp phần động viên tổ chức, hộ gia đình, cá nhân yên tâm sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, khoảng thời gian 10 năm là tương đối dài trong bối cảnh kinh tế thế giới liên tục biến động khó lường, phức tạp, dự báo tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam trong những năm tới đan xen nhiều thuận lợi và khó khăn. Hiện tại cũng chưa có định hướng cụ thể về chiến lược phát triển kinh tế - xã hội cho giai đoạn sau năm 2030 để làm cơ sở pháp lý cho việc tiếp tục miễn thuế SDĐNN.
	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Đề nghị bổ sung nêu rõ căn cứ pháp lý để lập đề nghị xây dựng Nghị quyết.	Về căn cứ lập đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết: Nội dung đã được thể hiện tại phần sự cần thiết ban hành Nghị quyết; quan điểm xây dựng Nghị quyết tại Tờ trình Chính phủ.
	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Đề nghị nêu rõ lý do trình Quốc hội ban hành Nghị quyết tiếp tục giảm thuế thay vì sửa đổi Luật Thuế SDĐNN.	(i) Luật Thuế SDĐNN hiện hành có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/1994. Qua đánh giá 30 năm thực hiện chính sách thuế SDĐNN cho

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Tỉnh Cà Mau	Luật Thuế SDĐNN có hiệu lực từ 01/01/1994, đến nay đã hơn 30 năm, có các quy định không phù hợp với điều kiện hiện nay, do đó, cần nghiên cứu, xem xét sửa đổi cho phù hợp.	<p>thấy Luật Thuế SDĐNN có nhiều nội dung không còn phù hợp với thực tế sản xuất nông nghiệp, quản lý sử dụng đất đai và các quy định pháp luật khác có liên quan như Luật Đất đai (Luật Đất đai năm 2003, 2013 và năm 2024 trong đó đã sửa đổi các quy định về phân loại đất nông nghiệp, căn cứ tính thuế sử dụng đất theo giá đất do UBND cấp tỉnh ban hành). Tuy nhiên việc sửa đổi, bổ sung Luật Thuế SDĐNN là không cần thiết vì thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn thì đối với thuế SDĐNN vẫn phải tiếp tục miễn hoặc không thu.</p> <p>(ii) Việc đề xuất kéo dài thời gian thực hiện Nghị quyết số 55/2010/QH12, Nghị quyết số 28/2016/QH14 và Nghị quyết số 107/2020/QH14 dưới hình thức Nghị quyết của Quốc hội là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (<i>Quốc hội ban hành Nghị quyết để kéo dài thời hạn áp dụng toàn bộ hoặc một phần Nghị quyết của Quốc hội đáp ứng yêu cầu cấp bách về phát triển kinh tế -</i></p>

NHÓM VẤN ĐỀ HOẶC ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			<i>xã hội, đảm bảo quyền con người, quyền công dân).</i>
2. Đề cương dự thảo Nghị quyết	Tỉnh Phú Yên	Tại phần Căn cứ pháp lý, bổ sung các văn bản sau làm căn cứ: “Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Quốc hội số 65/2020/QH14”; “Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 63/2020/QH14”.	Tiếp thu và hoàn chỉnh tại Đề cương dự thảo Nghị quyết.
3. Dự thảo Báo cáo đánh giá tác động	Bộ Công an	Đề nghị đánh giá tác động về kinh tế - xã hội, thủ tục hành chính, hệ thống pháp luật (tích cực, tiêu cực) theo quy định Luật Ban hành VBQPPL.	Tiếp thu và hoàn chỉnh tại dự thảo Báo cáo đánh giá tác động.

**LIÊN ĐOÀN THƯƠNG MẠI
VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Số: **1156** /LĐTM-PC
V/v góp ý Hồ sơ đề nghị xây dựng
dự án Nghị quyết của Quốc hội
về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2024

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: 0062117
Ngày:	15-07-2024
Chuyên:	Cục CST.....
Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Bộ Tài chính

Trả lời Công văn số 6560/BTC-CST của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến góp ý đối với *Hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp* (sau đây gọi tắt là Dự thảo), Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), trên cơ sở ý kiến của doanh nghiệp, hiệp hội, có một số ý kiến ban đầu như sau:

1. Sự cần thiết của việc miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp

VCCI đồng ý với sự cần thiết của việc tiếp tục chính sách miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp. Chính sách này đã được thực hiện liên tục trong hơn hai thập kỷ qua và mang lại nhiều tác động tích cực cho sản xuất nông nghiệp cũng như công cuộc chống đói nghèo của Việt Nam. Nếu bây giờ khởi động lại việc thu thuế sử dụng đất nông nghiệp sẽ mất rất nhiều thời gian, công sức cho các thủ tục xác định số tiền thuế cũng như công tác thu nộp, trong khi số tiền thuế thu được chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng thu ngân sách.

2. Về thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp

Bộ Tài chính đưa ra hai phương án về thời gian miễn thuế là 5 năm và 10 năm. VCCI đề nghị lựa chọn phương án miễn thuế 10 năm nhằm bảo đảm sự ổn định chính sách. Hiện nay, nhiều doanh nghiệp đang có xu hướng đầu tư vào sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, liên kết chuỗi giá trị trong nước cũng như xuất khẩu, áp dụng công nghệ cao trong nông nghiệp. Những dự án đầu tư này đòi hỏi số vốn lớn, thời gian thu hồi vốn kéo dài nên rất cần sự ổn định về chính sách để các doanh nghiệp yên tâm lên kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Trên đây là một số ý kiến ban đầu của Liên đoàn Thương mại và Công

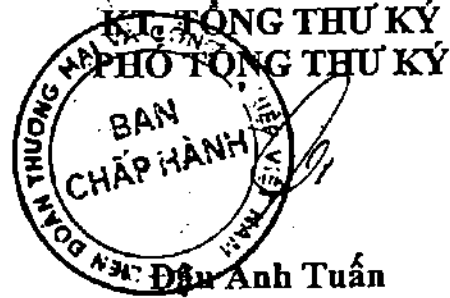
ngành Việt Nam đối với *Hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp*. Rất mong quý Cơ quan soạn thảo cân nhắc để chỉnh sửa, hoàn thiện.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của quý Cơ quan

Nơi nhận:

- Như trên;
- VPQH, VPCP, BTP;
- Ban Thường trực (để báo cáo);
- Lưu VT, PC.

TM. BAN THƯỜNG TRỰC



ỦY BAN TRUNG ƯƠNG
MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM
BAN THƯỜNG TRỰC

Số: 8650/MTTW-BTT

V/v tham gia ý kiến về Hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp

PA
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 7 năm 2024

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN SỐ:.....065418.....	
Ngày: 24-07-2024	
Chuyên.....	
Số và ký hiệu HS:.....	

Kính gửi: Bộ Tài chính.

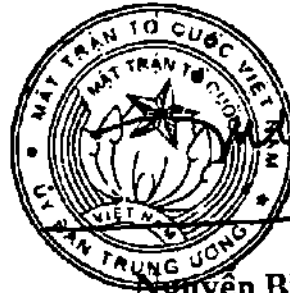
Phúc đáp Công văn số 6560/BTC-CST ngày 25/6/2024 của Bộ Tài chính về việc tham gia ý kiến về Hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp; sau khi nghiên cứu, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thống nhất với nội dung Hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội nêu trên.

Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trân trọng gửi Bộ Tài chính tổng hợp báo cáo.

Nơi nhận:

- Như trên;
- PCT-TTK UBTW MTTQ VN (để b/c);
- Lưu: VT, KHTC.

TL. BAN THƯỜNG TRỰC
CHÁNH VĂN PHÒNG



Nguyễn Bình Minh



BỘ NGOẠI GIAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 3234 /BNG-LPQT

V/v góp ý hồ sơ lập đề nghị xây dựng
Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế
sử dụng đất nông nghiệp

Hà Nội, ngày 22 tháng 7 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Phúc Công văn số 6560/BTC-CST ngày 25/6/2024 của Quý Bộ đề nghị góp ý hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp, trong phạm vi phụ trách, Bộ Ngoại giao có ý kiến như sau:

1. Bộ Ngoại giao nhất trí với sự cần thiết xây dựng Nghị quyết của Quốc hội để kéo dài thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030 để tiếp tục thể chế hóa quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Việc tiếp tục kéo dài thời gian miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp sẽ tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân đầu tư vào lĩnh vực này, góp phần tái cơ cấu ngành nông nghiệp, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia và ổn định kinh tế - xã hội.

2. Hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết cơ bản đáp ứng được theo yêu cầu của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020). Do đó, Bộ Ngoại giao nhất trí với hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết nêu trên.

Trên đây là ý kiến của Bộ Ngoại giao để Quý Bộ tổng hợp. *[Handwritten mark]*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: HC, LPQT.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC



[Handwritten signature]
Nguyễn Minh Vũ

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4183 /BNV - PC
V/v góp ý hồ sơ đề nghị xây dựng dự
án Nghị quyết của Quốc hội về miễn
thuế sử dụng đất nông nghiệp

Hà Nội, ngày 19 tháng 7 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính

Trả lời Công văn số 6560/BTC-CST ngày 25/6/2024 của Bộ Tài chính về việc góp ý hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp, Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:

Thống nhất với hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp nhằm thể chế hoá chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông dân, nông thôn, góp phần thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nâng cao hơn nữa giá trị sản phẩm nông nghiệp, từ đó nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Trên đây là ý kiến của Bộ Nội vụ, đề nghị Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TT. Triệu Văn Cường;
- Lưu: VT, PC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Triệu Văn Cường

BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *2767*/BQP-TC

Hà Nội, ngày *16* tháng 7 năm 2024

V/v tham gia ý kiến vào hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN số: <i>63100.237</i>	
Ngày 18-07-2024	
Chuyển: <i>Cục CST</i>	
Số và ký hiệu HS: <i>.....</i>	

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Bộ Quốc phòng nhận được Văn bản số 6560/BTC-CST ngày 25/6/2024 của Bộ Tài chính về việc tham gia ý kiến vào hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp (dự án Nghị quyết) theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Sau khi nghiên cứu hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết, Bộ Quốc phòng có ý kiến như sau:

1. Tại khoản 1 Mục II (Mục tiêu, quan điểm xây dựng Nghị quyết) của dự thảo Tờ trình, đề nghị bổ sung nội dung: Đảm bảo an ninh lương thực quốc gia và ổn định kinh tế - xã hội.
2. Tại điểm 1.3 khoản 1 (Chính sách 1: Nghiên cứu quy định về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp) Mục V của dự thảo Tờ trình, đề nghị lựa chọn giải pháp 1: Quy định tiếp tục thực hiện chính sách miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.
3. Tại điểm 2.3 khoản 2 (Chính sách 2: Nghiên cứu quy định về thời hạn miễn thuế) Mục V của dự thảo Tờ trình, đề nghị lựa chọn giải pháp 1: Quy định thời gian miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp từ 01/01/2026 đến hết ngày 31/12/2030).

Đề nghị Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- C41;
- Lưu: VT, THBĐ.TN05b.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Thượng tướng Vũ Hải Sản

**BỘ CÔNG AN
CỤC AN NINH KINH TẾ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 6998/ANKT-ANTCĐT
V/v tham gia ý kiến hồ sơ đề nghị
xây dựng dự án Nghị quyết của
Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất
nông nghiệp

Hà Nội, ngày 22 tháng 7 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính
(Cục Quản lý, giám sát chính sách thuế, phí và lệ phí)

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: 064812
Ngày:	22-07-2024
Chuyên:
Số và lệ phí:	HS:.....

Trả lời Công văn số 6560/BTC-CST ngày 25/6/2024 của Bộ Tài chính về việc tham gia ý kiến hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp; Cục An ninh kinh tế - Bộ Công an có ý kiến như sau:


1. Đối với Báo cáo đánh giá tác động chính sách đề nghị xây dựng Nghị quyết về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp, đề nghị đối với mỗi chính sách cần đánh giá tác động về kinh tế - xã hội, tác động của thủ tục hành chính, tác động đối với hệ thống pháp luật (gồm mặt tích cực, mặt tiêu cực) theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi bởi điểm a, b khoản 3 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Đề nghị cơ quan chủ trì nghiên cứu xây dựng Nghị quyết đảm bảo phù hợp với quan điểm, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước và thông lệ quốc tế, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Cục An ninh kinh tế - Bộ Công an trao đổi để Bộ Tài chính biết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Cục trưởng Nguyễn Đình Thuận (để báo cáo);
- Văn phòng Bộ Công an (để theo dõi);
- Phòng Tham mưu tổng hợp (để theo dõi);
- Lưu: VT, ANKT(ANTCĐT).BQK(06b).

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHỤ CỤC TRƯỞNG**

Đã tá Đỗ Quang Phương

Số: 2989/BVHTTDL-KHTC

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2024

V/v góp ý hồ sơ dự thảo Nghị quyết của Quốc hội
về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phúc đáp Công văn số 6560/BTC-CST ngày 25/6/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp (gọi tắt là hồ sơ dự thảo Nghị quyết Quốc hội), Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có ý kiến như sau:

1. Thống nhất với sự cần thiết nghiên cứu ban hành chính sách miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp nhằm tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp.

2. Đề hồ sơ dự thảo Nghị quyết Quốc hội được hoàn thiện hơn, đề nghị Bộ Tài chính cân nhắc một số nội dung sau:

- Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung nêu rõ căn cứ pháp lý để lập đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

- Tại Chính sách 1: Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung làm rõ căn cứ và lý do lựa chọn giải pháp kéo dài thời gian thực hiện miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp theo quy định tại Nghị quyết số 55/2010/QH12, Nghị quyết số 28/2016/QH14 và Nghị quyết số 107/2020/QH15 mà không chọn giải pháp xây dựng Luật thay thế Luật thuế sử dụng đất nông nghiệp năm 1993, trong khi theo đánh giá của Bộ Tài chính thì đây là "Luật có những quy định không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam".

Trên đây là ý kiến của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi Bộ Tài chính hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết của Quốc hội./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Trịnh Thị Thủy;
- Lưu: VT, KHTC, T.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



Trịnh Thị Thủy



Bộ Xây dựng
04-07-2024
16:34:22 +07:00

BỘ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3854 /BXD-KHTC
V/v tham gia ý kiến về hồ sơ đề
nghị xây dựng dự án Nghị quyết
của Quốc hội về miễn thuế sử
dụng đất nông nghiệp.

Hà Nội, ngày 04 tháng 7 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính

Bộ Xây dựng nhận được văn bản số 6560/BTC-CST ngày 25/6/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Sau khi nghiên cứu dự thảo Tờ trình, dự thảo Đề cương dự thảo Nghị quyết, dự thảo Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện các chính sách thuế liên quan đến bất động sản, dự thảo Báo cáo đánh giá tác động đề nghị xây dựng Nghị quyết kèm theo văn bản số 6560/BTC-CST ngày 25/6/2024 của Bộ Tài chính nêu trên, Bộ Xây dựng thống nhất với nội dung hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Trên đây là ý kiến của Bộ Xây dựng, đề nghị Bộ Tài chính tổng hợp./. *đ*

Nơi nhận:

- Như trên;
- BT Nguyễn Thanh Nghị (để báo cáo);
- Lưu: VT, Vụ KHTC.

KT BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Sinh

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 7560 /BGTVT-TC

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2024

V/v tham gia ý kiến về hồ sơ đề nghị
xây dựng dự án Nghị quyết của
Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất
nông nghiệp

Kính gửi: Bộ Tài chính

Bộ Giao thông vận tải (Bộ GTVT) nhận được Văn bản số 6560/BTC-CST ngày 25/6/2024 của Bộ Tài chính về việc xin ý kiến về hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp. Sau khi nghiên cứu, Bộ GTVT có ý kiến như sau:

Hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết không điều chỉnh đến các nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ GTVT. Do đó, nhằm mục tiêu tiếp tục thực hiện chủ trương xóa đói, giảm nghèo của Đảng, Nhà nước, hỗ trợ đối với nông dân, khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp, đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia và ổn định kinh tế - xã hội, Bộ GTVT cơ bản thống nhất với chủ trương kéo dài thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp và việc đánh giá tác động của chính sách trong thời điểm hiện nay.

Trên đây là ý kiến của Bộ GTVT gửi Bộ Tài chính nghiên cứu, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên; *ls*
- Bộ trưởng (đề b/c);
- Lưu: VT, TC (Tuần).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Duy Lâm



KY SUC THANH TRA
CHINH PHU
Email:
info@thanhtra.gov.vn
Cơ quan THANH TRA
CHÍNH PHỦ
Ngày ký: 19/07/2024
15:34:23 +07:00

THANH TRA CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **1484** TTCP-V.11

Hà Nội, ngày **15** tháng 7 năm 2024

V/v lấy ý kiến xây dựng dự án Nghị
quyết miễn thuế SDD nông nghiệp

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phúc đáp Văn bản số 6560/BTC-CST ngày 25/6/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp; Thanh tra Chính phủ đề nghị Bộ Tài chính theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền thực hiện rà soát, tiếp thu ý kiến các bộ, ngành và cơ quan có liên quan để hoàn thiện, báo cáo Chính phủ theo quy định.

Thanh tra Chính phủ trân trọng phúc đáp. *[Handwritten signature]*

Nơi nhận: *[Handwritten mark]*

- Như trên;
- Tổng Thanh tra Chính phủ (để b/c);
- Phó Tổng TTCP Bùi Ngọc Lam;
- Lưu: VT, Vụ II.1

KT. TỔNG THANH TRA
PHÓ TỔNG THANH TRA



Bùi Ngọc Lam

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2956 /BT-TT-KHTC

V/v ý kiến đối với hồ sơ đề nghị
xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội
về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp

Hà Nội, ngày 23 tháng 07 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính

Bộ Thông tin và Truyền thông nhận được công văn số 6560/BTC-CST ngày 26/06/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp; Bộ Thông tin và Truyền thông có ý kiến như sau:

Bộ Thông tin và Truyền thông thống nhất với sự cần thiết ban hành Nghị quyết để duy trì kết quả đạt được của việc miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp của giai đoạn trước; tiếp tục khuyến khích tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; khuyến khích kinh tế trang trại; góp phần chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Các nội dung chi tiết tại hồ sơ kèm theo công văn số 6560/BTC-CST, Bộ Thông tin và Truyền thông không có ý kiến khác.

Trân trọng./ *ux*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Bùi Hoàng Phương;
- Lưu: VT, KHTC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Bùi Hoàng Phương

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 6014 /NHNN-PC
V/v góp ý đối với hồ sơ đề nghị xây
dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội
về miễn thuế sử dụng đất nông
nghiệp

Hà Nội, ngày 19 tháng 07 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính

Ngân hàng Nhà nước nhận được Công văn số 6560/BTC-CST ngày 25/6/2024 của Bộ Tài chính về đề nghị tham gia góp ý đối với hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp. Sau khi nghiên cứu, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam không có ý kiến thêm đối với hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết.

Trên đây là ý kiến của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xin gửi quý Bộ

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thống đốc (để b/c);
- PTĐ Đoàn Thái Sơn;
- Lưu VP, PC2.NTLinh.

**KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC**



Đoàn Thái Sơn

**ĐÀI TRUYỀN HÌNH
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 906 /THVN-VP

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2024

V/v góp ý hồ sơ đề nghị xây dựng dự án
Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế
sử dụng đất nông nghiệp.

Kính gửi: Bộ Tài chính

Đài Truyền hình Việt Nam nhận được Công văn số 6560/BTC-CST ngày 25/6/2024 của Bộ Tài chính đề nghị góp ý hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp bao gồm: Tờ trình, Đề cương dự thảo Nghị quyết và Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện các chính sách thuế liên quan đến bất động sản (sau đây gọi tắt là Hồ sơ dự thảo).

Sau khi nghiên cứu, Đài Truyền hình Việt Nam nhất trí với nội dung của Hồ sơ dự thảo.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng Giám đốc (để báo cáo);
- VP (P.TKTHPC);
- Lưu: VT, VP.

TRUNG TÂM ĐIỀU HÀNH VÀ PHÒNG
TRUYỀN HÌNH VIỆT NAM
GIÁM ĐỐC
PHÒNG

Lê Quyền

**THÔNG TẤN XÃ
VIỆT NAM**

Số: 794/TTX-VP

V/v góp ý hồ sơ đề nghị xây dựng dự
án Nghị quyết của Quốc hội về miễn
thuế sử dụng đất nông nghiệp.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 12 tháng 7 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Phúc đáp Công văn số 6550/BTC-CST ngày 25/6/2024 về việc lấy ý kiến
về hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng
đất nông nghiệp;

Sau khi nghiên cứu, Thông tấn xã Việt Nam nhận thấy dự thảo đã thực hiện
chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông
thôn; khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, góp
phần tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Việc tiếp tục miễn thuế sử dụng đất nông
nghiệp trong thời gian tới sẽ là một trong các chính sách tài chính hữu hiệu của
Nhà nước trong việc khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư vào sản xuất đất nông
nghiệp, phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại hóa, chuyên canh hóa tập
trung, quy mô, từ đó cụ thể hóa các mục tiêu phát triển nông nghiệp, nông dân
và nông thôn nước ta những năm tiếp theo.

Trên cơ sở đó, Thông tấn xã Việt Nam nhất trí với nội dung dự thảo và
không có ý kiến khác. Xin gửi Bộ Tài chính để tổng hợp chung. / *Uhu*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VP (THKTPC).

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Tuấn Hùng

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2109 /BHXH-TCKT

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2024

V/v tham gia ý kiến đối với hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp

Kính gửi: Bộ Tài chính

Bảo hiểm xã hội Việt Nam nhận được Công văn số 6560/BTC-CST ngày 25/6/2024 của Bộ Tài chính về việc tham gia ý kiến đối với hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Sau khi nghiên cứu, về cơ bản Bảo hiểm xã hội Việt Nam nhất trí với các nội dung dự thảo tại hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp, gồm: Tờ trình Chính phủ về đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp; Đề cương dự thảo Nghị quyết về kéo dài thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp được quy định tại Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24/11/2010 của Quốc hội về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11/11/2016 của Quốc hội và Nghị quyết số 107/2020/QH14 ngày 10/6/2020 của Quốc hội; Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện các chính sách thuế liên quan đến bất động sản; Báo cáo đánh giá tác động đề nghị xây dựng Nghị quyết về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp. Đối với những nội dung không thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Bảo hiểm xã hội Việt Nam không có ý kiến tham gia.

Bảo hiểm xã hội Việt Nam kính gửi Bộ Tài chính để tổng hợp. /*RC*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng Giám đốc (để b/c);
- Lưu: VT, TCKT.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Lê Hùng Sơn

**BAN QUẢN LÝ LĂNG
CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ký bởi Ban Quản lý
Lăng Chủ tịch Hồ Chí
Minh,
Cơ quan Ban Quản lý
Lăng Chủ tịch Hồ Chí
Minh.
Ngày ký: 11-07-2024
13:43:16 +07:00

Số: 1177/BQLL-VP

Hà Nội, ngày 11 tháng 7 năm 2024

V/v lấy ý kiến về hồ sơ đề nghị
xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội
về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Căn cứ Công văn số 6560/BTC-CST ngày 25/6/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp,

Theo đó, Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh (Ban Quản lý Lăng) nhất trí với các nội dung trong hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Ban Quản lý Lăng trân trọng báo cáo Bộ Tài chính để tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng BQL Lăng;
- Lưu: VT, KHTC. H04.



Phạm Hải Trung

**VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1661 /VHL-KHTC

Hà Nội, ngày 17 tháng 7 năm 2024

V/v góp ý hồ sơ đề nghị xây dựng dự án
Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng
đất nông nghiệp

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Công văn số 6560/BTC-CST ngày 25/6/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam có ý kiến như sau:

Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam đã nghiên cứu hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội do Quý Bộ soạn thảo và không có ý kiến gì thêm..

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch Viện Hàn lâm (đề b/c);
- Lưu: VT, KHTC. NTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Trường Giang

**BỘ NỘI VỤ
BAN TÔN GIÁO CHÍNH PHỦ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1267/TGCP-TTPC

Hà Nội, ngày 19 tháng 7 năm 2024

V/v góp ý kiến HS đề nghị xây dựng
dự án Nghị quyết của Quốc hội về
miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp

Kính gửi: Bộ Tài chính

Ban Tôn giáo Chính phủ nhận được Công văn số 6560/BTC-CST ngày 25/6/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Sau khi nghiên cứu các văn bản, Ban Tôn giáo Chính phủ thống nhất với hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết (Tờ trình, Đề cương dự thảo Nghị quyết, Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện các chính sách thuế liên quan bất động sản, Báo cáo đánh giá tác động đề nghị xây dựng Nghị quyết về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp).

Đối với các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề tại dự thảo Báo cáo đánh giá tác động đề nghị xây dựng Nghị quyết về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp, trên cơ sở phân tích các tác động tích cực và tiêu cực của các giải pháp, Ban Tôn giáo Chính phủ thống nhất việc lựa chọn giải pháp 01 của Bộ Tài chính.

Ban Tôn giáo Chính phủ trân trọng gửi Bộ Tài chính để tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trưởng ban Vũ Hoài Bắc (để b/c);
- Chánh Văn phòng (để biết);
- Lưu: VT, TTPC.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Tiến Trọng

14

ĐÀI TIẾNG NÓI VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1915/TNVN - KHTC
V/v đóng góp ý kiến về hồ sơ đề nghị
xây dựng dự án Nghị quyết
của Quốc hội về miễn thuế
sử dụng đất nông nghiệp

Hà Nội, ngày 17 tháng 7 năm 2024

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN Số:	065054
Ngày:	23-07-2024
Chuyên:	Cục CST
Số và ký hiệu HS:	

Kính gửi: Bộ Tài chính

Đài Tiếng nói Việt Nam (TNVN) nhận được Văn bản số 6560/BTC-CST ngày 25/6/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp, Đài TNVN có ý kiến như sau:

Sau khi nghiên cứu, xem xét nội dung dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp và các văn bản có liên quan, Đài TNVN nhận thấy rằng việc thực hiện miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp góp phần hỗ trợ trực tiếp người nông dân, khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông dân, nông thôn; khuyến khích tập trung đất đai để sản xuất nông nghiệp với quy mô lớn, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng hiện đại hóa, góp phần cải thiện, nâng cao đời sống nông dân, tạo việc làm cho khu vực nông thôn, khuyến khích người nông dân gắn bó hơn với đất, yên tâm đầu tư sản xuất nông nghiệp; góp phần nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp trên thị trường trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

Đài TNVN cơ bản nhất trí với các nội dung được đưa ra tại Tờ trình dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp do Bộ Tài chính soạn thảo.

Đài TNVN trân trọng báo cáo. / *C*

Nơi nhận
- Như trên;
- Lưu: VT, KHTC.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Minh Hùng

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH BẮC KẠN**

Số: 1377 /CTBCA-NVDTPC
V/v tham gia ý kiến về hồ sơ đề
nghị xây dựng dự án Nghị quyết
của Quốc hội về miễn thuế sử dụng
đất nông nghiệp

14
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bắc Kạn, ngày 19 tháng 7 năm 2024

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN Số:.....6/12/17.107	Kính gửi:
Ngày 22-07-2024	- Bộ Tài chính;
Chuyên:.....Cục...CST.....	- Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn.
Số và ký hiệu HS:.....	

Thực hiện Công văn số 6560/BTC-CST ngày 25/6/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp; Công văn số 4498/UBND-TH ngày 03/7/2024 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc tham gia ý kiến về hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Cục Thuế đã triển khai, phối hợp với các Sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố; Chi cục Thuế các huyện, khu vực để tham gia ý kiến xây dựng dự thảo. Qua nghiên cứu và tổng hợp ý kiến của các đơn vị đều nhất trí với nội dung và không có ý kiến bổ sung về hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Cục Thuế tỉnh Bắc Kạn báo cáo Bộ Tài chính, UBND tỉnh Bắc Kạn được biết./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- UBND tỉnh (báo cáo);

- Lãnh đạo Cục.

Gửi bản giấy:

- Bộ Tài chính;

- Lưu: VT, NVDTPC (Huyen.01b).

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Trần Việt Thành

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đồng Tháp, ngày 16 tháng 7 năm 2024

Số: 1168/CT-NVDTPC
V/v ý kiến về hồ sơ đề nghị xây dựng
dự án Nghị quyết của Quốc hội về
miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp

BỘ TÀI CHÍNH
ĐẾN số: 62687: BDT
Ngày 22-07-2024
Chuyên: *Qu. CST*
Số và ký hiệu HS: *Thực hiện*

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện công văn số 1527/VPUBND-KT ngày 30/6/2024 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc tham gia ý kiến về hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Qua nghiên cứu dự thảo tờ trình về đề nghị dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp của Bộ Tài chính, Cục Thuế tỉnh Đồng Tháp có ý kiến như sau:

- Về quy định về miễn thuế SDĐNN đảm bảo phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước và phù hợp với tình hình phát triển KT-XH: Thống nhất chọn theo Giải pháp 1: Quy định tiếp tục thực hiện chính sách miễn thuế SDĐNN.

- Về việc quy định cụ thể về thời hạn miễn thuế SDĐNN: Thống nhất theo Giải pháp 1: Quy định thời gian miễn thuế SDĐNN là 5 năm (tiếp tục miễn thuế SDĐNN từ 01/01/2026 đến hết ngày 31/12/2030).

Các nội dung khác, Cục Thuế tỉnh Đồng Tháp thống nhất với nội dung tờ trình.

Cục Thuế tỉnh Đồng Tháp có ý kiến đến Bộ Tài chính.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND Tỉnh (báo cáo);
- LĐ Cục;
- Lưu VT, NVDTPC.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Đoàn Hữu Hiếu

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2090 /CT-HKDCN

Đắk Lắk, ngày 18 tháng 7 năm 2024

V/v góp ý hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: ... 63206..BĐT.
Ngày	22 -07- 2024
Chuyên:	... Cục CST.....
Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk tại Công văn số 5819/UBND-KT ngày 02/07/2024 về việc góp ý hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp (triển khai Công văn số 6560/BTC-CST ngày 25/6/2024 của Bộ Tài chính); theo đó, Ủy ban nhân dân tỉnh giao Cục Thuế chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan, trên cơ sở ý kiến đề nghị của Bộ Tài chính tại Công văn số 6560/BTC-CST ngày 25/6/2024, nghiên cứu, chủ động có Văn bản góp ý gửi Bộ Tài chính theo đúng nội dung và thời gian được đề nghị.

Ngày 03/7/2024, Cục Thuế có Công văn số 1918/CTĐLA-HKDCN gửi các Sở liên quan đề nghị góp ý hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Qua nghiên cứu tài liệu của Bộ Tài chính và trên cơ sở văn bản góp ý kiến của các Sở, Cục Thuế tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính như sau: Thống nhất với hồ sơ đề nghị xây dựng dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật hiện hành thì cụm từ "dự án" văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sử dụng đối với việc xây dựng, ban hành "Luật, Pháp lệnh"; đối với Nghị quyết của Quốc hội thì sẽ sử dụng cụm từ "dự thảo Nghị quyết"; do vậy, đề nghị Bộ Tài chính rà soát, không sử dụng cụm từ "dự án Nghị quyết" trong hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết.

Vậy Cục Thuế báo cáo Bộ Tài chính được biết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (Báo cáo);
- Lãnh đạo Cục;
- Lưu: VT, HKDCN (02b).



Nguyễn Công Tùng

PA

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3396CTQNG-NVDTPC
V/v góp ý về hồ sơ xây dựng Nghị quyết
của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất
nông nghiệp

Quảng Ngãi, ngày 19 tháng 7 năm 2024

BỘ TÀI CHÍNH
ĐẾN số: ... 6386Q. 8ĐT
Ngày 22-07-2024
Chuyển: ... Au. CST.....
Số và ký hiệu HS: ... CST ngày

Kính gửi: Bộ Tài chính,

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Tài chính tại Công văn số 6560/BTC-CST ngày 25/6/2024 và chỉ đạo của UBND tỉnh Quảng Ngãi tại Công văn số 3421/UBND-KTTH ngày 01/7/2024 về việc lấy ý kiến về hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp. Qua nghiên cứu nội dung, Cục Thuế có ý kiến tham gia như sau:

- Tại điểm 1.3, khoản 1, Mục V dự thảo Tờ trình.

1.3. Giải pháp thực hiện chính sách và lý do lựa chọn giải pháp: Chọn giải pháp 1: Quy định tiếp tục thực hiện chính sách miễn thuế SDĐNN.

- Tại điểm 2.3, khoản 2, Mục V dự thảo Tờ trình.

2.3. Giải pháp thực hiện chính sách và lý do lựa chọn giải pháp: Chọn giải pháp 1: Quy định thời gian miễn thuế SDĐNN là 05 năm (tiếp tục miễn thuế SDĐNN từ ngày 01/01/2026 đến 31/12/2030).

- Các nội dung còn lại, Cục Thuế thống nhất với dự thảo.

Cục Thuế tỉnh Quảng Ngãi có ý kiến tham gia nêu trên, gửi Bộ Tài chính tổng hợp. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Lưu: VT, NVDTPC.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Đinh Khanh

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 6017 /CTQNA-NVDTPC
V/v tham gia góp ý dự án Nghị quyết của
Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất
nông nghiệp

Quảng Nam, ngày 18 tháng 7 năm 2024

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN số:...	63234.101
Ngày	22-07-2024
Chuyên:...	Cục...CST.....
Số và ký hiệu HS:.....	

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh Quảng Nam tại Công văn số 4775/UBND-KTTH ngày 27/6/2024 về việc giao Cục Thuế chủ trì phối hợp với các Sở, ngành liên quan nghiên cứu, tham gia ý kiến đối với hồ sơ xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp gửi Bộ Tài chính (thay UBND tỉnh), Cục Thuế tỉnh Quảng Nam có ý kiến như sau:

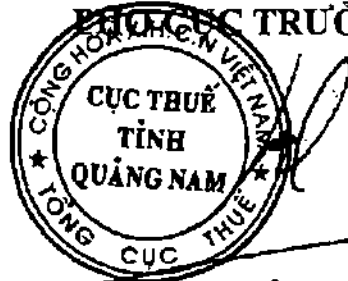
Thông nhất hồ sơ dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Cục Thuế kính báo cáo Bộ Tài chính xem xét tổng hợp. *[Handwritten signature]*

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Lưu: VT, NVDTPC.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Lê Mai Khắc Hưng

14

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3152/CTTNG-HKDCN

Thái Nguyên, ngày 19 tháng 7 năm 2024

V/v tham gia ý kiến đối với hồ sơ
đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết
của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất
nông nghiệp

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: 63912.087
Ngày 22-07-2024	
Chuyển: Cục CST	
Số và ký hiệu HS:	

Kính gửi: Bộ Tài chính

Ngày 08/7/2024, Cục Thuế tỉnh Thái Nguyên nhận được công văn số 3732/UBND-KT ngày 08/7/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc tham gia ý kiến đối với hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp, trong đó giao Cục Thuế tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiên cứu hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp của Bộ Tài chính và có ý kiến tham gia bằng văn bản báo cáo Bộ Tài chính..

Sau khi lấy ý kiến và tổng hợp ý kiến tham gia của các Sở, Ban, ngành liên quan trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, các đơn vị nhất trí và không có ý kiến gì khác đối với hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Cục Thuế tỉnh Thái Nguyên tổng hợp, báo cáo Bộ Tài chính./.

Nơi nhận: *Ước*

- Như trên;
- UBND tỉnh Thái Nguyên (Báo cáo);
- Lưu: VT, HKDCN.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Triệu Thị Kim Yến

14

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 6103/UBND-TH₂
V/v góp ý hồ sơ đề nghị xây
dựng dự án Nghị quyết của Quốc
hội về miễn thuế sử dụng đất
nông nghiệp

Lâm Đồng, ngày 20 tháng 7 năm 2024

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN số: ...6112914...BĐT	
Ngày 24-07-2024	
Chuyên: ...Cục...CST.....	
Số và ký hiệu HS:.....	

Kính gửi: Bộ Tài chính

Sau khi nghiên cứu hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp gửi kèm Văn bản số 6560/BTC-CST ngày 25/6/2024 của Bộ Tài chính; Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng thống nhất với hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng đề nghị Bộ Tài chính tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét theo quy định. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh;
- LĐVP;
- Lưu: VT, TH₂.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Ngọc Hiệp

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH VINH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4489 /UBND-TH

Vinh Long, ngày 18 tháng 7 năm 2024

V/v góp ý hồ sơ đề nghị xây
dựng dự án Nghị quyết của
Quốc hội về miễn thuế sử dụng

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐỀ	Số: 63695/BT.
Ngày	22-07-2024
Chuyên:	Cuu.CST.....
Số và ký hiệu HS:	

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Công văn số 6560/BTC-CST ngày 25/6/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp,

Qua nghiên cứu, Ủy ban nhân dân tỉnh Vinh Long cơ bản thống nhất với hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp kèm theo Công văn số 6560/BTC-CST của Bộ Tài chính.

Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân tỉnh Vinh Long đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu điều chỉnh nội dung: "..... *Giá thóc thu thuế do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định sát giá thị trường và không được thấp hơn 10% so với giá thị trường tại địa phương.....*" tại trang 2 của dự thảo Tờ trình về đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp cho phù hợp theo quy định tại Điều 17 Luật Thuế sử dụng đất nông nghiệp: "..... *Giá thóc thu thuế do UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định được thấp hơn không quá 10% so với giá thị trường ở địa phương trong vụ thu thuế.*"

Ủy ban nhân dân tỉnh Vinh Long báo cáo Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp. *J.L*

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT, 38.TH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đặng Văn Chính
Đặng Văn Chính

UBND TỈNH SƠN LA
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2481 /STC-QLNS

Sơn La, ngày 12 tháng 7 năm 2024

V/v Tham gia ý kiến vào dự thảo tờ trình về xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện công văn số 6560/BTC-CST ngày 25/6/2024 của Bộ Tài chính về xin ý kiến vào dự thảo tờ trình về đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp và ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại công văn số 2803/UBND-TH ngày 28/6/2024.

Căn cứ ý kiến tham gia của Cục thuế tỉnh và các đơn vị có liên quan, sau khi nghiên cứu, Sở Tài chính nhất trí với dự thảo tờ trình về đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp

Trân trọng đề nghị Bộ Tài chính tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh; (Đề b/c)
- Lãnh đạo Sở Tài chính;
- Lưu: VT, T.Tra, QLNS, Toàn 2 bản.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Đỗ Thế Hường

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1148 /UBND-KTTH
V/v tham gia hồ sơ đề nghị xây dựng
dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn
thuế sử dụng đất nông nghiệp

Hòa Bình, ngày 16 tháng 7 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Công văn số 6560/BTC-CST ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Bộ Tài chính lấy ý kiến về hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình nhất trí với nội dung dự thảo Nghị quyết về kéo dài thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp và các văn bản liên quan do Bộ Tài chính soạn thảo.

Đề nghị Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh;
- Chánh VP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HK.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Quách Tất Liêm

94

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2249/STC-QLGCS

Bình Dương, ngày 12 tháng 7 năm 2024

V/v góp ý về hồ sơ đề nghị xây
dựng dự án Nghị quyết của
Quốc hội về miễn thuế sử dụng
đất nông nghiệp

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số:.....01.3.9.3.HĐ
Ngày:	19-07-2024
Chuyên:	Chức vụ
Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Bộ Tài

Thực hiện ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương tại Công văn số 3309/UBND-KT ngày 27/6/2024 về việc góp ý về hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp (kèm Công văn số 6560/BTC-CST ngày 25/6/2024 của Bộ Tài chính).

Trên cơ sở ý kiến của các đơn vị có liên quan (kèm theo), Sở Tài chính tỉnh Bình Dương thống nhất với hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp đính kèm theo Công văn số 6560/BTC-CST.

Sở Tài chính tỉnh Bình Dương kính gửi Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, QLGCS.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
SỞ
TÀI CHÍNH
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Lê Thị Thanh Thúy

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2716 /UBND-TH

Bạc Liêu, ngày 15 tháng 7 năm 2024

V/v góp ý hồ sơ đề nghị xây dựng
dự án Nghị quyết của Quốc hội về
miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp
của Bộ Tài chính

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Ủy ban nhân dân tỉnh nhận được Công văn số 6560/BTC-CST ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Sau khi nghiên cứu, Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu thống nhất về hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp của Bộ Tài chính.

Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu báo cáo Bộ Tài chính theo yêu cầu. Trần

Nơi nhận: nh

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PCVP UBND tỉnh (đ/c VT);
- Sở Tài chính;
- TP Tổng hợp;
- Lưu: VT, BT (CV20).

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Trần Trung Vĩ
Trần Trung Vĩ

TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH BẮC GIANG

Số: 5045 /CTBGI-HKDCN

V/v lấy ý kiến về hồ sơ đề nghị xây dựng
dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn
thuế sử dụng đất nông nghiệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Giang, ngày 1 tháng 7 năm 2024

Kính gửi:

- Bộ Tài chính;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang.

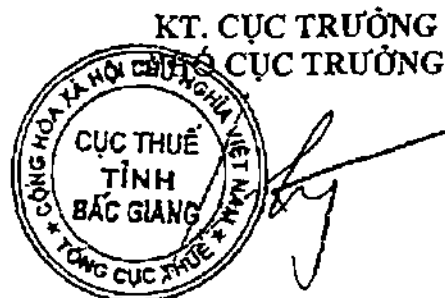
Thực hiện Công văn số 3425/UBND-KTTH ngày 26/6/2024 của UBND tỉnh Bắc Giang, Công văn số 6560/BTC-CST ngày 25/6/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Sau khi nghiên cứu, rà soát và tổng hợp ý kiến tham gia của các đơn vị, Cục Thuế tỉnh Bắc Giang nhất trí với bố cục, nội dung của các báo cáo, tờ trình, đề cương dự thảo Nghị quyết, các phương án lựa chọn của Bộ Tài chính liên quan đến miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp, việc kéo dài thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp được quy định tại Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 của Quốc hội về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Quốc hội và Nghị quyết số 107/2020/QH14 ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030 là phù hợp với chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; tiếp tục hỗ trợ, tạo công ăn việc làm cho khu vực nông thôn, nâng cao thu nhập và đời sống của nông dân, góp phần xây dựng nông thôn mới cho giai đoạn tiếp theo.

Trên đây là ý kiến của Cục Thuế tỉnh Bắc Giang kính gửi Quý cơ quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Cục Thuế;
- Lưu: VT, HKDCN.



Nguyễn Văn Hùng

UBND TỈNH QUẢNG TRỊ
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1463 /STC-QLG&CS
V/v tham gia ý kiến về hồ sơ đề nghị
xây dựng dự án Nghị quyết của
Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất
nông nghiệp.

Quảng Trị, ngày 16 tháng 7 năm 2024

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: 62464/6.2024
Ngày:	17-07-2024
Chuyên:	Que. C.T.
Số và ký hiệu HS:	

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện yêu cầu của Bộ Tài chính tại Văn bản số 6560/BTC-CST ngày 25/6/2024 về việc lấy ý kiến về hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp và ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh Quảng Trị tại Công văn số 1305/VP-KT ngày 01/7/2024 về việc tham gia ý kiến hồ sơ xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất;

Sau khi nghiên cứu, tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan đơn vị liên quan, tỉnh Quảng Trị thống nhất với nội dung của hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết.

Sở Tài chính tỉnh Quảng Trị kính gửi Bộ Tài chính tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, QLG&CS.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Anh Phương

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **3494** /UBND-NN

Trà Vinh, ngày 16 tháng 7 năm 2024

V/v góp ý hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp

Kính gửi: Bộ Tài chính

Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh nhận được Công văn số 6560/BTC-CST ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Trên cơ sở nghiên cứu hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp (gồm các dự thảo: (1) Tờ trình về đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp; (2) Đề cương Nghị quyết về kéo dài thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp được quy định tại Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 của Quốc hội về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Quốc hội và Nghị quyết số 107/2020/QH14 ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội; (3) Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện các chính sách thuế liên quan đến bất động sản; (4) Báo cáo đánh giá tác động đề nghị xây dựng Nghị quyết về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp) và báo cáo, đề xuất của ngành chức năng, Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh thống nhất với hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp kèm theo Công văn trên của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh báo cáo đến Bộ Tài chính năm, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- LĐVP: Phòng THNV;
- Lưu: VT, NN *phong* 02

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Trung Hoàng

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2355 /CTHTI-NVDTPC

Hà Tĩnh, ngày 19 tháng 7 năm 2024

V/v góp ý hồ sơ đề nghị xây dựng dự
án Nghị quyết của Quốc hội về miễn
thuế sử dụng đất nông nghiệp

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Công văn số 6560/BTC-CST ngày 25/6/2024 của Bộ Tài chính và Công văn số 3691/UBND-TH, ngày 28/6/2024 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về góp ý hồ sơ đề nghị xây dựng Dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế SDĐNN. Được sự ủy quyền của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh; sau khi lấy ý kiến của các sở ngành và địa phương về hồ sơ dự thảo Dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế SDĐNN, tỉnh Hà Tĩnh có ý kiến như sau:

- Về Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện các chính sách thuế liên quan đến bất động sản: Đồng ý như dự thảo.

- Về báo cáo đánh giá tác động đề nghị xây dựng Nghị quyết về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp: Đồng ý như dự thảo.

- Về Tờ trình đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp:

+ Tại mục 1.3. Giải pháp thực hiện chính sách quy định về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp (thuộc mục V): Đề nghị thực hiện theo Giải pháp 1. Quy định tiếp tục thực hiện chính sách miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

+ Tại mục 2.3. Giải pháp thực hiện chính sách quy định về thời hạn miễn thuế (thuộc mục V): Đề nghị thực hiện theo Giải pháp 1. Quy định thời gian miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp là 5 năm (tiếp tục miễn thuế SDĐNN từ ngày 01/01/2026 đến hết ngày 31/12/2030).

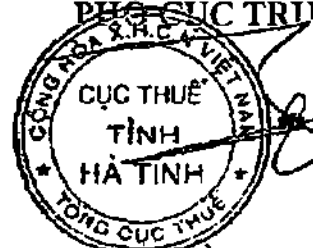
- Về Dự thảo Nghị quyết kéo dài thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp được quy định tại Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24/11/2010 của Quốc hội về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Quốc hội và Nghị quyết số 107/2020/QH14 ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội: Đồng ý như dự thảo.

Cục Thuế tỉnh Hà Tĩnh xin báo cáo Bộ Tài chính./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, NVDTPC.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Trần Nghị

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3405/CTCTH-NVDTPC
V/v góp ý kiến hồ sơ đề nghị dự án
Nghị quyết của Quốc hội về miễn
thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Cần Thơ, ngày 18 tháng 07 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện công văn số 2698/VPUB-KT ngày 03/7/2024 của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ, trong đó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố giao Cục Thuế nghiên cứu tham gia có ý kiến hồ sơ đề nghị dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp. Cục Thuế Thành phố Cần Thơ báo cáo Bộ Tài chính như sau:

Qua nghiên cứu nội dung hồ sơ dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp, Cục Thuế thống nhất với hồ sơ đề nghị dự án Nghị quyết của Quốc hội về kéo dài thời gian miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp đến hết ngày 31/12/2030.

Cục Thuế thành phố Cần Thơ kính báo cáo Bộ Tài chính.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy ban nhân dân TP (để báo cáo);
- Lãnh đạo Cục;
- Lưu VT, NVDTPC (2).

CỤC TRƯỞNG



Phan Tiến Lân

UBND TỈNH NINH BÌNH
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2068/STC-NS
V/v tham gia ý kiến về hồ sơ đề
nghị xây dựng dự án Nghị quyết của
Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất
nông nghiệp

Ninh Bình, ngày 19 tháng 7 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Văn bản số 6560/BTC-CST ngày 25/6/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp; Văn bản số 503/UBND-VP5 ngày 01/7/2024 của UBND tỉnh Ninh Bình giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham gia ý kiến vào hồ sơ xây dựng Nghị quyết nêu trên.

Sau khi phối hợp với các đơn vị có liên quan, Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình và các đơn vị thống nhất nhất trí với hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Sở Tài chính trân trọng báo cáo Bộ Tài chính./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Lưu: VT, NS.VC.

GIÁM ĐỐC



Đặng Thái Sơn

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH CAO BẰNG**

Số: 1599/CTCBA-NVDTPC
V/v góp ý kiến đối với hồ sơ đề nghị
xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về
miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Cao Bằng, ngày 19 tháng 7 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính (Vụ chính sách Thuế)

Thực hiện công văn số 6560/BTC-CST ngày 25/6/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến đối với hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Ngày 01/7/2024 Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Cao Bằng đã ban hành công văn số 1653/UBND-TH về việc góp ý đối với hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp. Cục Thuế tỉnh Cao Bằng được UBND tỉnh Cao Bằng giao nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với đơn vị liên quan nghiên cứu và góp ý đối với hồ sơ dự thảo Nghị quyết nêu trên.

Ngày 02/7/2024 Cục Thuế tỉnh Cao Bằng đã ban hành công văn số 1432/CTCBA-NVDTPC về việc xin ý kiến góp ý các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh đối và UBND các huyện, thành phố với các hồ sơ dự thảo Nghị quyết nói trên.

Qua nghiên cứu nội dung hồ sơ dự thảo Nghị quyết, ý kiến góp ý của các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh và UBND các huyện, thành phố. Cục Thuế tỉnh Cao Bằng có ý kiến như sau:

Cục Thuế tỉnh Cao Bằng nhất trí với phương án lựa chọn giải pháp 1 của dự thảo Nghị quyết: Quy định tiếp tục thực hiện chính sách miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.

Lý do: Để tiếp tục thực hiện chủ trương của Đảng và nhà nước trong việc khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Góp phần chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, nông thôn theo hướng hiện đại hóa, giảm bớt khó khăn cho người nông dân, khuyến khích đầu tư, thúc đẩy kinh tế nông nghiệp phát triển bền vững và phù hợp với bối cảnh hội nhập quốc tế. Mặt khác nguồn thu từ thuế sử dụng đất nông nghiệp rất nhỏ, chỉ mang tính chất bù đắp một phần nhỏ để hỗ trợ chính quyền thực hiện quản lý nhà nước đối với đất nông nghiệp.

Trên đây là báo cáo của Cục Thuế tỉnh Cao Bằng gửi Bộ Tài chính (Vụ chính sách Thuế) biết và tổng hợp./

Nơi nhận:

- Như trên;
- VP UBND tỉnh (b/c)
- Lãnh đạo Cục Thuế (b/c);
- Lưu: VT, NVDTPC (5).

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Thị Hồng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Số: 4246 /UBND-STC
V/v góp ý đề nghị xây dựng dự
án Nghị quyết của Quốc hội về
miễn thuế sử dụng đất nông
nghiệp

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Nông, ngày 19 tháng 7 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính

Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông nhận được Công văn số 6560/BTC-CST ngày 25/6/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Sau khi nghiên cứu, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông có ý kiến như sau:

1. Đối với quy định về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp: Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông đề nghị phương án 1: Quy định tiếp tục thực hiện chính sách miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp. Lý do: Hiện nay, cách xác định thuế sử dụng đất nông nghiệp đã lạc hậu (thuế được tính bằng thóc, thu bằng tiền). Hơn nữa, nguồn thu từ thuế sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn rất nhỏ, chỉ mang tính chất bù đắp 1 phần chi phí nhỏ để hỗ trợ chính quyền địa phương thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với đất nông nghiệp.

2. Đối với thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp: Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông đề nghị áp dụng phương án 2: Quy định thời gian miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp là 10 năm (tiếp tục miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp từ ngày 01/01/2026 đến hết ngày 31/12/2035). Lý do: Đời sống người nông dân trên địa bàn tỉnh gặp rất nhiều khó khăn, việc làm không ổn định, thu nhập thấp, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số và biên giới. Chính quyền địa phương đang tích cực hỗ trợ để đẩy nhanh Chương trình nông thôn mới, từng bước cải thiện, nâng cao đời sống người dân. Thời hạn miễn thuế 10 năm cũng phù hợp với điều kiện sản xuất, canh tác cây lâu năm của người dân trên địa bàn.

Trên đây là ý kiến góp ý của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông, kính đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, KT.

**TUO. CHỦ TỊCH
ỦY VIÊN**



NGUYỄN ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH
Nghiêm Hồng Quang

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 6029 /CTNDI-HKDCN
V/v tham gia ý kiến về hồ sơ đề nghị xây
dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về
miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Nam Định, ngày 18 tháng 7 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện văn bản số 6560/BTC-CST ngày 25/6/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

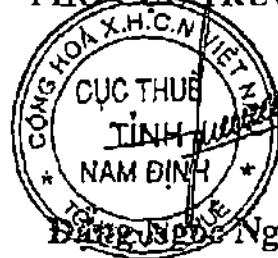
Sau khi tổ chức triển khai nghiên cứu nội dung hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp, Cục Thuế tỉnh Nam Định nhất trí với nội dung hồ sơ.

Cục Thuế Nam Định trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT; QLHKDCN&TK.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



UBND TỈNH LAI CHÂU
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:1300 /STC-QLNS

Lai Châu, ngày 18 tháng 7 năm 2024

V/v tham gia ý kiến hồ sơ đề
nghị xây dựng dự án Nghị quyết
của Quốc hội về miễn thuế sử
dụng đất nông nghiệp

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Công văn số 2453/UBND-KTN ngày 27/6/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tham gia ý kiến hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp theo Công văn số 6560/BTC-CST ngày 25/6/2024 của Bộ Tài chính về việc lập lấy ý kiến về hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp, Sở Tài chính có ý kiến như sau.


Sau khi nghiên cứu, Sở Tài chính nhất trí với hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp do Bộ Tài chính soạn thảo.

Trên đây là ý kiến tham gia của Sở Tài chính tỉnh Lai Châu kính gửi Bộ Tài chính tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND (báo cáo);
- Giám đốc Sở (báo cáo);
- Lưu: VT, QLNS.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



SỞ TÀI CHÍNH
TỈNH LAI CHÂU

Ký bởi: Sở Tài chính
Cơ quan: Tỉnh Lai Châu
Thời gian ký: 18/07/2024
Phạm Quý Dương

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2173 /UBND-KT

Tây Ninh, ngày 18 tháng 7 năm 2024

V/v ý kiến đóng góp hồ sơ đề nghị xây
dựng Nghị quyết của Quốc hội về miễn
thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Kính gửi: Bộ Tài chính.

UBND tỉnh Tây Ninh nhận được Công văn số 6560/BTC-CST ngày 15/6/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Qua nghiên cứu, UBND tỉnh Tây Ninh thông nhất hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp do Bộ Tài chính dự thảo.

Kính gửi Bộ Tài chính tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh;
- LDVP;
- Phòng KT;
- Lưu: V., VP. UBND tỉnh.

4

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH.



Trần Văn Chiến



Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng
Cơ quan: Tỉnh Sóc Trăng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

Số: 2227 /UBND-KT

V/v góp ý dự thảo hồ sơ đề nghị
xây dựng Nghị quyết của Quốc
hội về miễn thuế sử dụng đất
nông nghiệp

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Sóc Trăng, ngày 18 tháng 7 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Công văn số 6560/BTC-CST ngày 25/6/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp,

Qua nghiên cứu, Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng thống nhất dự thảo hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết nêu trên.

Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng trân trọng gửi Bộ Tài chính tổng hợp.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Thuế tỉnh;
- HTĐT: nguyennhanchinh@mof.gov.vn;
- Lưu: VT, KT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Vương Quốc Nam



Ký bởi: UBND tỉnh Lâm Đồng
Giờ ký: 20/07/2024 08:42:23

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 6103/UBND-TH₂
V/v góp ý hồ sơ đề nghị xây
dựng dự án Nghị quyết của Quốc
hội về miễn thuế sử dụng đất
nông nghiệp

Lâm Đồng, ngày 20 tháng 7 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp gửi kèm Văn bản số 6560/BTC-CST ngày 25/6/2024 của Bộ Tài chính; Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng thống nhất với hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng đề nghị Bộ Tài chính tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét theo quy định. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh;
- LĐVP;
- Lưu: VT, TH₂.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Ngọc Hiệp

UBND TỈNH YÊN BÁI
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1487 /STC-GCS&TCDN

Yên Bái, ngày 19 tháng 7 năm 2024

V/v tham gia ý kiến vào hồ sơ đề nghị
xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc
hội về miễn thuế sử dụng đất nông
nghiệp

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Văn bản số 6560/BTC-CST ngày 25/6/2024 của Bộ Tài chính và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái tại Công văn số 2262/UBND-TC ngày 29/01/2024 về việc tham gia ý kiến vào hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp. Sở Tài chính tỉnh Yên Bái đã có Công văn số 1376/STC-GCS&TCDN ngày 06/7/2024 gửi xin ý kiến tham gia của các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp và ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị. Sở Tài chính tỉnh Yên Bái tổng hợp, tham gia ý kiến như sau:

1. Cơ bản nhất trí với hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết về kéo dài thời hạn miễn giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp được quy định tại Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24/11/2010 của Quốc hội về miễn giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11/11/2016 của Quốc hội và Nghị quyết số 107/2020/QH14 ngày 10/6/2020 của Quốc hội.

2. Một số nội dung tham gia như sau:

- Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, sửa đổi Tờ trình theo đúng mẫu số 02 Tờ trình đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Phụ lục III kèm theo Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25/5/2024 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 54/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

- Về lựa chọn giải pháp tại mục V của Tờ trình hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp:

Chính sách 1: Nghiên cứu quy định về miễn giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp. *Lựa chọn giải pháp 1 tiếp tục thực hiện chính sách về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.*

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2091 /CTPHY-NVDTPC
V/v góp ý hồ sơ đề nghị xây dựng dự
án Nghị quyết của Quốc hội về miễn
thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Phú Yên, ngày 18 tháng 7 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh Phú Yên tại Công văn số 3818/UBND-KT ngày 27/6/2024 về việc tham gia góp ý hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc Hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp, theo đó giao Cục Thuế tỉnh chủ trì nghiên cứu, triển khai thực hiện và báo cáo theo Công văn số 6560/BTC-CST ngày 25/6/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc Hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Cục Thuế đã triển khai lấy ý kiến trong toàn ngành và các cơ quan có liên quan, kết quả cơ bản thống nhất với hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp. Đồng thời có ý kiến góp ý như sau:

1. Về Đề cương dự thảo Nghị Quyết

- Bỏ dấu chấm "." cuối tên gọi dự thảo đề cương Nghị quyết.
- Tại phần căn cứ pháp lý, bổ sung các văn bản sau làm căn cứ: "*Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Quốc hội số 65/2020/QH14*"; "*Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 63/2020/QH14*".


2. Về nội dung dự thảo Tờ trình

Đề nghị bổ sung cụm từ "*điểm c*" trước cụm từ "*khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật*" tại trang 14 khoản 1.3 Mục V Dự thảo Tờ trình, để viện dẫn chính xác điều khoản điểm quy định về thẩm quyền của Quốc hội ban hành Nghị quyết đề quy định "*kéo dài thời hạn áp dụng toàn bộ hoặc một phần luật, nghị quyết của Quốc hội đáp ứng các yêu cầu cấp bách về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quyền con người, quyền công dân*".

Cục Thuế tỉnh Phú Yên báo cáo Bộ Tài chính biết và tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Lưu VT, NVDTPC (3b) (M.Hồng).

KT. CỤC TRƯỞNG
CHỖ CỤC TRƯỞNG

Công Văn Lãnh

UBND TỈNH GIA LAI
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2366/STC-QLNS

Gia Lai, ngày 18 tháng 7 năm 2024

V/v tham gia ý kiến dự thảo về hồ
sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị
quyết của Quốc hội về miễn thuế sử
dụng đất nông nghiệp.

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Căn cứ Công văn số 6560/BTC-CST ngày 25/6/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến dự thảo về hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Thực hiện Công văn số 2158/VP-KTTH ngày 29/6/2024 của Văn phòng UBND tỉnh V/v lấy ý kiến dự thảo về hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp. Theo đó, lãnh đạo UBND tỉnh giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan, đơn vị liên quan tham gia ý kiến dự thảo theo đề nghị của Bộ Tài chính.

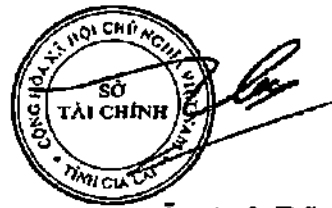
Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo về hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp, Sở Tài chính tỉnh Gia Lai thống nhất với nội dung dự thảo nêu trên.

Trên đây là ý kiến tham gia của Sở Tài chính tỉnh Gia Lai, kính gửi Bộ Tài chính tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Giám đốc và các PGĐ Sở;
- Lưu: VT, QLNS.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Anh Dũng

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**


Số: 2617/CTBDI-NVDTPC
V/v góp ý hồ sơ đề nghị xây dựng
dự án Nghị quyết của Quốc hội về
miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp

Bình Định, ngày 18 tháng 7 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính

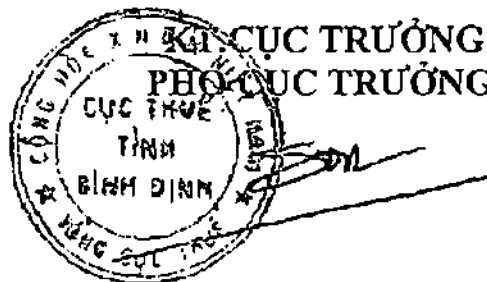
Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh Bình Định tại Công văn số 4920/UBND-TH ngày 29 tháng 6 năm 2024 về việc góp ý hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp theo đề nghị của Bộ Tài chính tại Công văn số 6560/BTC-CST ngày 25/6/2024.

Qua nghiên cứu và lấy ý kiến tham gia của các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan; Cục Thuế tỉnh Bình Định thống nhất hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Cục Thuế tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Tài chính biết, tổng hợp. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Lãnh đạo Cục Thuế;
- Lưu: VT, NVDTPC.



Nguyễn Ngọc Sơn

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1125 /CTKGI-HKDCN

Kiên Giang, ngày 17 tháng 7 năm 2024

V/v đóng góp ý kiến về hồ sơ đề nghị
xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội
về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp

Kính gửi: Bộ Tài Chính.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang tại Công văn số 6261/VP-KT ngày 08/7/2024 về việc góp ý kiến về hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Qua nghiên cứu hồ sơ kèm theo Công văn 6560/BTC-CST ngày 25/6/2024 của Bộ Tài Chính về việc lấy ý kiến về hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp, Cục Thuế tỉnh Kiên Giang thống nhất với các nội dung đề cương dự thảo Nghị quyết, không có ý kiến gì thêm.

Trên đây là đóng góp ý kiến về hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp của Cục Thuế tỉnh Kiên Giang. /cc

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh Kiên Giang (b/c)
- Lưu: VT, HKDCN, TTLAM.



KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

Đàm Mạnh Hùng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Số: 8295/UBND-KTNS

Đồng Nai, ngày 17 tháng 7 năm 2024

V/v góp ý hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Kính gửi: Bộ Tài chính.

UBND tỉnh Đồng Nai nhận được Văn bản số 6560/BTC-CST ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp; UBND tỉnh có ý kiến như sau:

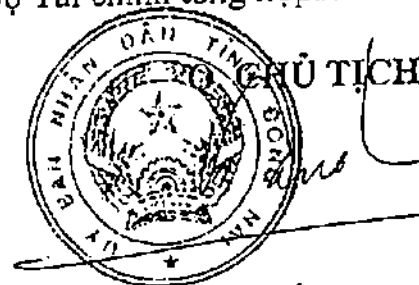
UBND tỉnh Đồng Nai thống nhất với đề cương dự thảo Nghị quyết về kéo dài thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp được quy định tại Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 của Quốc hội về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Quốc hội và Nghị quyết số 107/2020/QH14 ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội.

Lý do: Với đề xuất kéo dài thời gian miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp như quy định hiện hành sẽ tiếp tục là hình thức hỗ trợ trực tiếp tới người nông dân, là nguồn đầu tư tài chính trực tiếp cho khu vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn để đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, qua đó giúp tạo công ăn việc làm cho người nông dân, cải thiện cuộc sống, gắn bó với hoạt động sản xuất nông nghiệp. Việc tiếp tục thực hiện chính sách miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp trong giai đoạn 2026 - 2030 là cần thiết nhằm hỗ trợ phát triển nông nghiệp bền vững, tạo đà cho tăng trưởng kinh tế hậu khủng hoảng, góp phần động viên người nông dân yên tâm đầu tư sản xuất, tạo điều kiện tăng năng suất lao động, cải thiện đời sống, đồng thời cũng đảm bảo phù hợp với quan điểm về nông nghiệp, nông thôn theo chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm; phù hợp theo Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn "Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược lâu dài và là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước ta".

UBND tỉnh Đồng Nai kính gửi Bộ Tài chính tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Q. Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- STC;
- Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS



Võ Tấn Đức

UBND TỈNH NINH THUẬN
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2860 /STC-NS
V/v góp ý dự thảo Nghị quyết của
Quốc hội về miễn thuế sử dụng
đất nông nghiệp.

Ninh Thuận, ngày 16 tháng 7 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại Văn bản số 2643/VPUB-KTTH ngày 28/6/2024 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện các văn bản liên quan lĩnh vực tài chính; Theo đó, giao Sở Tài chính nghiên cứu góp ý nội dung theo đề nghị của Bộ Tài chính tại Công văn số 6560/BTC-CST ngày 25/6/2024 đảm bảo kịp thời, đúng quy định.

Căn cứ Công văn số 6560/BTC-CST ngày 25/6/2024 của Bộ Tài chính về lấy ý kiến về hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Trên cơ sở ý kiến góp ý của Cục Thuế tại Văn bản số 2441/CTNTH-NVDTPC ngày 09/7/2024; Sở Tài nguyên Môi trường tại Văn bản số 3231/STNMT-ĐĐ ngày 12/7/2024; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Văn bản số 2559/SNNPTNT-KH ngày 11/7/2024; Ủy ban nhân dân huyện Ninh Phước tại Văn bản số 3653/UBND-KT ngày 09/7/2024; UBND Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm tại Văn bản số 3654/UBND-TCKH ngày 13/7/2024;

Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận kính báo cáo Bộ Tài chính như sau:

Thông nhất nội dung dự thảo hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp, đính kèm Công văn số 6560/BTC-CST ngày 25/6/2024 của Bộ Tài chính.

Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận kính báo cáo Bộ Tài chính tổng hợp ý kiến theo chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Lưu VT, NS.NQT



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Nhựt



Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN

Số: 3200 /UBND-KT
V/v tham gia ý kiến hồ sơ đề
nghị xây dựng dự án Nghị
quyết của Quốc hội về miễn
thuế sử dụng đất nông nghiệp

Điện Biên, ngày 17 tháng 7 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Công văn số 6560/BTC-CST ngày 25/6/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp. Sau khi tổ chức lấy ý kiến tham gia của các cơ quan chức năng của tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên cơ bản nhất trí với nội dung dự thảo và có ý kiến tham gia như sau:

1. Tại điểm 1.3 khoản 1 Phần V, UBND tỉnh Điện Biên đề xuất lựa chọn giải pháp 1 **“Quy định tiếp tục thực hiện chính sách miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp”**.

2. Tại điểm 2.3 khoản 2 Phần V, UBND tỉnh Điện Biên đề xuất lựa chọn giải pháp 1 **“Quy định thời gian miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp là 05 năm, tiếp tục miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp từ 01/01/2026 đến hết ngày 31/12/2030”**.

Trên đây là ý kiến tham gia về hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp, UBND tỉnh Điện Biên kính gửi Bộ Tài chính tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Đức Toàn

**UBND TỈNH QUẢNG BÌNH
SỞ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2147 /STC-GCSDN

Quảng Bình, ngày 17 tháng 7 năm 2024

V/v tham gia ý kiến về hồ sơ
đề nghị xây dựng dự án Nghị
quyết của Quốc hội về miễn
thuế sử dụng đất nông nghiệp

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Công văn số 6560/BTC-CST ngày 25/6/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp. Theo đó, tại Công văn số 3085/VPUBND-TH ngày 01/7/2024, UBND tỉnh Quảng Bình đã giao Sở Tài chính Quảng Bình chủ trì, phối hợp với Cục Thuế tỉnh Quảng Bình và các cơ quan, đơn vị liên quan nghiên cứu, góp ý bằng văn bản về hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp, gửi Bộ Tài chính tổng hợp (có Công văn kèm theo).

Sau khi phối hợp với Cục Thuế tỉnh Quảng Bình và các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiên cứu, Sở Tài chính Quảng Bình thống nhất với hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết do Bộ Tài chính lập.

Sở Tài chính Quảng Bình tham gia ý kiến gửi Bộ Tài chính tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, GCSDN.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trương Tùng Giang

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 7250 /CTQNI-HKDCN
V/v tham gia ý kiến về hồ sơ đề nghị
xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội
về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp

Quảng Ninh, ngày 23 tháng 7 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính
(Cục quản lý giám sát chính sách thuế, phí và lệ phí)

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh tại văn bản số 3803/VP.UBND-KTTC ngày 01/7/2024 với nội dung triển khai lấy ý kiến về hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp theo văn bản số 6560BTC-CST ngày 25/6/2024 của Bộ Tài chính.

Cục Thuế tỉnh Quảng Ninh đã có văn bản gửi các cơ quan, đơn vị liên quan nghiên cứu, có ý kiến tham gia về hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp. Cục Thuế tỉnh Quảng Ninh tổng hợp, báo cáo Bộ Tài chính, như sau:

1. Các cơ quan, đơn vị liên quan đã nghiên cứu và nhất trí với dự thảo: (1) Tờ trình về đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp; (2) Đề cương Nghị quyết về kéo dài thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp; (3) Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện các chính sách thuế liên quan đến bất động sản; (4) Báo cáo đánh giá tác động đề nghị xây dựng nghị quyết về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

2. Đối với các phương án lựa chọn tại Tờ trình và Báo cáo đánh giá tác động, các cơ quan, đơn vị liên quan tham gia ý kiến như sau:

- Đối với Quy định về tiếp tục thực hiện chính sách miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp: 100% nhất trí với Phương án 1 – Tiếp tục thực hiện chính sách miễn thuế sử dụng đất phi nông nghiệp;

- Đối với Quy định thời gian miễn thuế thuế sử dụng đất nông nghiệp: 83,33% nhất trí với Phương án 1 – Quy định thời gian miễn thuế sử dụng đất phi nông nghiệp là 5 năm; 16,67% nhất trí với Phương án 2 – Quy định thời gian miễn thuế sử dụng đất phi nông nghiệp là 10 năm.

* Tổng hợp: Nhất trí với Phương án 1 – Quy định thời gian miễn thuế sử dụng đất phi nông nghiệp là 5 năm.

Cục Thuế tỉnh Quảng Ninh tổng hợp, tham gia ý kiến với Bộ Tài chính./

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh Quảng Ninh (để báo cáo);
- Cục trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Cục Thuế;
- Lưu VT, HKDCN.



Nguyễn Văn Quy

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3924 /UBND - TNMT
V/v tham gia ý kiến về hồ sơ đề
nghị xây dựng dự án Nghị quyết
của Quốc hội về miễn thuế sử
dụng đất nông nghiệp

Lào Cai, ngày 22 tháng 7 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính

Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai nhận được Văn bản số 6560/BTC-CST ngày 25/6/2024 của Bộ Tài chính về việc góp ý đối với hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Sau khi nghiên cứu nội dung hồ sơ và các văn bản liên quan, UBND tỉnh Lào Cai có ý kiến như sau:

Thống nhất với nội dung Báo cáo đánh giá tác động đề nghị xây dựng Nghị quyết về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp; Tờ trình đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp và Đề cương dự thảo Nghị quyết theo giải pháp đề xuất của Bộ Tài chính (*Quy định tiếp tục thực hiện chính sách miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp, thời gian miễn là 5 năm từ 01/01/2026 đến hết ngày 31/12/2030*).

Trên đây là ý kiến tham gia của UBND tỉnh Lào Cai, đề nghị Bộ Tài chính tổng hợp theo quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Cục Thuế tỉnh;
- PCVP1,2;
- Lưu: VT, TN1.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Trọng Hải

UBND TỈNH VINH PHÚC
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1531 /STC-QLNS

Vinh Phúc, ngày 22 tháng 07 năm 2024

V/v tham gia ý kiến vào hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện văn bản 6560/BTC-CST ngày 25/6/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Được sự ủy quyền của UBND tỉnh Vinh Phúc tại văn bản 4676/UBND-KT2 ngày 28/6/2024 về việc tham gia ý kiến vào hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp, trong đó, giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan nghiên cứu, có văn bản góp ý kiến báo cáo Bộ Tài chính.

Sau khi nghiên cứu và tổng hợp ý kiến từ các đơn vị có liên quan, Sở Tài chính Vinh Phúc nhất trí với các nội dung tại Dự thảo.

Sở Tài chính trân trọng báo cáo Bộ Tài chính./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c)
- Giám đốc Sở (b/c)
- Lưu: VT, QLNS

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Đỗ Thị Hồng Nhung

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 10115 /UBND-VP

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 22 tháng 7 năm 2024

V/v góp ý hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Ngày 25/6/2024, Bộ Tài chính có Công văn số 6560/BTC-CST về việc lấy ý kiến về hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Theo đề nghị của Cục Thuế tỉnh tại Công văn số 10372/CTBRV-NVDTPC ngày 19/7/2024; UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cơ bản thống nhất với các nội dung trong hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu kính gửi Bộ Tài chính./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng Cục Thuế;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh (b/c);
- Cục Thuế tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH7.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Ngọc Khánh

UBND TỈNH CÀ MAU
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2973 /STC-QLNS

Cà Mau, ngày 23 tháng 7 năm 2024

V/v tham gia góp ý hồ sơ đề nghị
xây dựng dự án Nghị quyết của
Quốc hội về miễn thuế sử dụng
đất nông nghiệp

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Công văn số 6560/BTC-CST ngày 25/6/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp; Công văn số 5192/UBND-KT ngày 28/6/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc góp ý hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp. Sau khi phối hợp với Cục Thuế tỉnh Cà Mau và các đơn vị có liên quan, Sở Tài chính tỉnh Cà Mau tham gia đóng góp ý kiến như sau:

Qua nghiên cứu nội dung hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp do Bộ Tài chính lập; trên cơ sở Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện các chính sách thuế liên quan đến bất động sản, báo cáo đánh giá tác động đề nghị xây dựng Nghị quyết về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp, Sở Tài chính tỉnh Cà Mau nhận thấy để tiếp tục thực hiện chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước, tiếp tục thực hiện các kết quả đã đạt được của chính sách miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp thì cần thiết phải tiếp tục kéo dài thời gian thực hiện chính sách miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp trong giai đoạn tới. Do đó, Sở Tài chính tỉnh Cà Mau thống nhất với nội dung hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Tuy nhiên, đối với Luật thuế sử dụng đất nông nghiệp năm 1993 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/1994, đến nay đã hơn 30 năm, đa số các quy định đã không còn phù hợp với điều kiện hiện nay; do đó, cần nghiên cứu, xem xét sửa đổi cho phù hợp, một số quy định như: căn cứ tính thuế sử dụng đất nông nghiệp: diện tích, hạng đất, định suất thuế tính bằng kilôgam thóc trên một đơn vị diện tích của từng hạng; Thu nộp thuế: Thuế sử dụng đất nông nghiệp tính bằng thóc, thu bằng tiền;...

Sở Tài chính tỉnh Cà Mau báo cáo Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Lưu: VT, QLNS(Nh).

GIÁM ĐỐC



Đoàn Quốc Khởi

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tuyên Quang, ngày 28 tháng 7 năm 2024

Tuyên Quang
Số email: vanhan.nga@tdc.gov.vn
Số điện thoại: 031.351.07.00
Thời gian: 12.07.2024



TỔNG CỤC THUE

CỤC THUE TỈNH TUYÊN QUANG

Số: 944 /CTQU-NVDTPC

V/v tham gia ý kiến vào hồ sơ đề nghị xây
dựng dự án Nghi quyết của Quốc hội về
miền thuế sử dụng đất nông nghiệp

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Văn bản số 6560/BTC-CST ngày 25/6/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghi quyết của Quốc hội về miền thuế sử dụng đất nông nghiệp;

Cục Thuế tỉnh Tuyên Quang được Ủy ban nhân dân tỉnh giao chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan, đơn vị liên quan nghiên cứu tham gia ý kiến vào hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghi quyết của Quốc hội về miền thuế sử dụng đất nông nghiệp (Văn bản giao chủ trì số 3131/UBND-THVX ngày 17/7/2024).

Sau khi nghiên cứu, tổng hợp ý kiến tham gia của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan, đơn vị liên quan đều nhất trí với hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghi quyết của Quốc hội về miền thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Cục Thuế tỉnh Tuyên Quang gửi ý kiến tham gia

KT CỤC TRƯỞNG



Hoàng Thanh Phong

Not signed

- Như trên;

- UBND tỉnh;

- Lưu VT, NVDTPC, Minh 28.9M

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1653 /UBND-TH

Cao Bằng, ngày 04 tháng 7 năm 2024

V/v góp ý hồ sơ đề nghị xây dựng
Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế
sử dụng đất nông nghiệp

Kính gửi: Cục Thuế tỉnh.

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số:.....5.2650.....
Ngày:	04-07-2024
Chuyên:	Cục...CST.....
Số và ký hiệu HS:

Thực hiện Công văn số 6560/BTC-CST ngày 25/6/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh có ý kiến như sau:

Giao Cục Thuế tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu và góp ý đối với hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp theo đề nghị của Bộ Tài chính tại Công văn số 6560/BTC-CST ngày 25/6/2024 (gửi kèm trên VNPT iOffice 4.0); nội dung góp ý bằng văn bản gửi Vụ chính sách thuế - Bộ Tài chính (thay cho UBND tỉnh) trước ngày 20/7/2024 và gửi UBND tỉnh để theo dõi/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ chính sách thuế - Bộ TC;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- VP UBND tỉnh: LĐVP; CVTH;
- Lưu: VT, TH (HT).



**TL. CHỦ TỊCH
CHÍNH VĂN PHÒNG**

Trịnh Sỹ Tài

24

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **3421**/UBND-KTTH

Quảng Ngãi, ngày **01** tháng 7 năm 2024

V/v tham gia ý kiến về hồ sơ
đề nghị xây dựng dự án
Nghị quyết của Quốc hội về
miễn thuế sử dụng đất
nông nghiệp

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số:..... 57.529.001
Ngày:	02-07-2024
Chuyên.....	Cục CST
Số và ký hiệu HS:.....	

Kính gửi: Cục Thuế tỉnh

Thực hiện Công văn số 6560/BTC-CST ngày 25/6/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp (*văn bản được gửi liên thông trên hệ thống Ioffice*), UBND tỉnh có ý kiến như sau:

Cục Thuế tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị và địa phương có liên quan tham gia góp ý về hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp theo đề nghị của Bộ Tài chính tại Công văn nêu trên; trực tiếp gửi Bộ Tài chính và báo cáo UBND tỉnh theo đúng thời gian yêu cầu./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Tài chính;
- Các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP, P.KTN;
- Công TT-ĐT tỉnh;
- Lưu: VT, P.KTTH/Tim235

TL. CHỦ TỊCH

HÀNH VĂN PHÒNG



Nguyễn Quốc Việt

*đề nghị
47*

ỦY BAN QLNN TẠI DOANH NGHIỆP
TỔNG CÔNG TY CÀ PHÊ VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 602/TCT-PCKSNB

Vv tham gia ý kiến về hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp

Tp Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 7 năm 2024

BỘ TÀI CHÍNH

ĐẾN Số: 063133

Ngày: 17-07-2024,

Chuyên: Cục CST

Số và ký hiệu HS:

Kính gửi:

- Bộ Tài chính;
- Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Tổng công ty Cà phê Việt Nam (Tổng công ty/ Vinacafe) nhận được Văn bản số: 1494/UBQLV-PCKS ngày 08/7/2024 của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp về việc tham gia ý kiến về hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ, tài liệu liên quan, Tổng công ty cơ bản đồng ý, thống nhất với các nội dung trong hồ sơ đề nghị xây dựng Dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp (kèm theo văn bản số 6560/BTC-CST ngày 25/6/2024 của Bộ Tài chính);

Ngoài ra, Tổng công ty có một số ý kiến tham gia về hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp (SDĐNN) như sau:

1. Sự cần thiết về việc miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp:

Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là cơ sở và lực lượng quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội bền vững, giữ vững ổn định chính trị.

Hiến pháp năm 2013 đã hiến định: “Đất đai... là tài sản công thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý”. “Đất đai là tài nguyên đặc biệt của quốc gia, nguồn lực quan trọng phát triển đất nước, được quản lý theo pháp luật”. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai, Nhà nước đã ban hành các chính sách tài chính đối với đất đai, trong đó chính sách thuế SDĐNN được xây dựng nhằm khuyến khích SDĐNN có hiệu quả, thực hiện công bằng, hợp lý sự đóng góp của tổ chức, cá nhân SDĐNN vào ngân sách nhà nước, tạo nguồn lực mới để phát triển kinh tế - xã hội, góp phần thực hiện chiến lược phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã luôn quan tâm đến việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách thuế đồng bộ, thống nhất, công bằng, hiệu quả, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; phù hợp với thông lệ quốc tế. Các văn kiện, Nghị quyết của Đảng và Nhà nước gần đây đã tiếp tục đề ra nhiều chủ trương, định hướng quan trọng cho việc hoàn thiện chính sách thuế nói chung và chính sách thuế SDĐNN nói riêng.

Thực hiện các chủ trương nêu trên, để khuyến khích hơn nữa tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; khuyến khích phát triển kinh tế trang trại;

khuyến khích phát triển xây dựng cánh đồng lớn; góp phần chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, đẩy nhanh ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ trong sản xuất nông nghiệp đạt năng suất, chất lượng cao thì cần thiết phải tiếp tục thực hiện chính sách miễn thuế SDDNN trong giai đoạn tới.

Do vậy, việc Bộ Tài chính tham mưu cho Chính phủ trình Quốc hội có chính sách tiếp tục miễn thuế SDDNN trong thời gian tới là cần thiết, quan trọng.

2. Là doanh nghiệp sản xuất kinh doanh gắn liền với quản lý và sử dụng đất nông nghiệp tại địa bàn chiến lược các tỉnh Tây Nguyên, theo đó Tổng công ty đề xuất một số nội dung có liên quan như sau:

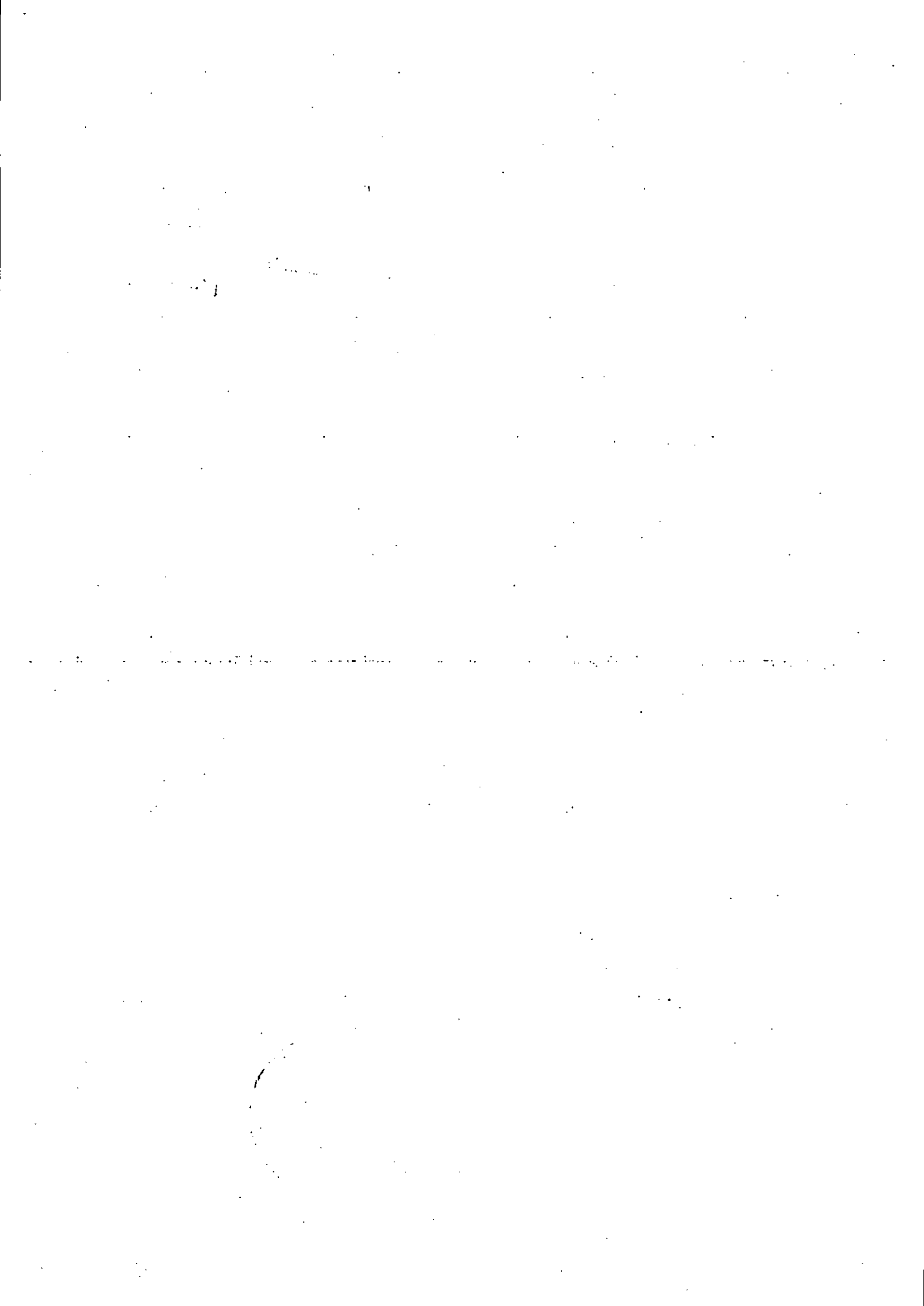
2.1. Đối với đất nông nghiệp sử dụng tái canh (5-7 năm), trồng mới (trong giai đoạn kiến thiết cơ bản) vườn cây cà phê, cao su và các cây công nghiệp khác

Trong giai đoạn tái canh, đầu tư xây dựng cơ bản thì diện tích này không thu được sản phẩm, chỉ phát sinh chi phí đầu tư trong đó có tiền thuê đất. Theo báo cáo của các đơn vị thành viên, Tổng công ty đang phải chi trả bình quân 01 ha từ 2-3 triệu/ha; các khu vực gần trung tâm từ 3-6/ triệu/ha (tại địa bàn huyện Cư Kuin – tỉnh Đắk Lắk); trong khi tái canh thì không có sản phẩm, Người lao động không nhận được sản phẩm mà chỉ nhận được chi phí nhân công. Nếu tính bình quân cho 5 năm, Tổng công ty bỏ ra tiền thuê đất trong giá trị đầu tư cho 01 ha từ 20-30 triệu đồng/ 01 ha vườn cây, bình quân là 25 triệu/ ha. Trong giai đoạn 2021-2025, Tổng công ty có kế hoạch tái canh với diện tích khoảng 6.000 ha thì phải bỏ ra chi phí tiền thuê đất khoảng 150 tỷ đồng, cây là áp lực rất lớn về chi phí đầu tư [Trong khi cùng lĩnh vực trồng, sản xuất, chế biến cây công nghiệp thì Tập đoàn Cao su được miễn tiền thuê đất trong thời gian 07 năm thời kỳ kiến thiết cơ bản (trồng mới)].

Theo quy trình đầu tư, tái canh cây cà phê của Bộ Nông nghiệp, suất đầu tư hiện tại của Tổng công ty khoảng 250 triệu/ha; trong đó tiền thuê đất bình quân sẽ chiếm 8%/ tổng chi phí đầu tư làm cho chi phí khấu hao khi kinh doanh sẽ tăng 8% do ảnh hưởng của tiền thuê đất làm cho hiệu quả sản xuất (của cả doanh nghiệp, người lao động nhận khoán vườn cây) khi đưa vào giao khoán sẽ giảm tương ứng, trong khi năng suất giao khoán thì không tăng.

Còn đối với các hộ dân trên cùng địa bàn được Nhà nước cho thuê đất thì được miễn hoàn toàn kể cả trong giai đoạn tái canh, kinh doanh. Việc này dẫn đến việc các hộ nhận khoán của các doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi toàn bộ tiền thuê đất được cấu thành trong Phương án giao khoán, phương án đầu tư để doanh nghiệp thu sản phẩm giao khoán, tiêu thụ để có tiền nộp vào ngân sách nhà nước. Chính vì vậy, một số hộ là công nhân đang nhận khoán đã bỏ lơ nhận khoán, nhiều hộ đang nhận khoán hiện còn nợ sản phẩm khoán; do chưa hài hòa về lợi ích nên tình trạng khiếu nại, khiếu kiện đang có chiều hướng gia tăng, có diễn biến phức tạp đối với việc nhận giao khoán ở các công ty nông, lâm nghiệp nói chung, khoán cà phê nói riêng; ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình an ninh- trật tự tại địa phương.

Do đó, Tổng công ty kính đề nghị Bộ Tài chính có ý kiến với các Bộ/ngành/ địa phương để kiến nghị Chính phủ xem xét, bổ sung quy định với nội dung: “miễn tiền thuê đất trong thời gian kiến thiết cơ bản (tái canh) vườn cây cà phê theo quy



**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH THÁI BÌNH**

Số: 408/CTTBI-NVDTPC
V/v tham gia ý kiến về hồ sơ đề nghị
xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc
hội về miễn thuế sử dụng đất nông
nghiệp

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thái Bình, ngày 22 tháng 7 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Văn bản số 2463/UBND-KT ngày 02/07/2024; trong đó, giao và ủy quyền cho Cục Thuế tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ngành, đơn vị có liên quan nghiên cứu, tham gia ý kiến về Hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp theo yêu cầu của Bộ Tài chính tại Văn bản số 6560/BTC-CST ngày 25/06/2024.

Ngay khi nhận được chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Cục Thuế đã có văn bản đề nghị các sở, ngành có liên quan trong tỉnh nghiên cứu tham gia. Sau khi tổng hợp ý kiến của các sở, ban, ngành có liên quan, Cục Thuế tỉnh báo cáo như sau:

- Các ý kiến tham gia của các sở, ban, ngành và Cục Thuế tỉnh đều thống nhất với các nội dung trong hồ sơ nêu trên.

- Đối với việc lựa chọn giải pháp được nêu tại nội dung dự thảo Tờ trình về đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp trình Chính phủ và Báo cáo đánh giá tác động đề nghị xây dựng Nghị quyết về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp, Cục Thuế tỉnh thống nhất ý kiến tham gia như sau:

Tại Mục V: Mục tiêu, nội dung chính của chính sách, giải pháp thực hiện chính sách trong đề nghị xây dựng Nghị quyết.

Tại điểm 1.3 Giải pháp thực hiện chính sách và lý do lựa chọn giải pháp:

Giải pháp 1: Quy định tiếp tục thực hiện chính sách miễn giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp (SDĐNN).

Giải pháp 2: Không quy định tiếp tục thực hiện chính sách miễn giảm thuế SDĐNN (việc miễn giảm thuế SDĐNN thực hiện theo quy định của Luật thuế SDĐNN).

Lựa chọn phương án thực hiện theo Giải pháp 1.

Tại điểm 2.3 Giải pháp thực hiện chính sách và lý do lựa chọn giải pháp:

Giải pháp 1: Quy định thời hạn miễn thuế SDĐNN là 5 năm (tiếp tục miễn thuế SDĐNN từ ngày 01/01/2026 đến hết ngày 31/12/2030).

Giải pháp 2: Quy định thời hạn miễn thuế SDĐNN là 10 năm (tiếp tục miễn thuế SDĐNN từ ngày 01/01/2026 đến hết ngày 31/12/2035).

Lựa chọn phương án thực hiện theo Giải pháp 1.

Cục Thuế tỉnh Thái Bình tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính. Trân trọng./ cell

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Lãnh đạo Cục;
- Lưu: VT, NVDTPC.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Nguyễn Tiến Lợi

TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH HÀ NAM

Số: 1896 /CTHNA-HKDCN
V/v tham gia ý kiến về hồ sơ đề nghị
xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về
miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nam, ngày 22 tháng 7 năm 2024

Kính gửi: - Bộ Tài chính;
- UBND tỉnh Hà Nam.

Thực hiện sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam tại Công văn số 2419/VPUB-KT ngày 02/07/2024 về việc lấy ý kiến về hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp. Cục Thuế tỉnh Hà Nam đã triển khai nội dung dự thảo Nghị quyết tới các đơn vị trong ngành và phối hợp lấy ý kiến của các Sở Tài chính cũng như UBND huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh. Trên cơ sở nghiên cứu dự thảo Nghị quyết và qua tổng hợp ý kiến tham gia của Sở Tài chính, UBND huyện, thành phố, thị xã. Cục Thuế tỉnh Hà Nam tổng hợp, báo cáo kết quả cụ thể như sau:

1. Về việc miễn Thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Việc miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp là phù hợp với quan điểm của Đảng, Nhà nước về phát triển nông thôn trong giai đoạn hiện nay. Đồng thời việc miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp sẽ khuyến khích người dân đầu tư vào công nghệ, khoa học kỹ thuật nông nghiệp; khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp; đảm bảo được an ninh lương thực.

Từ các nhận định trên, Sở Tài chính và UBND các huyện, thành phố, thị xã cũng như Cục Thuế tỉnh Hà Nam đều nhất trí với việc tiếp tục miễn Thuế sử dụng đất nông nghiệp trong giai đoạn tới theo đúng như dự thảo Nghị quyết.

2. Về thời hạn miễn Thuế sử dụng đất nông nghiệp

Về thời hạn miễn Thuế sử dụng đất nông nghiệp: Qua tổng hợp ý kiến tham gia đề xuất thực hiện miễn Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp trong thời gian là 10 năm, lý do đề xuất cụ thể như sau:

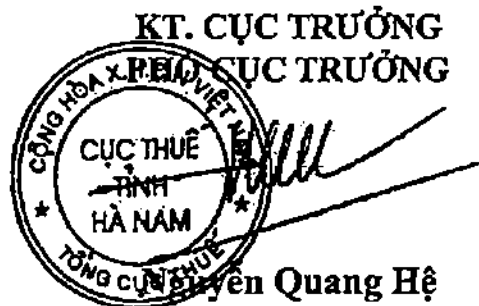
Việc miễn Thuế sử dụng đất nông nghiệp nhằm mục đích khuyến khích người dân đổi mới công nghệ, áp dụng khoa học kỹ thuật cũng như khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp để từng bước phát triển nông thôn, đảm bảo an ninh lương thực. Việc đầu tư vào các dự án trong thuộc lĩnh vực nông nghiệp sẽ tốn thời gian, khả năng thu lợi nhuận sẽ lâu hơn các dự án thuộc lĩnh vực khác, theo đó việc Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp trong 10

là để khuyến khích người dân cũng như tiếp tục thu hút các nhà đầu tư thực hiện đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp.

Cục Thuế tỉnh Hà Nam trân trọng báo cáo Bộ Tài chính, UBND tỉnh Hà Nam./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Tài chính;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cục trưởng;
- PCT Nguyễn Quang Hệ;
- Lưu: VT, HKDCN.



Số: 2234 /STC-QLNS

Hậu Giang, ngày 19 tháng 7 năm 2024

V/v tham gia góp ý đối với hồ
sơ đề nghị xây dựng dự án
Nghị quyết Quốc hội về miễn
thuế sử dụng đất nông nghiệp

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Công văn số 6560/BTC-CST ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Thừa ủy quyền Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 3639/VP UBND-NCTH ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc tham gia góp ý đối với hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Qua phối hợp với các cơ quan, đơn vị và địa phương nghiên cứu nội dung hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp, Sở Tài chính cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo và có ý kiến đề xuất lựa chọn giải pháp cụ thể như sau:

1. Tại mục 1.3 của phần V dự thảo Tờ trình xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp (SDĐNN), tỉnh Hậu Giang thống nhất chọn "*Giải pháp 1: Quy định tiếp tục thực hiện chính sách miễn thuế SDĐNN*", vì miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp là cụ thể hóa chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; giúp cho người nông dân gắn bó hơn với đồng ruộng, yên tâm đầu tư sản xuất nông nghiệp; chia sẻ khó khăn với nông dân, thúc đẩy kinh tế nông nghiệp phát triển; quan trọng hơn là bảo đảm nguồn lương thực quốc gia, góp phần an ninh lương thực thế giới. Trong báo cáo đánh giá tác động đã xác định miễn thuế SDĐNN "*Góp phần khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông dân, nông thôn, góp phần thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nâng cao giá trị sản phẩm nông nghiệp từ đó nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp trên thị trường quốc tế*".

2. Tại mục 2.3 của phần V dự thảo Tờ trình xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp (SDĐNN) tỉnh Hậu Giang thống nhất chọn "*Giải pháp 2: Quy định thời gian miễn thuế SDĐNN là 10 năm (tiếp tục miễn thuế SDĐNN từ 01/01/2026 đến hết ngày 31/12/2035)*", để bảo đảm mục tiêu phù hợp với quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và tình hình kinh tế xã hội thực tiễn trong dự

thảo. Tiếp tục thực hiện chính sách miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp trong giai đoạn 2026 - 2035 là cần thiết, nhằm hỗ trợ phát triển nông nghiệp bền vững, tạo đà cho tăng trưởng kinh tế, góp phần động viên người nông dân yên tâm đầu tư sản xuất, tạo điều kiện tăng năng suất lao động, cải thiện đời sống. Ngoài ra, miễn thuế trong giai đoạn 10 năm cũng tương ứng và phù hợp với các điều kiện cam kết về hợp tác liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, góp phần hỗ trợ cho người nông dân trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

Kính báo Bộ Tài chính tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT, QLNS.NVC

E:\NS\2024\19\1\21. Góp ý tờ trình số 04\ NN

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Thanh Hà

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH TIỀN GIANG**

Số: 2577 /CTTGI-NVDTPC
V/v đóng góp ý kiến vào hồ sơ
đề nghị xây dựng Nghị quyết của
Quốc hội về miễn thuế sử dụng
đất nông nghiệp

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tiền Giang, ngày 18 tháng 7 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Ngày 08/07/2024, Cục Thuế tỉnh Tiền Giang nhận được công văn số 4140/UBND-KT ngày 08/7/2024 của UBND tỉnh Tiền Giang về việc giao chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan nghiên cứu, tham gia ý kiến vào dự thảo hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp (SDĐNN).

Qua nghiên cứu dự thảo tờ trình, hồ sơ kèm theo công văn số 6560/BTC-CST ngày 25/6/2024 của Bộ Tài chính, như: Tờ trình về đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế SDĐNN; Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện chính sách thuế liên quan đến bất động sản; Báo cáo đánh giá tác động đề nghị xây dựng nghị quyết về miễn thuế SDĐNN. Ngành Thuế tỉnh Tiền Giang nhận định, đây là nội dung quan trọng, nhằm góp phần tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách thuế.

Cục Thuế đã thực hiện tham khảo ý kiến đóng góp của các Sở, Ban ngành trong tỉnh, đồng thời lấy ý kiến đóng góp của các đơn vị trực thuộc Ngành Thuế. Về cơ bản tất cả đều thống nhất với các nội dung Bộ Tài chính đã nêu tại tờ trình dự thảo.

Cục Thuế nhận thấy việc nghiên cứu chính sách miễn thuế SDĐNN là giải pháp quan trọng góp phần thực hiện chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong từng thời kỳ, góp phần thúc đẩy đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nâng cao sức cạnh tranh của nông sản Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế. Việc tiếp tục thực hiện chính sách miễn thuế SDĐNN tạo động lực và khuyến khích doanh nghiệp tham gia đầu tư, sản xuất nông nghiệp, góp phần tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

Do đó, việc miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp là chính sách hoàn toàn đúng của Bộ Tài chính và Chính phủ, Cục Thuế ý kiến như sau:

- Đối với chính sách 1 (nghiên cứu quy định về miễn thuế): lựa chọn Phương án 1 (miễn thuế).

- Đối với chính sách 2 (nghiên cứu quy định về thời gian miễn thuế): lựa chọn Phương án 1 (miễn thuế 05 năm, từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2030).

Trên đây là ý kiến của Cục Thuế tỉnh Tiền Giang về việc tham gia ý kiến vào dự thảo hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp, kính gửi Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận :

- Như trên;
- UBND tỉnh Tiền Giang (để báo cáo);
- Lưu : VT, NVDTPC (4b).

CỤC TRƯỞNG
CỤC THUẾ
TỈNH
TIỀN GIANG
TỔNG CỤC THUẾ
Nguyễn Năng Hoàn



PA

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SON

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 958 /UBND-KT

Lạng Sơn, ngày 16 tháng 7 năm 2024

V/v tham gia ý kiến về hồ sơ
đề nghị xây dựng dự án Nghị
quyết của Quốc hội về miễn
thuế sử dụng đất nông nghiệp

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐỀ	Số: 6236/ĐT
Ngày 22-07-2024	
Chuyên: Cục Thuế	
Số và ký hiệu HS: lấy ý kiến	

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Công văn số 6560/BTC-CST ngày 25/6/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp, sau khi nghiên cứu, Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia ý kiến như sau:

1. Cơ bản nhất trí với nội dung hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp do Bộ Tài chính chủ trì soạn thảo.

2. Tham gia ý kiến về mục tiêu, nội dung chính của chính sách, giải pháp thực hiện chính sách trong đề nghị xây dựng Nghị quyết tại dự thảo Tờ trình của Chính phủ (mục V), cụ thể như sau:

a) Về chính sách 1:

Đề xuất lựa chọn giải pháp 1: "Quy định tiếp tục thực hiện chính sách miễn thuế SDĐNN".

Lý do: tiếp tục kéo dài thời gian miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp là hình thức hỗ trợ trực tiếp tới người nông dân; là nguồn đầu tư tài chính trực tiếp cho khu vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn để đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, qua đó tạo công ăn việc làm giúp cho người nông dân cải thiện cuộc sống, gắn bó với hoạt động sản xuất nông nghiệp; bảo mục tiêu, phù hợp với quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và thông lệ quốc tế.

b) Về chính sách 2:

Đề xuất lựa chọn giải pháp 1: "Quy định thời gian miễn thuế SDĐNN là 5 năm (tiếp tục miễn thuế SDĐNN từ 01/01/2026 đến hết ngày 31/12/2030)".

Lý do: Giải pháp 2 "Quy định thời gian miễn thuế SDĐNN là 10 năm (tiếp tục miễn thuế SDĐNN từ 01/01/2026 đến hết ngày 31/12/2035)" là khoảng thời gian tương đối dài trong bối cảnh tình hình kinh tế biến động khó lường, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam giai đoạn sau 2030 chưa được định hướng cụ thể, đồng thời cũng gia tăng áp lực lên ngân sách nhà nước. Mặt khác, lựa chọn giải pháp 1 quy định thời gian miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp 5 năm, trong trường hợp cần thiết vẫn có thể điều chỉnh, kéo dài thời gian miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp không làm ảnh hưởng nhiều đến quyền

lợi của người nông dân. Quy định thời gian miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp 5 năm là phù hợp với các điều kiện về cam kết về hợp tác, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, góp phần hỗ trợ người nông dân trong sản xuất; đảm bảo mục tiêu, phù hợp với quan điểm, chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn trân trọng báo cáo Bộ Tài chính./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh;
- Các Sở: TC, NNPTNT;
- C, PCPVP UBND tỉnh,
Phòng KT, Trung tâm Thông tin;
- Lưu VT, KT(MTH).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đoàn Thanh Sơn

NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1307/NHPT-PC
 V/v tham gia ý kiến về hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp

Hà Nội, ngày 22 tháng 7 năm 2024

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: 065034
Ngày: 22-07-2024	
Chuyển:..... <i>Cuc...CST</i>	
Số và ký hiệu HS:.....	

Kính gửi: Bộ Tài chính

Ngân hàng Phát triển Việt Nam (NHPT) nhận được Công văn số 6560/BTC-CST ngày 25/6/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến góp ý đối với hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp. Sau khi nghiên cứu, NHPT có ý kiến như sau:

1. Sự cần thiết của việc miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp

NHPT đồng ý với sự cần thiết của việc tiếp tục chính sách miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp. Chính sách này đã được thực hiện liên tục trong hơn hai thập kỷ qua và mang lại nhiều tác động tích cực cho sản xuất nông nghiệp cũng như công cuộc chống đói nghèo của Việt Nam.

Việc miễn giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp sẽ khuyến khích hơn nữa tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; khuyến khích phát triển kinh tế trang trại; khuyến khích phát triển xây dựng cánh đồng lớn; góp phần chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, đẩy nhanh ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ trong sản xuất nông nghiệp đạt năng suất, chất lượng cao.

2. Hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp

Về hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp Ngân hàng Phát triển cơ bản thống nhất với các tài liệu kèm theo.

Riêng đối với 02 giải pháp về thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp mà Bộ Tài chính đưa ra: Giải pháp 1 quy định về thời gian miễn thuế là 05 năm (tiếp tục miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp từ 01/01/2026 đến 31/12/2030) và giải pháp 2 quy định về thời gian miễn thuế là 10 năm (tiếp tục miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp từ 01/01/2026 đến 31/12/2036), NHPT đề xuất lựa chọn giải pháp

thứ 2 là thời gian miễn thuế 10 năm nhằm bảo đảm sự ổn định chính sách, góp phần động viên người nông dân yên tâm sản xuất, hỗ trợ người nông dân đầu tư mở rộng sản xuất, tăng cường năng lực ứng phó với những biến động của thị trường và quản trị rủi ro về thiên tai, dịch bệnh, thể hiện chủ trương nhất quán của Đảng và Nhà nước. Hiện nay, nhiều doanh nghiệp đang có xu hướng đầu tư vào sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, liên kết chuỗi giá trị trong nước cũng như xuất khẩu, áp dụng công nghệ cao trong nông nghiệp. Những dự án đầu tư này đòi hỏi số vốn lớn, thời gian thu hồi vốn dài nên rất cần sự ổn định về chính sách để các doanh nghiệp yên tâm xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Trên đây là một số ý kiến của NHPT về việc lấy ý kiến Hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp. Ngân hàng Phát triển kính gửi Bộ Tài chính tổng hợp. / *kl*

- Nơi nhận:
- Như trên;
 - TGD, các PTGD;
 - Lưu: VP, PC (Hà, 02). *kl*

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Minh Thọ

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
CÔNG THÔNG TIN CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 746/TTĐT-DLĐT

Hà Nội, ngày 23 tháng 7 năm 2024

V/v Góp ý dự thảo văn bản quy
phạm pháp luật.

Kính gửi: Bộ Tài chính

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: 065439..
Ngày:	24-07-2024
Chuyên: <i>Luật</i>
Số và ký hiệu HS:

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 trong đó có quy định về việc lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức và cá nhân đối với Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ,

Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về kéo dài thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp được quy định tại Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24/11/2020 của Quốc hội về miễn giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11/11/2016 của Quốc hội và Nghị quyết số 107/2020/QH14 ngày 10/6/2020 của Quốc hội, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ đã đăng toàn văn nội dung dự thảo trên để lấy ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và nhân dân cả trong và ngoài nước trong 30 ngày theo quy định.

Sau 30 ngày đăng tải, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ không nhận được ý kiến góp ý nào của công dân, tổ chức đối với dự thảo do quý cơ quan chủ trì soạn thảo.

Nơi nhận:

- Như trên;
- VPCP: Vụ KTTH, PL;
- TGD;
- Lưu: VT, DLĐT. PH



Nguyễn Hồng Sâm

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Số: **H035** /UBND-KT

V/v tham gia ý kiến vào hồ sơ
đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết
của Quốc hội về miễn thuế sử dụng
đất nông nghiệp

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 7 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính

Theo đề nghị của Bộ Tài chính tại Công văn số 6560/BTC-CST ngày 25/6/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Trên cơ sở ý kiến của Cục Thuế thành phố tại Công văn số 6437/CTDAN-HKDCN ngày 18 tháng 7 năm 2024, UBND thành phố Đà Nẵng thống nhất với nội dung hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

UBND thành phố Đà Nẵng kính báo cáo Bộ Tài chính. *ylc*

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT UBND tp (để b/c);
- Cục Thuế TP Đà Nẵng;
- Lưu: VT, KT. *th*

6

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hồ Kỳ Minh



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 8008 /UBND-KT

Khánh Hòa, ngày 03 tháng 7 năm 2024

V/v tham gia góp ý về Nghị
quyết của Quốc hội về miễn thuế
sử dụng đất nông nghiệp.

Kính gửi: Bộ Tài chính.

UBND tỉnh Khánh Hòa nhận được công văn số 6560/BTC-CST ngày 25/6/2023 của Bộ Tài chính về việc góp ý dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Qua nghiên cứu hồ sơ lập đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp, UBND tỉnh Khánh Hòa thống nhất dự thảo Nghị quyết và kính gửi Bộ Tài chính tổng hợp.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TL, HL.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Hữu Hoàng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 7688/UBND-NĐ

Thừa Thiên Huế, ngày 24 tháng 7 năm 2024

V/v tham gia góp ý dự thảo Nghị
quyết

Kính gửi: Bộ Tài chính

Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế nhận được Công văn số 6560/BTC-CST ngày 25/6/2024 của Bộ Tài chính về việc xây dựng Nghị Quyết về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Sau khi nghiên cứu Báo cáo đánh giá tác động đề nghị xây dựng Nghị Quyết về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp của Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế cơ bản thống nhất theo Đề cương dự thảo Nghị Quyết về kéo dài thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp được quy định tại Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 của Quốc hội về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Quốc hội và Nghị quyết số 107/2020/QH14 ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội.

Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế kính báo cáo Bộ Tài chính tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính
- VP: CVP và các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, ĐC, NĐ.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHẠNG CHỦ TỊCH



Phan Quý Phương

**UBND TỈNH YÊN BÁI
SỞ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1487 /STC-GCS&TCDN

Yên Bái, ngày 19 tháng 7 năm 2024

V/v tham gia ý kiến vào hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN số:...	61224...BT
Ngày	25-07-2024
Chuyên:...	AW...CST.....
Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Văn bản số 6560/BTC-CST ngày 25/6/2024 của Bộ Tài chính và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái tại Công văn số 2262/UBND-TC ngày 29/01/2024 về việc tham gia ý kiến vào hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp. Sở Tài chính tỉnh Yên Bái đã có Công văn số 1376/STC-GCS&TCDN ngày 06/7/2024 gửi xin ý kiến tham gia của các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp và ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị. Sở Tài chính tỉnh Yên Bái tổng hợp, tham gia ý kiến như sau:

1. Cơ bản nhất trí với hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết về kéo dài thời hạn miễn giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp được quy định tại Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24/11/2010 của Quốc hội về miễn giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11/11/2016 của Quốc hội và Nghị quyết số 107/2020/QH14 ngày 10/6/2020 của Quốc hội.

2. Một số nội dung tham gia như sau:

- Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, sửa đổi Tờ trình theo đúng mẫu số 02 Tờ trình đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Phụ lục III kèm theo Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25/5/2024 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 54/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

- Về lựa chọn giải pháp tại mục V của Tờ trình hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp:

Chính sách 1: Nghiên cứu quy định về miễn giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp. Lựa chọn giải pháp 1 tiếp tục thực hiện chính sách về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Chính sách 2: Nghiên cứu quy định về thời gian miễn thuế. *Lựa chọn giải pháp 1 quy định thời gian miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp là 5 năm (tiếp tục miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp từ 01/01/2026 đến hết ngày 31/12/2030).*

Sở Tài chính tỉnh Yên Bái kính gửi Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Lưu VT, GCS&TCĐN.



**UBND TỈNH PHÚ THỌ
SỞ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1212/STC-QLNS

Phú Thọ, ngày 25 tháng 7 năm 2024

V/v Tham gia ý kiến về hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Thực hiện Văn bản số 2630/UBND-KTTH ngày 01/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ về việc tham gia ý kiến về hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

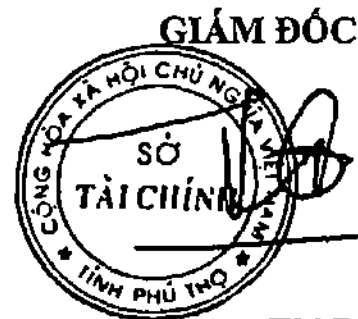
Căn cứ Văn bản số 1263/CTPTH-NVDTPC ngày 17/7/2024 của Cục Thuế tỉnh Phú Thọ về việc tham gia ý kiến về hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp; Sở Tài chính nhất trí với nội dung của dự thảo, không có ý kiến sửa đổi, bổ sung.

Trên đây là ý kiến tham gia của Sở Tài chính gửi Bộ Tài chính tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/c)
- Giám đốc;
- Lưu VT+ NS;



Vương Thị Bấy

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2454 /UBND-KTTH
V/v tham gia ý kiến hồ sơ đề nghị
xây dựng dự án Nghị quyết của
Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất
nông nghiệp.

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội nhận được Công văn số 6560/BTC-CST ngày 25/6/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp. Sau khi nghiên cứu, UBND Thành phố Hà Nội có ý kiến như sau:

- Thống nhất nội dung dự thảo tại hồ sơ của Bộ Tài chính trình Chính phủ về đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội kéo dài thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp theo hướng quy định thời gian miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp là 5 năm (tiếp tục miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp từ 01/01/2026 đến hết ngày 31/12/2030) theo đề xuất giải pháp 1 của Bộ Tài chính để đảm bảo mục tiêu phù hợp với quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và tình hình kinh tế xã hội thực tiễn.

- Về nội dung Tờ trình đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp, đề nghị chỉnh sửa lại tại Mục I.1 Trang số 4 về thời gian Luật Đất đai số 21/2024/QH15 có hiệu lực từ ngày 01/8/2024 (thay vì từ ngày 01/01/2025 như trong dự thảo Tờ trình).

Trên đây là nội dung ý kiến tham gia của UBND thành phố Hà Nội, trân trọng gửi Bộ Tài chính nghiên cứu, tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Phó Chủ tịch UBND TP Hà Minh Hải;
- Cục Thuế TP Hà Nội;
- CVP: PCVP Đ. Q. Hùng, KTTH;
- Lưu: VT, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hà Minh Hải

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 6271 /UBND-KT
V/v tham gia ý kiến về hồ
sơ đề nghị xây dựng dự án
Nghị quyết của Quốc hội
về miễn thuế sử dụng đất
nông nghiệp

Nghệ An, ngày 25 tháng 7 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Thực hiện Công văn số 6560/BTC-CST ngày 25/6/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp; UBND tỉnh Nghệ An có ý kiến như sau:

UBND tỉnh Nghệ An thống nhất với nội dung hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp.

UBND tỉnh Nghệ An kính báo cáo Bộ Tài chính./.

Nơi nhận: ✓
- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT KT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- CVP, PCVP KT UBND tỉnh;
- Lưu VT, KT (TP, Hòa).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Thanh An